

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình thực hiện đề tài Khóa luận tốt nghiệp - công trình đúc kết những tri thức tích lũy được trong suốt 4 năm sinh viên học tập và rèn luyện dưới mái trường Đại học dân lập Hải Phòng, bản thân em đã nhận được rất nhiều sự quan tâm và giúp đỡ.

Nhân dịp hoàn thành xong khóa luận tốt nghiệp, em xin gửi lời cảm ơn tới: Phòng văn hóa, thể thao huyện Triệu Sơn, Ban quản lí di tích lịch sử danh lam thắng cảnh núi Nưa, đã tạo điều kiện cho em tìm hiểu về khu di tích, đồng thời cung cấp cho em nhiều thông tin hữu ích là nguồn tư liệu để viết bài.

Xin cảm ơn gia đình, bạn bè, những người đã hỗ trợ và động viên để em có thêm niềm tin và sự cố gắng hơn nữa.

Cuối cùng, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới giảng viên hướng dẫn: Thạc sĩ Phạm Thị Hoàng Diệp – cô là người đã luôn quan tâm và chỉ bảo tận tình không chỉ về kiến thức mà còn cả phong cách cũng như thái độ làm việc nghiêm túc, để em có thể hoàn thành đề tài một cách tốt nhất.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 19 tháng 6 năm 2013

Sinh viên

Hồ Thị Nga

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	1
A. PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài	1
2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề:	2
3. Mục đích, ý nghĩa của đề tài:	3
4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu:	4
5. Phương pháp nghiên cứu:	4
6. Bố cục đề tài:	5
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ HUYỆN TRIỆU SƠN VÀ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH Ở TRIỆU SƠN THANH HÓA	8
1.1. Vài nét về vùng đất và con người Triệu Sơn.	8
<i>1.1.1. Địa lí và cảnh quan:</i>	8
<i>1.1.2. Dân cư, kinh tế, xã hội</i>	12
<i>1.1.2.1. Dân cư và truyền thống lịch sử</i>	12
<i>1.1.2.2. Điều kiện Kinh tế - Xã hội huyện Triệu Sơn</i>	19
1.2. Khái quát về hoạt động du lịch ở Triệu Sơn.	24
<i>1.2.1. Tài nguyên du lịch huyện Triệu Sơn.</i>	24
<i>1.2.1.1. Khu du lịch sinh thái Vườn cò Tiến Nông</i>	25
<i>1.2.1.2. Phủ Tía</i>	27
<i>1.2.1.3. Chùa Lê Động</i>	27
<i>1.2.1.4. Chùa Hòa Long</i>	28
<i>1.2.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch</i>	29
<i>1.2.3. Khách du lịch và hiệu quả của hoạt động du lịch.</i>	30
<i>1.2.4. Định hướng phát triển du lịch Triệu Sơn trong thời gian tới</i>	32
<i>Tiểu kết chương 1</i>	35
CHƯƠNG 2. TÌM HIỂU VỀ KHU DI TÍCH LỊCH SỬ, DANH LAM THẮNG CẢNH NÚI NƯA VÀ THỰC TRẠNG KHAI THÁC HIỆN NAY	36
2.1. Tìm hiểu về khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh núi Nưa	36
<i>2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của khu di tích</i>	36
<i>2.1.2. Các công trình hạng mục chính trong khu di tích</i>	44
<i>2.1.2.1. Khu di tích phủ Na và tín ngưỡng thờ Mẫu</i>	44
<i>2.1.2.2. Hệ thống di tích gắn với cuộc khởi nghĩa Bà Triệu</i>	51
<i>2.1.3. Giá trị của Khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh Núi Nưa</i>	65
2.2. Thực trạng khai thác hiện nay	69

2.2.1. Thực trạng khai thác tại khu di tích Phủ Na	70
2.2.1.1. Thực trạng tài nguyên và công tác quản lý.....	70
2.2.1.2. Thực trạng trong khai thác du lịch	71
2.2.2. Thực trạng khai thác hệ thống di tích gắn với cuộc khởi nghĩa Bà Triệu	74
2.2.2.1. Thực trạng tài nguyên và công tác quản lý.....	74
2.2.2.2. Thực trạng khai thác trong du lịch	78
Tiểu kết chương 2	84
CHƯƠNG 3. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO GIÁ TRỊ Khai thác khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh Núi Nưa phục vụ phát triển du lịch	85
3.1. Đánh giá chung về thực trạng khai thác du lịch tại Khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh Núi Nưa	85
3.2. Phục hồi và phát huy các giá trị truyền thống của Khu di tích lịch sử, Danh lam thắng cảnh Núi Nưa	90
3.2.1. Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa.....	90
3.2.1.1. Định hướng bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa.....	91
3.2.1.2. Các biện pháp bảo tồn, tôn tạo	92
3.2.2. Khôi phục bản sắc truyền thống của các lễ hội, các loại hình văn nghệ dân gian	95
3.3. Giải pháp về phát triển du lịch	98
3.3.1. Xây dựng hình ảnh điểm đến cho du lịch Triệu Sơn - Thanh Hóa	98
3.3.2. Xây dựng tour du lịch chuyên đề.....	100
3.3.3. Kết hợp với các tuyến điểm du lịch khác.....	102
3.3.4. Đa dạng hóa sản phẩm du lịch Triệu Sơn	108
Tiểu kết chương 3	110
KẾT LUẬN	112
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	114
I. Sách và tài liệu tham khảo:	114
II. Website:	114
PHỤ LỤC	117
1. Bảng thống kê các hạng mục, di tích, danh thắng trong Khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh núi Nưa (Huyện Triệu Sơn - Thanh Hóa).	117
2. Bản Quy hoạch tổng thể khu vực đỉnh Am Tiên	119
3. Hình ảnh một số công trình di tích tại Núi Nưa	119

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Thanh Hóa là mảnh đất có bề dày lịch sử và truyền thống văn hóa độc đáo. Đây từng là nơi sinh sống của người nguyên thủy, nơi có nền văn hóa Đông Sơn tỏa sáng rực rỡ trong thời đại các vua Hùng. Trong suốt mấy nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, Thanh Hóa đã xuất hiện nhiều anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa tiêu biểu như: Bà Triệu, Lê Hoàn, Lê Lợi, Khương Văn Phụ, Đào Duy Từ... Ghi dấu những trang sử hào hùng đó, hiện nay, Thanh Hóa có khoảng 1535 di tích, trong đó 134 di tích được xếp hạng quốc gia, 412 di tích được xếp hạng cấp tỉnh, có thể kể tên các di tích và danh thắng tiêu biểu của Thanh Hóa như di tích Núi Đọ, di tích Đền Bà Triệu, Thành nhà Hồ, Hàm Rồng, khu di tích Lam Kinh... Những địa điểm này đã trở thành những điểm đến du lịch nổi tiếng gắn với thương hiệu du lịch Xứ Thanh. Bên cạnh những di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh đã rất quen thuộc ấy thì Khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh Núi Nưa được xem như là một điểm tham quan còn khá mới mẻ và độc đáo nằm tại huyện Triệu Sơn, Thanh Hóa.

Triệu Sơn là một huyện thuộc vùng đồng bằng tỉnh Thanh Hóa có địa hình đồng bằng xen kẽ trung du đồi núi. Đây là một huyện tuy còn những khó khăn nhất định về kinh tế song may mắn có nguồn tài nguyên đa dạng cả về tài nguyên thiên nhiên cũng như bề dày văn hóa lịch sử. Cùng với khu du lịch sinh thái Bãi Cò (Tiến Nông), Khu di tích lịch sử, danh thắng Núi Nưa là một nguồn tài nguyên du lịch hấp dẫn, đầy tiềm năng của huyện Triệu Sơn.

Nhưng trên thực tế trong những năm qua, việc khai thác, quy hoạch tổng thể những tài nguyên này phục vụ cho du lịch của tỉnh chưa được chú trọng và quan tâm đầu tư đúng mức, chẳng hạn: hiện nay, một số công trình bị phá hủy do các yếu tố khách quan như thời gian, thời tiết vẫn chưa được tu bổ, tôn tạo lại; một số người dân quen góp tiền bạc tự ý trùng tu đền Mẫu, phục dựng sai nguyên mẫu - đây là một hành vi có tính sai phạm, vi phạm Luật di sản Việt Nam; cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động du lịch còn yếu kém... Đồng thời hoạt

động du lịch tại điểm đến này còn diễn ra một cách tự phát, chưa có quy hoạch cụ thể đồng bộ, cũng như chưa có sự quản lý một cách chặt chẽ các nguồn tài nguyên từ phía cấp chính quyền địa phương, đã gây ra những lãng phí lớn về nguồn tài nguyên. Hơn thế nữa, những lợi ích về kinh tế do du lịch mang lại chưa tương xứng với tiềm năng, cụ thể đó là sự đóng góp vào sự phát triển kinh tế của địa phương còn rất hạn chế. Do đó, người viết đã lựa chọn đề tài “Nâng cao hiệu quả khai thác du lịch tại khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh Núi Nưa - huyện Triệu Sơn - Thanh Hoá” nhằm tìm hiểu tổng quan về giá trị của khu di tích và danh thắng này, từ đó đề xuất những giải pháp khai thác phục vụ phát triển du lịch một cách hiệu quả.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề:

Đã có một số tác giả đề công tìm hiểu, nghiên cứu về Khu di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh Núi Nưa, trong đó phần lớn họ tập trung giới thiệu về đền Nưa, Am Tiên - những di tích gắn liền với tên tuổi của vị nữ tướng anh hùng Triệu Thị Trinh. Có thể kể tên một số tư liệu như:

- “Di tích và danh thắng Thanh Hóa”, Nhà xuất bản Thanh Hóa, 2006. Tác phẩm giới thiệu về hệ thống các công trình di tích và danh thắng tiêu biểu của tỉnh Thanh Hóa, trong đó ít nhiều đề cập đến khu di tích Phủ Na - Núi Na (tức núi Nưa), nằm ở phía tây của ngàn Nưa.

- Tác phẩm “ Địa chí huyện Triệu Sơn”, Chủ biên: Phạm Tấn - Phạm Văn Tuấn, Nhà xuất bản Khoa học xã hội Hà Nội, 2010. Tác phẩm chủ yếu viết về huyền tích núi Nưa, các bí tích được lưu truyền lại về một vị tu sĩ thời Trần - Hồ đã đến đây tu đạo. Ngoài ra, các tác giả cũng giới thiệu cho người đọc biết về nguồn gốc tên gọi núi Nưa, đồng thời phác họa sơ qua về hai khu di tích nằm ở 2 phía đông và tây của dãy núi. Phía đông của dãy núi Nưa là động Am Tiên và các công trình liên quan tới khởi nghĩa Bà Triệu; phía tây là khu di tích Phủ Na - núi Na hay còn gọi là núi Nưa - cũng là một trong những nơi thờ cúng tiêu biểu

của đạo Mẫu và tín ngưỡng thờ sơn thần với các đối tượng thờ như thờ cô Chín, thờ Chúa thượng ngàn, đức thánh Tản Viên.

- “Thắng cảnh Ngàn Nưa với đền Nưa và Am Tiên cổ tích”, tác giả Phạm Tấn - Phạm Văn Tuấn, Nhà xuất bản Thanh Hóa xuất bản năm 2011. Tác phẩm chủ yếu nghiên cứu về lịch sử núi Nưa, quê hương và là nơi khởi nghĩa của Bà Triệu. Với độ dày chỉ khoảng 100 trang, song các tác giả cũng cố gắng đưa ra những nhận định về giá trị lịch sử, tâm linh của khu di tích đồng thời khơi gợi về vấn đề có thể phát triển du lịch tại đây, tuy nhiên chưa có đề xuất và phương án cụ thể. Bố cục trình bày nội dung cuốn sách không theo chương mục khoa học mà thiên về lối văn phong giàu biểu cảm, như một bài thuyết minh giới thiệu về khu di tích, hơn nữa cũng chưa đề cập đầy đủ những công trình hạng mục thuộc quần thể Khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh núi Nưa.

Bên cạnh các tư liệu trên, còn có khá nhiều bài báo viết về đề tài này song chỉ với mục đích quảng bá và giới thiệu tổng quan về khu di tích như:

“Kì bí huyền đạo trên đỉnh Ngàn Nưa”, tác giả Lương Thi - Ngọc Hưng, bài đăng trên báo mạng: Gia đình.net.vn

“Khu di tích Am Tiên”, tác giả Hoàng Năng Hùng, bài đăng trên báo mạng: Baodulich.net.vn

“Cầu sinh Rồng vàng trên đỉnh Am Tiên”, tác giả: Đình Hoàng, bài đăng trên báo mạng: News.zing.

Nhìn chung, phần lớn các tư liệu này chủ yếu đề cập tới những khía cạnh liên quan đến những giá trị lịch sử với huyền thoại về vùng núi Nưa mà ít đi sâu phân tích và hệ thống hóa các giá trị tâm linh, văn hóa đặc sắc khác của khu di tích cũng như chưa nhìn nhận, đánh giá, và có phương án khai thác những giá trị đó dưới góc độ là nguồn tài nguyên hấp dẫn phục vụ hoạt động du lịch của huyện Triệu Sơn nói riêng và của tỉnh Thanh Hóa nói chung.

3. Mục đích, ý nghĩa của đề tài:

Đề tài nhằm cung cấp một cái nhìn tương đối đầy đủ, hệ thống và chi tiết về các công trình di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh tại ngàn Nưa. Đồng thời, trên cơ sở vận dụng những lý thuyết của du lịch học vào trong thực tiễn du lịch huyện Triệu Sơn - Thanh Hóa, người thực hiện sẽ đi sâu phân tích những bất cập trong hiện trạng khai thác hiện nay, từ đó đề xuất những định hướng cho việc phát triển du lịch của địa phương trong thời gian tới.

Do được xây dựng trên cơ sở vận dụng từ lý thuyết đến thực tế và sử dụng thực tế để kiểm chứng lý thuyết, do vậy kết quả của đề tài có thể được ứng dụng trong công tác quản lý, là cơ sở cho việc xây dựng các tour du lịch, là nguồn tư liệu cho những ai có nhu cầu tìm hiểu về các giá trị của Khu di tích lịch sử, Danh lam thắng cảnh Núi Nưa.

Đề tài này không chỉ mang ý nghĩa khoa học mà còn có ý nghĩa triển khai thực dụng. Về mặt khoa học, kết quả đề tài có thể phục vụ công tác đào tạo: Sử dụng làm tài liệu tham khảo và làm cơ sở cho công tác quản lý tài nguyên, là tài liệu trong việc xây dựng các tour du lịch một cách khoa học cũng như tài liệu hữu ích đối với du khách trong việc lựa chọn những điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Việc tìm hiểu hiện trạng du lịch địa phương và đưa ra những giải pháp khắc phục những tồn tại, là những gợi ý nhằm giúp cho công tác quản lý và sử dụng hữu hiệu các tài nguyên, qua đó góp phần làm tăng thu nhập, tăng khả năng đóng góp của du lịch vào sự phát triển kinh tế cũng như xã hội.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu:

Đề tài chủ yếu nghiên cứu về các di tích trong quần thể khu di tích núi Nưa bao gồm hệ thống các công trình nằm ở hai phía Đông và Tây của dãy núi. Đó là hệ thống những công trình có liên quan tới cuộc khởi nghĩa Bà Triệu cũng như tín ngưỡng thờ Mẫu, thờ sơn thần của người dân huyện Triệu Sơn – Thanh Hóa.

5. Phương pháp nghiên cứu:

Để thực hiện đề tài này người viết đã vận dụng linh hoạt nhiều phương pháp nghiên cứu. Các phương pháp chủ yếu được sử dụng trong đề tài này là:

Phương pháp thu thập và xử lý thông tin: trên cơ sở thu thập thông tin tư liệu từ nhiều nguồn khác nhau như: sách, báo, đài, tivi, tạp chí, mạng internet..., từ đó chọn lọc để có cái nhìn khái quát, những nhận xét và đánh giá ban đầu về vấn đề nghiên cứu, mà cụ thể ở đây là các công trình di tích, danh thắng trong quần thể Khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh Núi Nưa thuộc huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Phương pháp nghiên cứu thực địa (điền dã): đây là phương pháp nghiên cứu rất cơ bản để khảo sát thực tế, được sử dụng để thu thập số liệu, thông tin chính xác, khách quan về đối tượng nghiên cứu. Trong quá trình làm đề tài người viết đã đi khảo sát tại huyện Triệu Sơn để có thêm thông tin thực tế bên cạnh những tài liệu thu thập được.

Phương pháp phân tích, tổng hợp: phân tích và tổng hợp các tài liệu liên quan đến đề tài, từ đó đề xuất định hướng, giải pháp phát triển du lịch mang hiệu quả cao, mang tính khoa học và thực tiễn nhằm bảo tồn và phát huy giá trị Khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh Núi Nưa phục vụ phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa.

6. Bố cục đề tài:

A, Phần mở đầu.

Ngoài các phần Mở đầu, Kết luận, Phụ lục và Tài liệu tham khảo, đề tài được chia làm 3 chương

Chương 1. “Tổng quan huyện Triệu Sơn và hoạt động du lịch ở huyện Triệu Sơn - Thanh Hóa”

Nội dung trình bày vài nét về vùng đất và con người Triệu Sơn như địa lí, cảnh quan, tình hình dân cư, kinh tế, xã hội. Bên cạnh đó, khái quát về hoạt động du lịch, tài nguyên du lịch cũng như cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ du

lịch, khách du lịch và hiệu quả của hoạt động du lịch của huyện từ đó đưa ra những ý kiến định hướng phát triển du lịch Triệu Sơn trong thời gian tới.

Chương 2. “Tìm hiểu về khu di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh núi Nưa và thực trạng khai thác hiện nay”

Nội dung trình bày về lịch sử hình thành của khu di tích, các công trình hạng mục chính trong khu di tích và các giá trị lịch sử, văn hóa và tâm linh đồng thời phân tích thực trạng khai thác tại khu di tích như thực trạng tài nguyên và trong hoạt động du lịch.

Chương 3. “Đề xuất một số giải pháp nâng cao giá trị khai thác của Khu di tích lịch sử, Danh lam thắng cảnh Núi Nưa phục vụ cho sự phát triển du lịch của huyện Triệu Sơn”

Nội dung trình bày về vấn đề phục hồi và phát huy các giá trị truyền thống của Khu di tích lịch sử, Danh lam thắng cảnh Núi Nưa, các biện pháp bảo tồn và khôi phục bản sắc truyền thống của các lễ hội, các loại hình văn nghệ dân gian. Đồng thời đưa ra một số giải pháp về phát triển du lịch như: xây dựng hình ảnh điểm đến cho du lịch Triệu Sơn - Thanh Hóa, xây dựng tour du lịch chuyên đề, kết hợp với các tuyến điểm du lịch khác, đa dạng hóa sản phẩm du lịch Triệu Sơn.

Nâng cao hiệu quả khai thác du lịch tại khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh
Núi Nưa - huyện Triệu Sơn - Thanh Hoá

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ HUYỆN TRIỆU SƠN VÀ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH Ở TRIỆU SƠN THANH HÓA

1.1. Vài nét về vùng đất và con người Triệu Sơn.

1.1.1. Địa lí và cảnh quan:

Triệu Sơn là một huyện đồng bằng tiếp nối với vùng miền núi phía tây Thanh Hóa. Đây là huyện mới thành lập vào ngày 25-2-1965 trên cơ sở sát nhập 20 xã bắc Nông Cống và 13 xã nam Thọ Xuân (theo quyết định số 177 ngày 04/12/1964 của Chính phủ). Tọa độ địa lí từ 19°42' - 19°52' vĩ độ Bắc và 105°34' - 105°42' kinh độ Đông. Phía bắc Triệu Sơn giáp huyện Thọ Xuân và Thiệu Hóa, phía nam giáp huyện Như Thanh và Nông Cống, phía tây giáp huyện Thường Xuân, phía đông giáp huyện Đông Sơn.

Diện tích tự nhiên của toàn huyện là 291,96 km² (bằng 2,62% tổng diện tích tự nhiên của tỉnh); dân số có 223.521 người (số liệu năm 2004 của chi cục thống kê); mật độ bình quân 765 người/1km² (gấp 2,3 lần so với mật độ dân số trung bình của tỉnh). Đây là nơi sinh sống của ba tộc người: Kinh, Mường, Thái. Hiện nay, huyện có 36 xã, thị trấn trong đó có bốn đơn vị là xã miền núi: Bình Sơn, Thọ Bình, Thọ Sơn, Triệu Thành.

Là huyện chuyển tiếp giữa vùng đồng bằng và miền núi phía tây của Thanh Hóa, Triệu Sơn là đầu mối giao thông giữa vùng xuôi và miền ngược. Về đường bộ với quốc lộ 47 và tỉnh lộ 506, 504, 501 chạy qua, chính là yếu tố thuận lợi cho hoạt động liên hệ giao lưu của huyện Triệu Sơn với nhiều địa bàn trong và ngoài tỉnh. Dọc theo quốc lộ 47 ngược về phía tây là khu công nghiệp động lực Sao Vàng - Lam Sơn và vùng kinh tế miền núi. Từ Triệu Sơn đi theo đường Nông Cống - Như Thanh - Như Xuân là đến Nghệ An. Theo đường Hồ Chí Minh, khoảng cách từ Triệu Sơn đến Hà Nội khoảng 130km. Đặc biệt từ Triệu Sơn, sang đất bạn Lào qua cửa khẩu Na Mèo chỉ khoảng 160km. Bên cạnh đó, phía đông lại nối liền với Quốc lộ 1A và đường sắt xuyên Việt, gặp ngay thành

Phố Thanh Hóa, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh. Đây là nơi giao nhau của các tuyến đường lớn quan trọng, rồi từ đó chia các nhánh lan tỏa đi các vùng đồng bằng khác một cách thuận lợi.

Với vị trí cửa ngõ giữa đồng bằng, trung du, nơi giao thoa giữa nền kinh tế miền xuôi và miền núi, huyện Triệu Sơn đã trở thành vùng đất mở thu hút nhiều luồng dân cư, dòng họ tới khai phá, mở mang, lập nghiệp, sinh tồn và ngày phát triển, xây dựng thành cộng đồng làng xã. Cùng trải qua những khó khăn, chiến tranh, sự cố kết càng làm tình làng nghĩa xóm thêm bền chặt.

Từ thời phong kiến, hệ thống giao thông đường thủy ở đây đã khá phát triển. Có thể kể tới hai con sông lớn của huyện đó là hệ thống sông Hoàng (mà dân gian vẫn gọi là sông nhà Lê) và sông Nhơm (còn gọi là sông Lãng Giang hay sông Lãn Giang).

Sông Hoàng là sông nội địa phát nguyên từ vùng núi phía tây huyện Thọ Xuân chảy qua các huyện Triệu Sơn, Đông Sơn, Nông Cống. Đoạn chảy qua Triệu Sơn dài khoảng 40km. Diện tích lưu vực của sông là 336km². Tuy chịu ảnh hưởng nước triều và vật úr của sông Yên song tốc độ dòng chảy nhỏ và xuống rất chậm. Mùa mưa lũ, lưu lượng dòng chảy lớn nhất là 67,5 m³/ giây, mùa kiệt là 0,1 m³/ giây. Sông Hoàng chủ yếu dành cho mục đích tiêu úng.

Sông Nhơm là sông nội địa phát nguyên từ vùng rừng núi Hàm Đôn - Như Xuân có độ cao so với mực nước biển là 150m chảy qua Triệu Sơn, Nông Cống. Đoạn chạy qua Triệu Sơn dài 31,6 km; diện tích lưu vực là 268km²; tổng lượng chảy cả năm đạt 378 triệu m³. Đây là nguồn tưới tiêu quan trọng của huyện, song vào mùa mưa lũ lại là tác nhân gây ra tình trạng ngập úng trầm trọng.

Như vậy, với vị trí địa lí thuận lợi cùng hệ thống giao thông mở rộng là điều kiện giúp huyện Triệu Sơn giao lưu, hội nhập kinh tế một cách dễ dàng và nhanh chóng.

Về cảnh quan tự nhiên, trong cái nhìn tổng thể thì huyện Triệu Sơn cũng như cả tỉnh Thanh Hóa đều nằm trong vùng chuyển tiếp của hệ thống núi đồi Tây

Bắc và đồng bằng châu thổ Bắc bộ và Bắc trung bộ do đó thuộc kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng đó nên cũng có sự phân hóa tự nhiên phong phú và đa dạng. Theo một cách nhìn nhận khác, các nhà địa lí Thanh Hóa cho rằng Thanh Hóa trong đó có Triệu Sơn là vùng lãnh thổ được phân bố trọn vẹn trong hai khu vực cảnh quan Trường Sơn Bắc và Duyên hải Thanh - Nghệ - Tĩnh. Tuy nhiên, ngoài những yếu tố chung thì ở mỗi tiểu vùng lại có những nét đặc thù riêng biệt ở từng mức độ nhất định. Căn cứ trên những yếu tố, điều kiện địa hình, khí hậu có thể phân lãnh thổ huyện triệu sơn thành 2 vùng cảnh quan tự nhiên: Vùng cảnh quan đồng bằng châu thổ và vùng cảnh quan trung du đồi núi.

Về mặt địa chất thì vùng cảnh quan đồng bằng huyện Triệu Sơn được bồi đắp từ Pleitocene giữa, trên nền mài mòn Pleitocene sớm, hoạt động biển tiến nhẹ đã tạo điều kiện cho việc bồi đắp phù sa từ các sông lớn nhỏ. Riêng đợt tiến biển nhẹ ở thời kì Holocene đã tạo dấu ấn trong quá trình bồi đắp phù sa sông biển với nền cát và đất sét lắng đọng ở nơi này.[8, 69]

Đây chính là vùng cảnh quan thuộc khí hậu đồng bằng Thanh Hóa ảnh hưởng khí hậu nhiệt đới gió mùa: mùa hè nóng ẩm mưa nhiều và chịu ảnh hưởng của gió tây khô nóng, mùa đông lạnh và khô, lượng mưa trung bình hằng năm 1700mm. Do chịu ảnh hưởng của khối không khí lạnh mà có mùa đông kéo dài 3- 4 tháng, nhiệt độ 18°C, độ ẩm trung bình trong năm là 85 - 86%, mưa lũ xảy ra nhiều vào khoảng tháng 8 tháng 9, gây ra nhiều ảnh hưởng xấu tới đời sống lao động sản xuất. Tuy vậy, nhìn chung khí hậu Triệu Sơn cũng khá thuận lợi cho việc trồng trọt và đặc biệt là thâm canh tăng vụ.

Ở huyện Triệu Sơn, lượng đất phù sa chiếm diện tích lớn nhất, được phân bố rộng dài dọc theo hai bên bờ sông Hoàng và sông Nhơ. Trước đây, cảnh quan của vùng phần lớn là những vùng hoang rậm, lầy trũng với cỏ lác, cỏ lẩn, song với sự lao động chăm chỉ, cải tạo của người dân, diện tích đất hoang hóa đã được thu nhỏ đáng kể, hệ sinh thái trồng trọt dần thay thế cho hệ sinh thái tự nhiên.

Nhìn chung, những điều kiện tự nhiên như trên là môi trường thích hợp cho sự phát triển nông nghiệp. Nghề nuôi trồng truyền thống cho đến nay vẫn được xem là chủ đạo trong kinh tế địa phương. Tuy nhiên, trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa như hiện nay, ngoài thế mạnh về nông nghiệp, huyện Triệu Sơn còn mở rộng đầu tư sang phát triển công nghiệp, thương mại và dịch vụ. Điều đó đã góp phần mang đến cuộc sống nơi đây nhiều khởi sắc mới đồng thời thay đổi cảnh quan Triệu Sơn theo chiều hướng tích cực.

Bên cạnh cảnh quan đồng bằng châu thổ, vùng cảnh quan trung du đồi núi chiếm 30% tổng diện tích tự nhiên của huyện, được phân bố ở các xã Bình Sơn, Thọ Bình, Thọ Sơn, Triệu Thành, Vân Sơn, Thái Hòa và vùng núi Nưa. Độ cao trung bình của khu vực này là 70-80 m so với mực nước biển, nơi cao nhất là dãy Ngàn Nưa với đỉnh cao 538m. Đây là phần cuối cùng của hệ thống đồi núi sông Chu tràn đến.

Địa hình vùng nhìn chung không phức tạp, có bề mặt thoải nghiêng theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, có độ dốc bình quân tương đối cao và chia cắt liên tục, nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng của gió tây Lào, đây là vùng có số ngày nắng nóng nhiều (15 - 20 ngày/tháng). Nền nhiệt tương đối cao, tổng nhiệt trung bình năm đạt 8.300°C- 8500°C. Khí hậu chia thành hai mùa rõ rệt: mùa hè nóng ẩm mưa nhiều và mùa đông lạnh hanh khô. Lượng mưa trung bình hàng năm là 1.800- 2000 mm. Vào mùa mưa, lớp bề mặt thường bị rửa trôi, mùa khô hạn, nước ngầm xuống nhanh, gây thiếu ẩm trầm trọng.

Vùng cảnh quan đồi núi có các loại đất chính là feralit đỏ vàng trên đá macma axit và đất feralit vàng nhạt trên đá cát. Ngoài ra còn có các loại đất: feralit mùn trên núi với tầng đất tương đối dày, độ phì khá, tơi xốp, thoáng khí, đất đen ở các sườn chân của núi Nưa, đất feralit đỏ nâu trên đá bazan...Tuy diện tích ít và phân bố rải rác song các loại đất này khá thích hợp để phục vụ trồng cây công nghiệp ngắn ngày mang lại hiệu quả kinh tế cao như cà phê, chè, mía..

Vùng còn có diện tích rừng tự nhiên 385,70ha. Trước kia, cảnh quan chủ yếu của vùng là rừng nhiệt đới, rừng thường xanh với nhiều loại gỗ quý như lim, táu, vầu, nứa, giang, dẻ, ngát... với độ che phủ cao. Đây còn là nơi sinh sống, trú ngụ của nhiều loài động vật quý như voi, hươu, nai... Song ngày nay, do sự khai thác, tàn phá của con người, thảm thực vật bị biến đổi, từ những rừng cây gỗ lớn, nhiều chỗ chỉ còn trơ lại những bụi lau lách, trảng cây bụi thấp. Cùng với sự phá hủy của con người và thiên nhiên, lũ lụt làm cho vùng đồi núi bị xói mòn, rửa trôi trơ sỏi đá. Đất đai cằn cỗi, hạn chế khả năng khai thác sử dụng đất cho việc sản xuất trồng trọt. Hệ sinh thái rừng cũng đang bị ảnh hưởng và đe dọa. Trong những năm gần đây, thực hiện theo Chương trình dự án 327 và 661, ngoài việc bảo vệ rừng, nhân dân đã tích cực trồng cây phủ xanh đồi trọc, cố gắng phục hồi và tái sinh sức sống mới cho rừng nguyên sinh đồng thời trồng thêm nhiều rừng mới.

Trong địa phận của vùng có mỏ khoáng sản Crôm với số lượng lớn, đang được đưa vào khai thác, mang lại những lợi ích kinh tế to lớn. Tuy nhiên, cần phải có những chính sách, quản lý, điều hành khai thác thích hợp để không gây cạn kiệt tài nguyên và ảnh hưởng tới môi trường.

Nhìn chung, vùng cảnh quan trung du đồi núi cũng đã dần phục hồi và tái sinh sau những nỗ lực không ngừng của nhân dân. Hiện nay, Đảng và nhà nước đang thực hiện chính sách giao đất rừng cho dân quản lý, cùng với sự phát triển mô hình vườn đồi, vườn rừng kết hợp với trang trại nông - lâm đã góp phần cải thiện hệ sinh thái rừng đồng thời giúp cảnh quan quê hương Triệu Sơn đổi mới thêm phần khởi sắc.

1.1.2. Dân cư, kinh tế, xã hội

1.1.2.1. Dân cư và truyền thống lịch sử

Huyện Triệu Sơn được thành lập năm 1965, bao gồm phần đất của mười ba xã phía nam huyện Thọ Xuân và hai mươi xã thuộc phía bắc huyện Nông Cống cũ.

Trong những thời kì xa xưa của dân tộc, Triệu Sơn là vùng đất có vị trí địa lí thuận lợi, cảnh quan núi rừng xinh đẹp, thu hút được nhiều luồng dân cư ngoại lai đến khai phá, chinh phục đất đai để tạo lập một cuộc sống ổn định, lâu dài. Các nhóm dân cư này đã sinh sôi và phát triển không ngừng tạo ra những tầng lớp văn hóa vật chất - tinh thần phong phú, đặc sắc, góp phần trực tiếp vào quá trình dựng nước và giữ nước trong mấy nghìn năm lịch sử.

Ở huyện Triệu Sơn, dấu ấn của con người ở thời đại kim khí - thời đại dựng nước của các vua Hùng còn khá rõ. Ngoài việc khai quật và tìm thấy thanh kiếm có cán ở chân núi Nưa, còn phát hiện thêm được những cổ vật khác như trống đồng Hêgơ và các loại trang sức như rìu, mác, ấu... có niên đại thời văn hóa Đông Sơn ở cồn đất ven sông Hoàng (Dân Lý, Dân Quyền). Như vậy có thể thấy rằng, một bộ phận dân cư thời đại các vua Hùng đã sinh sống ở nhiều nơi trên mảnh đất Triệu Sơn từ những buổi đầu sơ khai dựng nước. Và tại những nơi này dân cư đã biết tìm hiểu, khai phá, chinh phục thiên nhiên, dựng nhà dựng cửa, và trồng lúa nước để ổn định cuộc sống lâu dài.

Có thể nói, Triệu Sơn là một vùng đất địa linh nhân kiệt, nơi ngưng tụ nhiều giá trị văn hóa độc đáo, tạo nên những đặc thù của xứ sở, góp phần làm rạng rỡ truyền thống lịch sử, văn hóa hào hùng. Có lẽ cũng bởi nơi đây là quê hương nơi hun đúc và sinh trưởng của nhiều con người ưu tú, những tướng giỏi, người hiền tài nên truyền thống yêu nước, truyền thống anh hùng, chống giặc ngoại xâm và coi bỏ ách thống trị thực dân đô hộ lúc nào cũng tiềm tàng và sẵn sàng bùng nổ.

Thời kì Bắc thuộc, nhân dân cả quận Cửu Chân, các quận của nước Văn Lang - Âu Lạc nói chung, huyện Triệu Sơn nói riêng đã phải chịu sự đàn áp và bóc lột dã man của giai cấp thống trị phương Bắc. Vốn là vùng đất nằm gần quận trị Cửu Chân, lại là nơi có địa thế, hội tụ nhân tài, vật lực nên Triệu Sơn đã sớm trở thành nơi có truyền thống đấu tranh quật cường trong suốt chặng đường hơn 10 thế kỉ. Phong trào nổi dậy diễn ra sôi nổi tại các địa bàn, sơ lược một vài cuộc khởi nghĩa tiêu biểu:

- Khởi nghĩa Chu Đạt (156 – 160),

Do Chu Đạt đứng đầu diễn ra trên địa bàn huyện Cửu Chân. “Cuộc khởi nghĩa được nhân dân trong vùng và khắp nơi hưởng ứng, lực lượng lên tới 5000 người. Sau khi chiếm được thành Cư Phong, Chu Đạt đã cùng dân binh đánh chiếm quận trị Tư Phố, giết chết tên Thái thú Nghệ Đức. Chính quyền đô hộ của Cửu Chân hầu như tan vỡ. Nhà Hán phải cử Ngụy Lãng làm Đô úy Cửu Chân, tăng cường lực lượng đàn áp quân khởi nghĩa, tàn sát tới 2000 người. Lực lượng nghĩa quân còn lại rút vào Nhật Nam tiếp tục chiến đấu, mãi đến năm 160 mới bị dập tắt [8,199].

Sau khởi nghĩa Chu Đạt, năm 178, nhân dân các quận Hợp Phố, Ô Hử (miền đông Bắc bộ) đã nổi dậy chống lại nhà Hán dưới sự lãnh đạo của Lương Long. Nhân dân các quận Nhật Nam, Cửu Chân đã tham gia ủng hộ đến vài vạn người đánh chiếm các quận huyện. Một lần nữa, nhà Hán phải cử Thứ sử cùng 5000 binh sang đàn áp mới dập được phong trào.

- Khởi nghĩa Bà Triệu (248)

Bà Triệu hay còn có nhiều tên gọi dân gian khác như Triệu Âu, Triệu Thị Trinh, là người con gái dũng cảm kiên cường, em gái Quan huyện lệnh Triệu Quốc Đạt, một thủ lĩnh có uy tín trong vùng.

Sách Việt Nam lược sử ghi chép: “Năm Mậu Thìn (248), vì quan lại nhà Ngô tàn ác, dân gian khổ sở, Triệu Quốc Đạt mới khởi binh đánh quận Cửu Chân. Bà Triệu đem quân ra đánh giúp anh, quân sĩ của Triệu Quốc Đạt thấy bà ấy làm tướng có can đảm bèn tôn lên làm chủ [13, 53].

Như vậy, sau khi Triệu Quốc Đạt mất, Bà Triệu được tôn làm chủ soái, thống lĩnh toàn bộ quân sĩ của bà và anh trai. Nghĩa quân đóng căn cứ chính ở dãy núi Ngàn Nưa, ngày đêm tập luyện, sẵn sàng chiến đấu. Dưới ngọn cờ tập hợp của mình, Bà Triệu được nhân dân khắp vùng hưởng ứng, đặc biệt là nhân dân quanh vùng núi Nưa.

Sau những ngày gặp rút chuẩn bị, đầu năm 248, Bà Triệu đã dẫn đại quân xuống núi Tùng (xã Phú Điền, Hậu Lộc). Tại đây liên tục diễn ra những trận đánh oanh liệt. “Chỉ trong một thời gian ngắn, các thành ấp của giặc lần lượt bị hạ. Quan lại từ Thái thú đến huyện lệnh kẻ bị giết, bị bắt gần hết. Hoảng sợ trước uy thế của nghĩa quân, tên thứ sử Giao Châu trốn biệt. Cuộc khởi nghĩa từ Cửu Chân đã lan ra tận Giao Chỉ. Triều đình nhà Ngô đã phải cử Lục Dận (cháu họ Lục Tồn) xuống làm thứ sử Châu Giao, kiêm lĩnh chức hiệu úy cùng 5000 quân tinh nhuệ xuống đàn áp cuộc khởi nghĩa.

Bằng thủ đoạn thâm độc, lấy binh lực uy hiếp kết hợp với việc mua chuộc, phân hóa các thủ lĩnh địa phương của giặc, nhiều thủ lĩnh địa phương đã khuất phục. Trong một trận chiến đấu không cân sức, Bà Triệu đã anh dũng ngã xuống nơi núi Tùng” [1, 13].

Các cuộc khởi nghĩa này tuy thất bại song đã đánh một dấu mốc lịch sử quan trọng, cổ vũ tinh thần đấu tranh giành độc lập của nhân dân Triệu Sơn nói riêng và phòng trào cả nước nói chung chống lại ách đô hộ của phong kiến phương Bắc.

Và trong suốt tiến trình lịch sử, mỗi khi nước nhà bị xâm lăng nhân dân Triệu Sơn lại thể hiện tinh thần kiên cường và truyền thống quý báu đó. Ở mỗi triều đại, mỗi hoàn cảnh lịch sử, Triệu Sơn luôn có những đóng góp nhất định vào công cuộc bảo vệ giang sơn, xã tắc. Có thể kể đến những sự kiện như:

Đây là vùng đất đã từng lưu lại dấu tích công cuộc dẹp loạn mười hai sứ quân của Đinh Bộ Lĩnh (966 - 968) với cuộc hàng phục Ngô Xương Xí, soạn giữ thành Bình Kiều (xã Hợp Lí, Triệu Sơn), thống nhất đất nước.

Tiếp nối những truyền thống đó, vào năm 1414-1417, khi Nguyễn Chích dựng cờ khởi nghĩa chống quân Minh, lấy núi Hoàng Nghiêu làm căn cứ chống giặc, người dân Kẻ Nưa đã tích cực tham gia đóng góp xây dựng căn cứ; đặc biệt trong đó có ba anh em họ Doãn là Doãn Luận, Doãn Lại, Doãn Thịnh đã nhiệt tình ủng hộ nghĩa quân.

Đến thế kỉ XV vùng đất Kê Nưa (Cổ Ninh - huyện Triệu Sơn) vào thế kỉ XV đã là một nơi phát triển về mọi mặt, trở thành vùng đất trung tâm của tây nam Thanh Hóa. Về nông nghiệp, công cuộc khai hoang mở rộng được đẩy mạnh; kinh tế thủ công như nghề dệt, đan lát được chú trọng. Sinh hoạt văn hóa với những ngày lễ hội, cúng mừng mùa màng bội thu đã trở thành những truyền thống tốt đẹp, bền chặt mang lại không khí mới cho làng quê. Về dân cư, Kê Nưa ở thời kì này đã trở thành một vùng đông đúc, sầm uất với nhiều dòng họ định cư. Nhiều dòng họ, vọng tộc đã có nhiều người nổi danh như họ Doãn, họ Lê mà những công hiến của họ đã làm cho đời sống văn hóa thêm phân phong phú và rực rỡ.

Vào thời Lê sơ, đây là vùng đất quê hương của nhiều nhà khoa bảng nổi tiếng, những người đã góp sức mình vào việc khai phá và phát triển vùng đất quê hương.

Từ năm 1428 đến năm 1527, nhà nước Lê sơ đã tổ chức được 31 khoa thi tiến sĩ, lấy được, 968 tiến sĩ và 21 trạng nguyên. Trong đó, riêng huyện Triệu Sơn có một số nhà khoa bảng nổi tiếng có chức sắc cao trên đường công danh như: Doãn Hoàng Tuấn đỗ tiến sĩ năm Mậu Tuất (1478) dưới triều Lê Thánh Tông, làm quan tới Thượng thư Bộ Lễ, được cử đi sứ nhà Minh (1480); Doãn Mậu Khôi đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) làm quan tới chức Thượng thư, Kim trưởng Hàn Lâm viện. Ngoài ra còn có các tiến sĩ: Doãn Đình Tuấn đậu tiến sĩ khoa Kỉ Mùi (1499) niên hiệu Cảnh Thống đời vua Lê Hiến Tông; Lê Tán Tuông, Lê Tán Thiện đỗ tiến sĩ thời vua Lê Hiến Tông (1498-1504), Tổng Sư Lộ đỗ Tiến sĩ thời Lê Uy Mục (1505- 1509) [8, 221] . Không chỉ là quê hương của những nhà khoa bảng mà Triệu Sơn còn là nơi hội tụ của nhiều nhà văn hóa lớn.

Vào thời Lê Trung Hưng, nhiều bậc danh tướng, lương thần đã sinh ra và lớn lên trên vùng đất này, mang những sức lực, trí lực để cống hiến, đóng góp cho công cuộc bảo vệ và xây dựng quê hương đất nước. Có thể kể sơ lược một vài

nhân vật như: Hồ tiếng Tào Sơn Hầu; Thiết bảo Lê Trạc Tứ (người làng Thượng Cốc, xã Xuân Thịnh); Tể tướng Quận Công Lê Bất Tứ (người làng Cổ Định - xã Tân Ninh); Doãn Quận công (tức Doãn Hy); bốn cha con: Hoàn Quận công Lê Thì Hiến, Trịnh tướng hầu Lê Thì Kinh, Thạc Quận công Lê Thì Hải (sau được truy tặng Thái phó), Trung Quận công Lê Thì Liêu là đều làm tướng; Quốc sư - Tể tướng Nguyễn Hiệu; Tể tướng - Quận công Nguyễn Hoàn (người làng Lan Khê, xã Nông Trường)...

Theo học giả người Pháp Ch.Robequain thì vào đầu thế kỉ XIX trở đi các nhóm dân cư người Mường từ Hòa Bình và nhóm người Thái ở phía tây Thanh Hóa như Thường Xuân, Lang Chánh đã theo đường núi, đường sông di cư đến các vùng đồi núi phía tây của Triệu Sơn lập ra chòm, bản mới để cư trú. Các tộc người này cư trú tập trung tại các xã như Triệu Thành, Bình Sơn, Thọ Sơn và Thọ Bình. Đến những nơi này còn có một số người Thái, người Mường di chuyển từ Như Xuân xuống [8, 415].

Vùng đất này là nơi có bề dày truyền thống, nơi có nhiều danh nhân, dòng họ nổi tiếng, có truyền thống lịch sử văn hóa phong phú, lâu đời nên vẫn là vùng đất năng động đi lên trong những điều kiện lịch sử mới. Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta và phong trào Cần Vương bùng nổ, Triệu Sơn cũng là một trong những địa phương đứng dậy khởi nghĩa từ những buổi đầu. Trên đất Triệu Sơn hình thành hai trung tâm khởi nghĩa: Trung tâm nghĩa quân của 13 xã phía tây huyện Triệu Sơn (thuộc đất Thọ Xuân cũ), đặt tại xã Thọ Phú, do nhà nho Hoàng Sĩ Ngạc (còn gọi là Quán Thung) lãnh đạo, trung tâm 20 xã phía đông nam huyện Triệu Sơn (thuộc đất Nông Cống cũ) đặt tại núi Nưa (xã Tân Ninh) do cử nhân Lê Ngọc Toàn lãnh đạo. Sau này nghĩa quân gia nhập vào khởi nghĩa Ba Đình. Đây là cuộc khởi nghĩa lớn nhất Bắc Trung Bộ, thu hút chiêu mộ được nhiều binh sĩ từ khắp nơi, trong đó có cả bộ phận người Mường, người Thái của huyện Triệu Sơn. Không chỉ hưởng ứng phong trào đấu tranh tại quê nhà Triệu

Sơn, họ còn tham gia các cuộc khởi nghĩa diễn ra tại các địa bàn miền núi của Hà Văn Mao và khởi nghĩa của Cầm Bá Thước.

Tuy cuối cùng do chênh lệch tương quan lực lượng, các cuộc khởi nghĩa bị đàn áp, dập tắt, nhân dân lại trở về với cuộc sống lầm than, cùng cực dưới ách đô hộ thực dân phong kiến, song từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và sau đó là sự ra đời của các Chi bộ Đảng, trong đó có tổ Đảng Triệu Sơn, phong trào đấu tranh ở đây bước sang trang mới. Dưới sự dìu dắt, lãnh đạo của Đảng nhân dân Triệu Sơn đã có một đường lối sách lược đấu tranh đúng đắn, mở ra những triển vọng về tương lai độc lập, tự do.

Như vậy, có thể thấy huyện Triệu Sơn là mảnh đất quê hương của những người con ưu tú, vùng đất địa linh nhân kiệt với phong trào đấu tranh quật cường trong lịch sử, và trong suốt từ ngày giải phóng cách mạng tháng Tám 1945 đến nay, bằng tinh thần lao động và nỗ lực không ngừng, con người Triệu Sơn lại phát huy những truyền thống tốt đẹp của quê hương để tạo ra những kì tích mới, trong chiến đấu, lao động sản xuất, đưa huyện Triệu Sơn trở thành đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và điển hình trong mô hình xây dựng nông thôn mới.

Theo số liệu điều tra năm 2008, dân số toàn huyện là 225.167 người. Trong đó, người Kinh (Việt) có 218.637 người, người Mường có 3.378 người, người Thái có 2.815 người và các dân tộc khác là 337 người. Tộc người Kinh chiếm đại đa số và cư trú ở hầu hết các xã trên địa bàn huyện. Tộc người Mường, người Thái sống ở vùng bán sơn địa, xen kẽ với người Kinh, chủ yếu ở hai xã Thọ Bình, Thọ Sơn. Mật độ dân cư phân bố không đều, vùng đồng bằng dân cư tập trung đông đúc, bình quân 545 người/km², vùng bán sơn địa miền núi đất đai rộng nhưng dân số ít, bình quân chỉ có 270 người/ km² [8, 517]. Cùng chung sống trong một khu vực song mỗi tộc người lại mang một bản sắc văn hóa với phương thức sản xuất cũng như đời sống tinh thần riêng biệt, góp phần tạo nên nền văn hóa phong phú, đặc sắc cho huyện Triệu Sơn.

1.1.2.2. Điều kiện Kinh tế - Xã hội huyện Triệu Sơn

Trong thời kì đất nước đổi mới theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa, huyện Triệu Sơn, đang có những thay đổi tích cực về đường lối, chính sách kinh tế để trở thành đơn vị phát triển toàn diện, kịp hòa nhịp với xu hướng kinh tế của tỉnh Thanh Hóa nói riêng và đất nước nói chung.

Tuy có sự chuyển dịch kinh tế, mở rộng đầu tư sang các lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ song nhìn chung, nền kinh tế huyện Triệu Sơn vẫn lấy nông nghiệp làm chủ đạo. Các nghề trồng trọt và chăn nuôi truyền thống vẫn được tiếp tục chú trọng và phát huy, cải tổ để đạt hiệu quả kinh tế cao hơn.

* Nông nghiệp:

Nghề trồng lúa đã có từ rất lâu đời và luôn gắn bó, trở thành nghề chính nuôi sống gia đình của người nông dân huyện Triệu Sơn trong suốt chiều dài lịch sử.

Trải qua bao nhiêu thế kỉ, người nông dân Triệu Sơn đã trồng hàng trăm loại giống lúa khác nhau và trên cơ sở chọn lựa những giống lúa thích hợp với loại đất và khí hậu của địa phương. Một số giống lúa tiêu biểu như: nếp Sắt, nếp Hoa Cau, nếp Hương, nếp Mường, ngon nhất có thể kể đến loại nếp Cái Hoa Vàng. Lúa tẻ có các giống lúa Lóc, lúa Chấm, Lúa Thông, Lúa Câu... đều là những loại lúa có khả năng chịu hạn tốt, cho năng suất cao.

Về kĩ thuật trồng lúa, có thể nói người dân đã rất thành thục. Một số học giả khi tới Thanh Hóa vào những năm nửa đầu thế kỉ XX, quan sát cách làm ruộng đã nhận xét kĩ thuật trồng lúa của người dân đã đạt đến trình độ “khó có thể tiến thêm được nữa” được ghi chép trong tài liệu *le thanh hoa, CH Robequain*. Mặc dù có nhiều kinh nghiệm song từ năm 1945 trở về trước, hoạt động sản xuất trồng lúa nước vẫn phụ thuộc rất nhiều vào thiên nhiên, đặc biệt là ở vùng trung du đồi núi và vùng đồng bằng có địa hình cao thường xuyên bị hạn hán kéo dài, đất đai khô cằn, giảm năng suất lúa. Bên cạnh đó, ở các xã đồng bằng, nhất là những vùng ngập trũng thì vào mùa mưa lũ, nước ở hai con sông Hoàng và sông

Nâng cao hiệu quả khai thác du lịch tại khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh
Núi Nưa - huyện Triệu Sơn - Thanh Hoá

Nhóm dân lên gây tình trạng ngập úng trầm trọng, chưa kể đến các ổ dịch bệnh, sâu phá hoại, nhiều vụ mùa thiệt hại nặng nề, có khi mất trắng.

Nhìn chung nghề trồng lúa là một nghề khá vất vả. Người nông dân phải kì công chăm sóc phân bón, diệt cỏ, diệt sâu, tát nước song kết quả thu hoạch được không nhiều. Ngày nay nhờ những tiến bộ khoa học, nhiều giống lúa mới được lai tạo mang lại năng suất cao, có khả năng chịu hạn, các loại phân bón giúp cải thiện, thúc đẩy sự sinh trưởng của cây lúa, các loại máy móc cơ giới đã thay thế cho sức người, sức trâu. Ở các xã vùng cao, huyện đầu tư xây dựng các hồ đập chứa nước tưới tiêu cho ruộng đồng, các đồng xã đồng bằng, đào hệ thống kênh mương thoát nước mùa mưa, các đồng vùng chiêm trũng, trồng lúa nước kết hợp với mô hình nuôi thả cá. Với phương thức sản xuất khoa học, việc thâm canh lúa ở các xã miền núi cũng có những khởi sắc, tiến bộ. Bằng những biện pháp hữu hiệu trên, tình hình nghề trồng lúa ở Triệu Sơn có những biến chuyển khả quan. Năng suất lúa nâng cao đáng kể, hiện nay trung bình đạt 3, 4 tạ/sào (gấp 3,4 lần trước năm 1960). Sau đây là một số chỉ tiêu năng suất, sản lượng lúa của huyện:

Bảng thống kê số liệu về sản lượng lúa giai đoạn (2005- 2009)

Năm	2005	2006	2007	2008	2009
Diện tích (ha)	20.481	20.380	20.305	20.323	20.481
Năng suất(tạ/ha)	54,4	59,3	58,9	61,0	62,1
Sản lượng lúa cả năm (tấn)	111.330	120.764	119.557	123.913	127.258

(Nguồn: Theo số liệu thống kê trong “Niên giám thống kê 2009” của Cục thống kê tỉnh Thanh Hóa.)

Bên cạnh nghề trồng lúa, thì huyện Triệu Sơn còn tiếp tục duy trì nghề trồng hoa màu và có những biện pháp để tăng năng suất của các giống cây mang lại hiệu quả về kinh tế. Do điều kiện địa chất của huyện, có một diện tích là đất gò, bãi rải rác ở ven sông và đất đồi phân bố ở các xã bán sơn địa, loại đất này rất phù hợp với việc trồng các loại cây hoa màu như cây sắn, ngô, khoai, đậu, lạc... Hơn thế nữa, ở các xã này, mỗi năm chỉ canh tác được một vụ lúa, do vậy hiệu quả

khai thác lúa không cao, nên thời gian sau khi thu hoạch thường sử dụng đất để canh tác hoa màu. Đối với các xã đồng bằng, việc trồng lúa chỉ vất vả trong khoảng vụ mùa, thời gian nông rỗi chờ đến vụ sau người nông dân thường canh tác trồng thêm vụ màu. Các cây hoa màu thường là các cây ngắn ngày, thu hoạch nhanh mang lại những sản phẩm để đáp ứng việc tiêu thụ trước mắt.

Cây ăn quả: Các xã địa bàn vùng đồi núi của huyện Triệu Sơn có diện tích rộng, đồng thời có loại đất feralit vàng rất thích hợp để canh tác, trồng các loại cây ăn quả như: xoài, hồng xiêm, nhãn, cam, chanh... Đây là các cây cho sản phẩm có giá trị kinh tế cao. Hiện nay, nhiều hộ gia đình đã canh tác đất, trồng phổ biến cây ăn quả, tập trung chuyển dịch thành các trang trại với quy mô lớn. Đến năm 2009. Toàn huyện có 8 trang trại trồng cây, và đây cũng đang là xu hướng làm ăn hiệu quả.

Hiện nay, Triệu Sơn cũng đang dần có những nhận thức, chuyển biến mới trong nghề trồng trọt. Bên cạnh các cây trồng truyền thống, huyện tập trung đầu tư cho các loại cây rau củ thực phẩm xuất khẩu có giá trị cao như: rau xanh sạch, ớt, dưa chuột bao tử, khoai tây. Không ưu tiên tăng diện tích mà ưu tiên chất lượng sản phẩm, tạo thương hiệu rau sạch, tiêu thụ ở các chợ, các siêu thị ở các đô thị để tăng giá trị bền vững. Tăng diện tích trồng ớt, dưa chuột xuất khẩu lên khoảng 400 - 500 ha, khoai tây 200 - 300 ha, vì đây là các loại cây trồng có thể đạt giá trị 100 triệu đồng/ ha. Ngoài ra, các sản phẩm rau sạch khác như măng tre và nấm cũng đang được ưu tiên và khuyến khích trong sản xuất. Đây là các sản phẩm đang có nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu, lại có điều kiện tốt để phát triển trên đất Triệu Sơn. Măng tre có khả năng thu hoạch hàng 100tr đ/ha, cao hơn trồng cây nguyên liệu giấy. Nấm rơm là loại rau sạch, tận dụng được các phế liệu nông nghiệp, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người dân. Vì vậy, việc du nhập nghề này là hết sức cần thiết và một bước tiến mới trong sản xuất nông nghiệp của huyện.

Nghề chăn nuôi truyền thống, cũng là một trong những thế mạnh của Triệu Sơn đang được huyện quan tâm, đầu tư phát triển. Trước kia, mỗi hộ gia đình thường nuôi từ 1 - 3 con, đối với các xứ đồng chiêm trũng, trâu được sử dụng vào việc ôn đất, thay cho việc cày bừa. Ở vùng trung du, miền núi, trâu của đồng bào dân tộc được nuôi thả thành bầy đàn trên các đồi trọc hoặc các bãi cỏ ven rừng núi. Ở các xã này, địa hình cao, đồi rộng, lại nhiều cây cỏ thức ăn cho trâu, nên có gia đình nuôi tới vài chục con.

Trong khi trâu được nuôi nhiều và phổ biến ở các xã bán sơn địa thì lợn được nuôi phổ biến hơn. Lợn là giống động vật ăn nhiều, ngủ nhiều, chóng lớn. Ở hầu hết các địa phương, các hộ gia đình đều nuôi ít nhất một đến hai con. Đây là một giải pháp hữu hiệu của hộ nông thôn, vừa giải quyết các sản phẩm hoa màu thừa, vừa là nguồn sản xuất phân chuồng bón ruộng vườn. Từ năm 1975 tới nay, việc nuôi lợn thường được xây dựng theo mô hình trang trại, nuôi tập trung với số lượng đàn lớn. Việc ra đời các trang trại là một bước tiến phát triển mang hiệu quả kinh tế cao.

Ngoài các loại gia súc, huyện còn phổ biến cả chăn nuôi gia cầm: gà, vịt, ngan. Ở các xứ đồng chiêm trũng nghề nuôi vịt khá phát triển. Do địa hình, đầm lầy, nhiều tôm tép, cá nhỏ là nguồn thức ăn phong phú. Bên cạnh đó, ở các xã đồng bằng, hệ thống kênh mương dày đặc cũng là môi trường sống phù hợp đối với loài vịt. Tuy nhiên, trong các loại gia cầm thì gà vẫn là loại được nuôi nhiều nhất. Gà được nuôi ở hầu hết các địa bàn của huyện. Trên các xã bán sơn địa và vùng núi, đàn gà được nuôi thả rộng trên đồi, núi. Đây là loại gà đồi có thịt dai, thơm ngon. Ở các xã đồng bằng, gà được nuôi trong chuồng, vườn. Tuy có nhiều kinh nghiệm và kỹ thuật trong nghề chăn nuôi gia cầm, song vào những đợt dịch bệnh, gà vịt vẫn bị chết nhiều, do thiếu thuốc men và các phương pháp khoa học. Ngày nay, nghề nuôi gà trở thành mũi nhọn trong ngành nông nghiệp theo xu hướng hàng hóa. Trong giai đoạn (2005 - 2009), số lượng gia cầm, đặc biệt trong đó số lượng gà của huyện chiếm vị thế lớn nhất tỉnh. Số lượng sản

Nâng cao hiệu quả khai thác du lịch tại khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh
Núi Nưa - huyện Triệu Sơn - Thanh Hoá

phẩm chăn nuôi của huyện trong giai đoạn (2005 -2009) được thống kê dưới
bảng sau:

Bảng số liệu sản phẩm chăn nuôi của huyện Triệu Sơn giai đoạn (2005 -2009).

Đơn vị: nghìn con

Sản lượng	Năm				
	2005	2006	2007	2008	2009
Trâu					
Bò	24,4	28,4	30,3	28,3	19,3
Lợn	106,6	97,8	100,7	88,7	70,1
Gia cầm	1.220	1.185	1.211	1.102	1.047

*(Nguồn: Theo số liệu thống kê trong “Niên giám thống kê 2009”
của Cục thống kê tỉnh Thanh Hóa.)*

*** Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:**

Về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, ở Triệu Sơn đến năm 2010 đã hình thành ở quy mô ban đầu còn khiêm tốn, đóng góp 15% vào GDP của huyện. Hiện nay, ở huyện đã ra đời đội ngũ doanh nhân, lao động trong các doanh nghiệp là 2420 người. Tính đến năm 2009, huyện có 154 doanh nghiệp đang hoạt động, trong đó, có 1 cơ sở vốn đầu tư nước ngoài với số lao động đang công tác, làm việc là 50 người; 153 doanh nghiệp ngoài nhà nước. Điều đặc biệt là ở đây, không có một doanh nghiệp nhà nước nào, hơn nữa, số hộ cơ sở kinh doanh cá thể tương đối nhiều. Năm 2009, có khoảng 6301 cơ sở, với số lao động là 9135 người. Đây là một đặc điểm phát triển từ nội tại phù hợp với kinh tế thị trường trong định hướng xã hội chủ nghĩa: giải phóng lực lượng sản xuất, kinh tế đa thành phần, cạnh tranh và phát triển.

Các nhóm nghề kinh tế của huyện khá đa dạng và phong phú. Do có nền nông nghiệp phát triển nên kèm theo đó, nhóm nghề sản xuất từ các nguyên liệu nông nghiệp địa phương cũng phát triển theo. Đó là các nghề như xay xát, chế biến gạo, ngô, đậu phụ, miến, giò chả, chế biến nấm, măng... Ngoài sản xuất

búp chè từ tại các vùng chè thì các nghề này phát triển rộng khắp hầu hết các vùng nông thôn như là nghề phụ để tăng thu nhập. Nghề chủ yếu của các hộ gia đình là đầu tư kinh doanh.

Việc sản xuất vật liệu xây dựng đá gạch được tập trung thành các hợp tác xã, các cơ sở sản xuất khoáng sản xây dựng tại khu có mỏ. Bên cạnh đó huyện còn kêu gọi các nhà đầu tư tham gia vào các khu công nghiệp khai thác nguyên liệu than bùn để phát triển sản xuất phân lân hữu cơ phục vụ nông nghiệp. Các cơ sở sản xuất đồ gỗ gia dụng cũng được mở ra nhằm phục vụ nhu cầu của địa phương. Mặt hàng này chủ yếu do các gia đình và làng nghề truyền thống đầu tư kinh doanh. Đặc biệt là các mặt hàng dân dụng như bàn, ghế, chõng được người dân khá ưa chuộng do có giá thành thấp và mẫu mã khá đẹp. Nghề thủ công đan lát, giành, thuyền nan, nôm cá rất phát triển ở Triệu Sơn, trở thành hàng hóa đặc trưng có thương hiệu được đem bán ở rất nhiều khu vực chợ, các khu mua bán ở các địa phương khác trong tỉnh. Nhóm hàng dệt may cũng có khá nhiều cơ hội phát triển trên đất Triệu Sơn. Đến nay, huyện đang có kế hoạch xây dựng 4 nhà máy may, tổng công suất khoảng 10 triệu sản phẩm giải quyết cho hàng vạn lao động có việc làm và thu nhập. Huyện thành công trong khâu đột phá đào tạo và nâng cao tay nghề cho người lao động thì có khả năng còn thu hút được gấp đôi trong giai đoạn tiếp theo. Với 4 nhà máy dự đoán đến năm 2015 sẽ tạo giá trị chiếm 50% giá trị sản xuất công nghiệp của huyện, trở thành ngành mũi nhọn trên lĩnh vực này.

Nhìn chung, nền công nghiệp huyện Triệu Sơn vẫn còn nhỏ lẻ, chưa có những thay đổi vượt bậc song với sự nỗ lực của các cơ quan chính quyền địa phương và người dân nơi đây, kinh tế công nghiệp cũng đang có những chuyển biến tích cực, trong tương lai đưa huyện Triệu Sơn phát triển theo hướng công nghiệp hóa, trở thành huyện có nền kinh tế công nghiệp phát triển chiếm ưu thế.

1.2. Khái quát về hoạt động du lịch ở Triệu Sơn.

1.2.1. Tài nguyên du lịch huyện Triệu Sơn.

Triệu Sơn là một huyện thuộc vùng bán sơn địa nằm về phía tây của tỉnh Thanh Hóa với diện tích tự nhiên là 29.000.000 ha, dân số hơn 20 vạn người. Trong huyện có 3 tộc người anh em sinh sống Kinh - Mường - Thái cùng chung sống, vùng đất nơi đây hội tụ các yếu tố “thiên thời, địa lợi, nhân hòa” để trở thành vùng đất mở, nơi hẹn hò của nhiều luồng dân cư, dòng họ tới cư trú. Vì vậy, hiện nay, nơi đây còn bảo lưu một kho tàng văn hóa vật thể và phi vật thể đặc sắc. Là huyện có cấu trúc địa hình tương đối phức tạp, khí hậu trong lành, với nhiều di tích danh lam thắng cảnh như: Núi Nưa - đền Nưa - Am Tiên, khu du lịch sinh thái Vườn cò Tiên Nông, hệ thống đền phủ, chùa chiền như: Phủ Tía, Chùa Hòa Long, Chùa Lễ Động đã tạo ra cho huyện Triệu Sơn nhiều thế mạnh về phát triển các loại hình du lịch, đặc biệt là du lịch tâm linh và du lịch sinh thái. Sau đây là sự điếm qua về một số đặc điếm tài nguyên du lịch của huyện.

1.2.1.1. Khu du lịch sinh thái Vườn cò Tiên Nông

Cha ông ta có câu “Đất lành chim đậu”, đã từ lâu trong tâm thức của nhiều người, đảo cò Tiên Nông (huyện Triệu Sơn) là niềm kiêu hãnh về miền đất lành và sự gắn kết giữa cảnh vật thiên nhiên với con người của một vùng quê yên bình. Nơi đây được xem là báu vật mà thiên nhiên đã ưu đãi, ban tặng cho con người và mảnh đất Triệu Sơn (Thanh Hóa).

Nằm cách thị trấn Giát của huyện Triệu Sơn gần 5km, xuôi về làng Nga, xã Tiên Nông là một vườn cò rộng hơn 3ha. Khác với vị trí rừng cây hay đồi núi hiểm trở của những vườn cò khác trong cả nước, vườn cò này nằm xen giữa khu dân cư trong một hồ nước lớn, chung quanh là hào sâu ngăn cách khó vượt qua. Bởi vậy mà nó còn được gọi là đảo cò. Đó cũng chính là nguyên nhân mà nhiều đời nay, vườn cò vẫn tồn tại, nhiều loài chim, vạc, cuốc... vẫn sinh sôi, làm tổ. Về lịch sử của vườn cò, nhiều người dân làng Nga cũng không biết chính xác nó hình thành từ bao giờ và loài cò chim đến đây cư trú lần đầu tiên tự lúc nào... Theo lời các cụ cao tuổi trong làng, chỉ biết, hàng năm, các loại cò, vạc tập trung nhiều nhất về làng vào khoảng từ tháng 9 dương đến Tết Âm lịch, bởi đây là

thời điểm các loài chim biển di cư vào trú đông. Từ tháng 3 đến tháng 7 năm sau chính là mùa sinh sản của cò. Cò ở đây rất đông đúc, từng đàn bay lượn trên bầu trời xanh, rồi đậu dần xuống những ngọn tre, làm phá vỡ bầu không gian yên tĩnh trước đó. Khi thuyền xuôi ra đảo cò, chỉ cần rung nhẹ vào lùm cây, hàng trăm con vạc nháo nhác bay lên. Sự náo nhiệt của các loài chim trời như khẳng định sức bám trụ bền lâu của chúng. Tại vườn chim này, không chỉ có cò, vạc mà đây còn là nơi ở của nhiều loài chim như: vịt trời, le le, cuốc, bìm bịp, bồ câu hoang và đặc biệt đang có 5 cá thể bồ nông sinh sống. Theo người dân địa phương, nơi đây có sự hội tụ của gần hết các loài cò như: cò ruồi, cò trắng, cò bợ, cò hương...

Việc trông coi và bảo vệ vườn cò nơi đây cũng gặp không ít khó khăn. Có thời gian, “đảo cò” gần như bị “xoá sổ” bởi nhiều nguyên nhân. Một thời gian, cò bị săn, bắt vô tội vạ nên khiến cò bỏ đi khá nhiều.

Những người tham gia bảo vệ vườn cò cũng chỉ bằng trách nhiệm là chính do tiền công không đáng là bao nhiêu. Vào năm 1992, vườn tre gai trong hồ bị thoái hoá, cộng với phân cò phủ trắng lá nên chết gần hết. Chính quyền địa phương đã huy động dân quân trồng lại nhiều gốc tre. Ông Đào Hữu Ngọc, Chủ tịch UBND xã Tiến Nông, cho biết: “Không biết lý do vì sao mà những năm trước đàn cò ngày một vắng dần, nhưng năm nay, cò, vạc lại về rất nhiều. Theo ước tính, hiện tại có khoảng hơn 2 vạn con cò và 1 vạn con vạc đang sinh sống tại đây. Có thể lý do chúng về đây sinh sống là bởi môi trường sống ở “đảo cò” đã được bảo vệ và cải tạo tốt hơn.”[28].

Mới đây, đề án về phát triển du lịch của huyện Triệu Sơn đã được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt. Theo đó, cây cầu Vạn bắc qua sông Hoàng sẽ được mở, nối xã Tiến Nông với các xã phía nam huyện Đông Sơn. Tương lai, “Đảo cò” sẽ trở thành một điểm du lịch trong cuộc hành trình Sầm Sơn - Đảo cò Tiến Nông - Phủ Na - Am Tiên và hi vọng “đảo cò” sẽ mãi là nơi cư ngụ an toàn và bền vững của đàn chim quý.

1.2.1.2. Phủ Tía

Nằm ở làng Vân Cồn, xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cách chân dãy núi Nưa 3km, tương truyền rằng xưa kia có đám mây cuộn trên làng nên đặt tên là “Vân Cồn”. Làng có ngọn đồi rất tròn và phẳng hình con rùa còn gọi là núi Tía. Nằm cạnh dưới chân đồi là ngôi đền cổ Phủ Tía với nhiều cây chổi xể, cây cỏ may. Phủ Tía là một trong các điểm thờ cúng Bà Triệu ở huyện Triệu Sơn, Thanh Hóa. Lễ hội Phủ Tía diễn ra thường niên vào ngày 26 tháng 2 âm lịch hằng năm tại xã Vân Sơn, Triệu Sơn nhằm tưởng nhớ công ơn của Bà Triệu.

1.2.1.3. Chùa Lễ Động

Lễ Động là ngôi chùa cổ nằm trên núi Thần Đồng, thuộc Làng Đồng Minh, xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn. Tương truyền ngọn núi này được hình thành do sự bôn đắp vận hành của mực nước biển từ xa xưa, và theo truyền thuyết, mỗi đêm dân làng xung quang đều nghe tiếng trẻ đọc thơ trên đỉnh núi, và năm nào, tiếng đọc thơ nhiều, thì năm đó, làng có người đỗ đạt cao, nên mới gọi là núi Thần Đồng.

Chùa Lễ Động, trước đây từng là trú xứ của cố Đại Đức Thích Tâm Hương, nguyên Chánh đại diện Phật giáo huyện Triệu Sơn, khi Đại đức viên tịch. Năm 2011, được sự giúp đỡ của Đại đức Thích Tánh Khả, Chánh đại diện Phật giáo Triệu Sơn, sư cô Thích Nữ Viên Như từ miền Nam xa xôi phát tâm hoằng pháp đất Bắc.

Cũng như những ngôi chùa khác, chùa Lễ Động cũng đã long trọng tổ chức các lễ trong đạo Phật như: đại lễ Vu lan, Lễ Kính Mừng Đức Phật Thành Đạo nhằm tôn vinh, tưởng niệm đến sự đấng đạo của Đức từ Phụ Thích Ca Mâu Ni... Ngoài ra, chùa còn tổ chức chương trình tu học dành cho tuổi trẻ “Phật Pháp nhiệm màu” nằm trong chuỗi các hoạt động dành cho các em thanh thiếu niên hướng tới mùa lễ Phật đản.

Với 2 chủ đề trong chương trình tu học “Cầu nguyện mùa thi” do Đại Đức Thích Chúc Hiền hướng dẫn và thời Pháp thoại “Phật Pháp và tuổi trẻ” do Đại Đức Thích Tuệ Minh chủ giảng đã mang đến cho các bạn trẻ những kiến thức cơ bản và vai trò của người thanh niên Phật tử trong thời đại mới. Cùng với đó Quý Thầy đã gieo duyên, giúp các sỹ tử tương lai tự tin hơn khi biết nương vào Tam bảo. Khóa học thu hút hằng trăm học viên trẻ của địa phương đến tham gia.

1.2.1.4. Chùa Hòa Long

Hay còn gọi là Chùa Ông Sư, xã Tiến Nông, Triệu Sơn, Thanh Hóa. Ngoài dịp lễ chính trong đạo Phật như lễ Vu lan, lễ mừng Vía Phật Đản... được nhà chùa tổ chức long trọng thì Chùa còn có nhiều hoạt động khác như khai kinh Dược Sư cầu nguyện Quốc Thái - Dân An - Thế giới hòa bình chúng sinh an lạc, tổ chức giao lưu tiếng hát “Búp sen non” có những phần quà “lì xì” để khích lệ tinh thần và chúc các cháu mạnh khỏe, chăm ngoan - xứng đáng là con ngoan, trò giỏi cháu ngoan Bác Hồ và Búp Sen của Phật Giáo. Đặc biệt, chùa còn tổ chức khóa tu dành cho các bạn trẻ chủ đề “Nhớ Cội Nguồn” với hơn 300 bạn trẻ tham dự. Dưới sự chủ lễ của Đại Đức Thích Tánh Khả các bạn trẻ được trải nghiệm lời kinh Phật qua các lời Phật ca - khúc tán ca tôn kính Phật - Đánh lễ Tam Bảo - Kinh Từ Tâm - Lời khẩn nguyện - Tam Tự Quy Y. Đặc biệt hơn Đại Đức đã hướng dẫn các em phát 7 lời nguyện: Tập Ăn chay - Lễ Phật, tụng kinh, ngồi thiền - Đi chùa tìm hiểu Phật pháp - Siêng làm việc thiện - Cảm hóa bạn bè và người thân tin hiểu Phật pháp - Quyết tâm giữ Đạo và hộ trì Chánh Pháp.

Trong khóa tu Ban tổ chức đã hướng dẫn các em về nghi thức Cổ Phật Khất Thực và tặng các em những phần quà Pháp quý báu với mong muốn gieo duyên và khích lệ tinh thần tu học của các em. Mỗi năm nhà chùa đều tổ chức định kỳ hàng tháng các chương trình tu học và khóa tu dành cho người lớn tuổi, tuổi trẻ với nhiều nội dung tu học phong phú, thiết thực.

Những ngày đầu xuân, quý Phật tử về chùa còn được phát một dải lụa hồng (màu hồng là màu hạnh phúc) để treo lên cây Ước Nguyện Cát Tường, cầu

bình an, lợi lạc. Cứ thế, hết tốp này đến tốp khác, tổng cộng hơn 3.000 lượt người nô nức tham gia vào các sinh hoạt đầu xuân tại chùa Ông Sư, tạo nên một không khí xuân ấp áp, thấm tình đạo vị.

1.2.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch

Nhằm đẩy mạnh khai thác tiềm năng lợi thế về các di tích lịch sử, các danh lam thắng cảnh còn ẩn giấu lâu nay như: Danh thắng quốc gia ở Ngàn Nưa, vườn cò sinh thái và hàng chục các di tích lịch sử, tâm linh khác... Huyện Triệu Sơn hiện nay đang khuyến khích và chào mời các nhà đầu tư mở mang các ngành khách sạn, nhà hàng và dịch vụ du lịch, bao gồm các khâu: lưu trú, ăn uống, vận chuyển, tham quan, sản xuất và bán hàng lưu niệm.

Về cơ sở hạ tầng của huyện, hiện nay đang có những quy hoạch, xây dựng để phát triển và hoàn thiện hơn. Hệ thống giao thông đường bộ, trên địa bàn huyện có gần 1400 km đường, hình thành một hệ thống từ quốc lộ, tỉnh lộ, đường huyện, đường xã, đường giao thông nông thôn rất thuận tiện. Trong đó, có quốc lộ 47, đi qua huyện từ Cầu Thiệu tới xã Thọ Cường dài 16,5 km. Đường tỉnh có 5 tuyến: tuyến 506 (Tân Ninh - Thọ Vực) dài 20km; tuyến 514 (Cầu Thiệu - Cự Đức) 15km; tuyến 517 (Đông Tiến - Tân Ninh) 8km, tuyến 514C (Sim - Sao Vàng) 14 km; tuyến 515C (Đu - Thọ Vực) 1km. Hệ thống giao thông đường huyện khoảng 130 km liên kết tới hầu hết các xã. Đường xã gồm trên 700km đường liên thôn, 420 km đường thôn xóm. Mật độ giao thông đường bộ của huyện cao hơn bình quân của cả tỉnh. Tuy nhiên phân bố không đều giữa các vùng, chất lượng nền mặt đường thấp, nhiều tuyến nhiều đoạn đường xuống cấp. Các tuyến đường liên kết giữa các khu, điểm du lịch đang được đưa vào xây dựng, để phục vụ cho hoạt động tham quan của khách du lịch. Đề án, xây dựng cầu Vạn bắc qua sông Hoàng, nối liền giao thông xã Tiến Nông với các xã phía nam huyện Đông Sơn đã được phê duyệt. Tại khu di tích, danh thắng Am Tiên, huyện đang tiến hành làm đường 87 kéo dài từ thôn 8 lên đỉnh núi và được duyệt kinh phí 36 tỉ đồng, đồng thời làm con đường lên huyệt núi thiêng với kinh phí dự trù là 25 tỉ đồng. Như vậy, huyện đang hết sức chú trọng và đầu tư vào việc hoàn thiện hệ thống giao thông, phục vụ cho hoạt động phát triển du lịch tại đây.

Hoạt động du lịch của huyện Triệu Sơn nhìn chung mới chỉ mang tính chất tự phát. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho hoạt động du lịch còn hạn chế. Hiện nay, trên địa bàn huyện có 12 cơ sở lưu trú đều ở quy mô nhà nghỉ vừa và nhỏ. Trong đó, nhà nghỉ Lương Hằng là cơ sở lớn nhất với tổng số 43 phòng. Về hệ thống nhà hàng không phát triển, chủ yếu là các quán ăn nhỏ, cơm phở, giải khát bình dân với đội ngũ nhân viên phục vụ thiếu trình độ, hầu hết là con em địa phương không được đào tạo qua nghiệp vụ... Mặc dù, ở một số địa bàn trung tâm huyện như thị trấn Giắt, thị trấn Dân lực có nền kinh tế khá phát triển song tính tới thời điểm hiện tại không có nơi vui chơi giải trí nào. Các hoạt động sản xuất và các cơ sở bán hàng lưu niệm rất ít, sản phẩm không mang tính bản sắc địa phương. Với một vùng đất, có nhiều tài nguyên và lợi thế như vậy nhưng, cơ sở vật chất kỹ thuật lại yếu kém, chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được nhu cầu đa dạng của du khách. Huyện Triệu Sơn cần quan tâm và chú trọng hơn nữa, đồng thời kêu gọi các nhà đầu tư xây dựng các cơ sở dịch vụ du lịch tại đây, để tương xứng với tiềm năng du lịch của huyện.

1.2.3. Khách du lịch và hiệu quả của hoạt động du lịch.

Với những tiềm năng về các tài nguyên nhân văn, trong những năm qua, đặc biệt là những năm gần đây, Triệu Sơn cũng đã có nhiều biện pháp để thúc đẩy ngành du lịch trên địa bàn. Thực tế, nó đã góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện nhà nói riêng và tỉnh Thanh Hóa nói chung.

Hầu như, lượt khách của năm sau tăng gấp 1,5 lần so với năm trước. Do phần lớn tài nguyên là các hệ thống đền, chùa, phủ nên đặc điểm lớn của khách du lịch tới đây đều có mục đích cúng bái, cầu may. Hoạt động du lịch tâm linh diễn ra rời rạc, phần lớn khách du lịch tự tổ chức cá nhân hoặc theo nhóm, mà không mua theo tour du lịch của các công ty du lịch. Bởi vậy, việc ổn định và thu hút nguồn khách thường xuyên và lâu dài là rất khó, chủ yếu khách du lịch đông tập trung vào những mùa lễ hội đầu xuân. Hiện nay, huyện Triệu Sơn có 3

lễ hội chính, là lễ hội đền Nưa - Am Tiên, lễ hội Phủ Tía và lễ hội làng Quần Thanh. Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của các lễ hội đối với đời sống tinh thần của nhân dân, chính quyền các địa phương đã kết hợp với Ban quản lý tổ chức lễ hội có những cách làm mới, sáng tạo để người dân đi trải hội không những đông mà còn vui. Từ thực tế của những mùa lễ hội trước, năm 2013 trước thời gian diễn ra các hoạt động lễ hội trên địa bàn, Ủy ban nhân dân huyện đã giao cho Phòng Văn hóa thể thao ban hành kế hoạch hướng dẫn, tổ chức các lễ hội, chủ động phối hợp giữa các ngành, các cấp giám sát, thanh kiểm tra và xử lý kịp thời các hiện tượng tiêu cực trong lễ hội. Bên cạnh đó, địa phương cũng đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá di tích và thời gian diễn ra lễ hội để quần chúng nhân dân được biết. Việc quản lý, tổ chức tốt vừa giữ được không khí trang nghiêm của lễ hội đồng thời đảm bảo được việc giữ gìn cảnh quan thiên nhiên và môi trường du lịch trong lành, tạo ấn tượng tốt với du khách thập phương. Chỉ riêng với lễ hội Đền Nưa - Am Tiên, ước đạt 10.000 du khách tới tham quan đầu năm 2013.

Hiện tại việc triển khai, thực hiện quy hoạch phát triển du lịch trên địa bàn huyện đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa phê duyệt theo quyết định số 3070/QĐ - UBND ngày 10 tháng 12 năm 2012 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 cụm Am Tiên, khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh địa điểm khởi nghĩa Bà Triệu gồm: núi Nưa - Đền Nưa - Am Tiên. Đây hứa hẹn là một điểm du lịch tâm linh, sinh thái hấp dẫn nhất của du lịch Triệu Sơn. Bên cạnh đó, lễ hội đền phủ Tía, hằng năm cũng thu hút hàng nghìn du khách tới dâng hương, cầu khẩn. Nhìn chung, nguồn khách chủ yếu của du lịch Triệu Sơn là các du khách từ các địa phương trong tỉnh, việc đi du lịch là tự tổ chức nên vấn đề tiêu thụ hàng hóa dịch vụ tại chỗ thấp. Hoạt động du lịch của huyện Triệu Sơn đang ở quy mô khiêm tốn. Huyện đang có chủ trương phân đầu đưa giá trị sản xuất của nhóm ngành này đạt tỉ trọng so với kinh tế cả huyện là 7,6% - 8,6%. Như vậy, so với tiềm năng sẵn có, hoạt động du lịch của huyện Triệu Sơn

vẫn chưa thu được hiệu quả tương xứng. Cần có những biện pháp thiết thực và phương hướng hoạt động cụ thể hơn nữa để thúc đẩy ngành du lịch Triệu Sơn phát triển.

1.2.4. Định hướng phát triển du lịch Triệu Sơn trong thời gian tới

Nhìn nhận được tầm qua trọng và những lợi ích mà du lịch mang lại, huyện Triệu Sơn đã có những đề xuất quy hoạch để phục vụ hoạt động phát triển du lịch. Tổng diện tích quy hoạch sử dụng vào mục đích di tích - danh thắng trên địa bàn huyện Triệu Sơn đến năm 2020 là 212,66ha; trong đó quy hoạch ở xã Tân Ninh 202,67 ha, xã Tiên Nông là 1,52 ha, xã Dân Lý 0,18ha, xã Vân Sơn 0,60ha, xã Thái Hòa 7,56ha, xã Thọ Vực 0,12ha. Những kiến nghị trên đã được trình duyệt và thông qua vào kì họp thứ 6, khóa XVI của Hội đồng nhân dân huyện Triệu Sơn. Các không gian phát triển du lịch chính:

- Không gian du lịch khu di tích Ngàn Nưa: Với loại hình du lịch tham quan tìm hiểu các công trình, danh thắng di tích lịch sử, tìm hiểu các giá trị văn hóa, lịch sử, du lịch lễ hội, du lịch tâm linh, tham quan tìm hiểu về các danh nhân (danh nhân dân tộc, địa phương).

- Không gian du lịch xã Tiên Nông, với loại hình du lịch sinh thái làng quê gắn với khu sinh thái Bãi cò Tiên Nông.

Cùng với việc quy hoạch diện tích và không gian du lịch thì Triệu Sơn cần phải tập trung nâng cao chất lượng, phát triển hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ, hiện đại; sản phẩm du lịch chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, có sức cạnh tranh, hướng tới mục tiêu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của huyện, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của mình. Sau đây là một số định hướng để phát triển du lịch Triệu Sơn trong thời gian tới:

Về cơ chế chính sách: Trên cơ sở Luật Du lịch và các luật liên quan, các ngành chức năng nghiên cứu hoàn thiện và áp dụng hệ thống các cơ chế chính sách đặc thù trong các lĩnh vực về đầu tư, về đào tạo nhân lực, thị trường...

nhằm tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích mọi thành phần kinh tế có thể tham gia đầu tư.

Huy động nguồn vốn: vốn ngân sách Nhà nước dành cho đầu tư các hệ thống hạ tầng kỹ thuật thiết yếu, các dự án tu bổ tôn tạo di tích, tuyên truyền quảng bá chung... và nguồn vốn ngoài ngân sách (vốn tích lũy) là nguồn vốn chính đầu tư phát triển du lịch Triệu Sơn.

Việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống công trình cơ sở vật chất du lịch: Phát triển hệ thống các khách sạn cỡ trung tâm 2 - 3 sao và các loại hình cơ sở lưu trú khác tại các thị trấn và khu nghỉ dưỡng tại các trung tâm du lịch gắn liền với khu di tích Am Tiên (Tân Ninh) và khu sinh thái Tiên Nông. Đồng thời, đầu tư phát triển hệ thống cơ sở vui chơi giải trí - thể thao tại các khu vực thị trấn, thị tứ, tập trung dân cư như Quán Giắt, Sim...; phát triển hệ thống các siêu thị, hệ thống cửa hàng lưu niệm với các sản phẩm tiêu thủ công mỹ nghệ, mây tre đan, khu chợ đêm và khu ẩm thực phục vụ nhu cầu mua sắm của khách du lịch.

Việc đầu tư tu bổ, tôn tạo và bảo vệ các di tích văn hóa - lịch sử và khôi phục phát triển các lễ hội truyền thống phục vụ du lịch là vấn đề quan trọng và cần quan tâm sâu sát. Tập trung đầu tư đồng bộ giữa hoạt động trùng tu, tôn tạo, nâng cấp, gìn giữ các di sản văn hoá với kết cấu hạ tầng, cảnh quan, nhất là đối với các di tích đã xác định để trở thành một điểm đến hoàn chỉnh, phát huy tác dụng thu hút khách. Bên cạnh đó, cũng cần nâng cao trách nhiệm, trình độ chuyên môn của ban quản lý di tích và danh thắng nhằm tổ chức, lên kế hoạch quản lý hiệu quả hơn. Ngoài trùng tu tôn tạo di tích, huyện Triệu Sơn cũng cần nghiên cứu xem xét tới các giải pháp về bảo vệ môi trường, phối hợp chặt chẽ giữa công tác bảo vệ môi trường chung của huyện với môi trường du lịch; có nội quy công khai và phương tiện bảo vệ môi trường từng điểm đến; tăng cường nhận thức về bảo vệ môi trường tới cộng đồng dân cư.

Về xúc tiến, tuyên truyền quảng bá: Đây là một trong những định hướng quan trọng nhằm xây dựng thương hiệu và hình ảnh du lịch Triệu Sơn. Các hoạt

động triển khai cần thực hiện đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền quảng bá, các kênh quảng bá đến các thị trường du lịch trong và ngoài tỉnh; lồng ghép hoạt động tuyên truyền quảng bá du lịch với các sự kiện văn hoá, thể thao lớn của huyện; xây dựng hệ thống các trung tâm hướng dẫn và cung cấp thông tin về du lịch huyện ở những đầu mối giao thông quan trọng, ở các trọng điểm du lịch.

Về đào tạo nguồn nhân lực: Rà soát và bồi dưỡng đào tạo lại nguồn nhân lực hiện có, khuyến khích lao động có chất lượng về làm việc tại địa phương. Trước mắt ưu tiên tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng hình thành đội ngũ hướng dẫn viên tại các điểm di tích lịch sử, văn hoá trọng điểm.

Xây dựng, kết nối các điểm du lịch trong huyện và các điểm du lịch khác trong tỉnh tạo thành các tour, tuyến du lịch hấp dẫn thu hút khách du lịch.

Tiểu kết chương 1

Chương 1 là phần tìm hiểu tổng quan về huyện Triệu Sơn - một huyện nằm ở phía tây Thanh Hóa với nền kinh tế còn chưa thực sự phát triển với kinh tế chủ đạo vẫn là nông nghiệp. Triệu Sơn là vùng đất có bề dày lịch sử và truyền thống văn hóa bởi vậy có lợi thế là nguồn tài nguyên nhân văn phong phú, đặc biệt là hệ thống các di tích lịch sử văn hóa. Đây là nguồn tiềm năng to lớn cho hoạt động du lịch của huyện nói riêng và tỉnh Thanh Hóa nói chung. Tuy nhiên, hiện nay, việc khai thác các tài nguyên này phục vụ cho hoạt động du lịch chưa đạt được hiệu quả tương xứng. Bởi vậy, nên huyện Triệu Sơn cần có những biện pháp định hướng đúng đắn để phát huy hết lợi thế các giá trị văn hóa, lịch sử nhằm góp phần phát triển, đẩy mạnh hoạt động du lịch trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng quê hương Triệu Sơn giàu mạnh, văn minh.

Chương 1 là phần cơ sở lí luận chung để tìm hiểu về tài nguyên cũng như hoạt động du lịch của huyện, để đi tới nghiên cứu những vấn đề cụ thể của đề tài là tìm hiểu các giá trị và thực trạng khai thác tại khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh Núi Nưa để phục vụ cho hoạt động du lịch ở chương tiếp theo.

CHƯƠNG 2. TÌM HIỂU VỀ KHU DI TÍCH LỊCH SỬ, DANH LAM THẮNG CẢNH NÚI NƯA VÀ THỰC TRẠNG KHAI THÁC HIỆN NAY

2.1. Tìm hiểu về khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh núi Nưa

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của khu di tích

Theo đường tỉnh lộ từ thành phố Thanh Hóa, đi ngã tư Quán Giắt (Triệu Sơn) đúng 18km, rẽ tay trái theo đường 15B về phía đi Cầu Quan - Nông Công độ khoảng 10km là đến vùng đất Kẻ Nưa - Cổ Định (nay là xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn). Nằm giữa đồng bằng phía tây nam Thanh Hóa, núi Nưa, cao gần 400m cách biển Sầm Sơn khoảng 30km về phía đông, là ngọn núi cuối cùng trong dãy núi hình rồng uốn bảy khúc, chạy dọc xã Thọ Dân, Thọ Thế, Mốc đến Sim và dừng lại phía đông bắc Nưa. Một mạch núi khác tiếp giáp với Nưa từ phía tây nam chạy qua xã Mậu Lâm, Xuân Du của huyện Như Thanh hội nhập vào mặt tả ngọn núi. Núi Nưa chia làm hai mặt, phía đông tiếp giáp đồng ruộng, phía tây nam là núi đồi. Nưa là một địa danh đặc biệt, không xa biển nhưng lại là tiếp đầu của núi rừng. Quanh năm đỉnh Nưa có mây bao phủ, khí hậu mát lành. Cái tên gọi Ngàn Nưa không biết có tự bao giờ. Lốp người gần trăm tuổi ở vùng này cho biết Ngàn Nưa xưa có không gian rộng lớn. Đầu thế kỉ XX, rừng rậm còn kéo dài đến tận làng Sim. Phiên chợ Sim đầu tháng vẫn còn tấp nập lâm sản, thịt thú rừng, thổ cẩm và dập diu trai gái người Mường, người Thổ xuống chợ vùng ven. Trong dân gian vùng này vẫn còn in đậm các câu chuyện: *Cọp dữ ở núi Nưa, ông Tu Nưa, Bà Triệu luyện binh ở Ngàn Nưa, Người tiều phu đón củi ở đỉnh Nưa...*

Núi Nưa là tên Nôm mà dân gian thường gọi, tên chữ mà các sách xưa đề cập đến lại là núi Na. Trong sách “*Dư địa chí*”, khi viết về xứ Thanh, ở mục XXXI, Nguyễn Trãi viết: “Na, Tùng và Lương ở về Thanh Hoa. Na, Tùng là tên hai núi. Lương là tên sông”. Còn trong sách *Đại Nam Nhất thống chí*, ở mục Núi sông của tỉnh Thanh Hóa đã chép: “Núi Nưa: Tức Na Sơn ở huyện Nông Công;

mạch núi từ phủ Thọ Xuân kéo đến, chạy dài vài ba mươi dặm, đến địa phận tổng Cổ Định thì nổi vọt lên nhiều ngọn, ngọn cao nhất là núi Nưa; bên ngoài thì bốn dòng nước giao lưu, đỉnh núi có động, tương truyền đời Hồ có người tiều phu ở ẩn học đạo, Hồ Hán Thương cho triệu người tiều phu ấy không chịu ra, Hán Thương bèn sai đốt núi” [11, 232- 233]

Sách “Lịch triều hiến chương loại chí” của Phan Huy Chú, ở phần Dư địa chí, mục phủ Tĩnh Gia đã viết: “Phủ Tĩnh Gia ở phía tây Thanh Hóa. Huyện Nông Công ở miền thượng du, đất liền huyện Đông Sơn, phía tây nam có nhiều ngọn núi chập chồng vòng quanh, một chi nhánh Na Sơn chót vót đứng thẳng, trong dãy núi này có nhiều ngọn núi kì lạ, động đẹp. Về cổ tích thì có đường đi tắt của ông lão kiếm củi. Thời Hồ Hán Thương, ở Na Sơn có ông lão kiếm củi ẩn cư trong động sâu. Sứ nhà Hồ mời ra giúp việc. Ông lão mời sứ vào, nhưng ông toàn nói chuyện chê trách việc làm của thời bấy giờ, chứ không chịu ra. Sứ giả về trả lời với Hán Thương, Hán Thương lại sai người đi lần thứ hai thì thấy rêu mọc lan khắp cửa động, đường vào khi trước đã bị che lấp mất rồi. Hán Thương giận, sai đốt núi thì chỉ thấy một con hạc đen vút lên trên không bay đi. Việc này chép rõ ở Truyền kỳ mạn lục [7, 48-49].

Sách Thanh Hóa tỉnh chí, tập II, bản dịch của Nguyễn Mạnh Duân viết: “Na Sơn tức núi Nưa ở Cổ Định Nông Công. Lại còn gọi là núi Khu Than. Tục truyền núi ấy trước kia có nhiều quý. Sau có nhà sư đọc lời chú yểm quý thì quý yên cho nên gọi thế. Mạch núi từ huyện Thọ Xuân thời cổ mà đến. Sườn núi quanh co suốt mấy chục dặm, đến đây mọc lên ngọn núi đá, chỗ um tùm và cao nhất tức chỗ ngọn núi ấy. Phía ngoài có sông nhánh hợp lưu, giữa có động, thế núi trắc trở và sâu thẳm. Truyện ghi trong Truyền kỳ mạn lục có lời kiếm chú đất ấy rằng: Na Sơn long hổ các nhất phiến, nhất hô thiên hạ biến (Núi Nưa long hổ mỗi thứ đều có một, gọi một tiếng sẽ đi khắp thiên hạ). Vì núi ấy là chi bên hữu của đất trong tỉnh hạt. Dáng tốt đẹp thì không bằng núi Thuần Phù, nhưng có

động cây xanh, có sông biếc bao quanh, thế núi có từ xa, khí núi thì hùng nên núi tự nổi tiếng ở vùng giao giới của hai đất Hoan Ái” [5, 3-4].

Nói chung, khi viết về núi Nưa (Na Sơn) các sách địa chí xưa chỉ tập trung mô tả về ngọn núi cao nhất ở vùng đất Cổ Định. Đó là đỉnh núi Nưa, hay còn gọi là đỉnh Am Tiên (398m). Xét về địa danh lịch sử, trước kia vùng đất này thuộc huyện Nông Công, từ năm 1964 tới nay, do chia lại huyện thì làng Cổ Định thuộc về đất Triệu Sơn. Ban đầu, có tên là Kẻ Nưa hay còn gọi là Cổ Na ; thời Lê, đổi tên là Cổ Ninh, sau đó lại đổi tên thành Cổ Định [10, 3].

Theo sách “Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỉ XIX” thì làng Cổ Định thuộc tổng Cổ Định, huyện Nông Công, phủ Tĩnh Gia. Sách “Khánh địa dư chí” (1885 -1888) cho biết: Thôn Cổ Định đến gần cuối thế kỉ XIX đã đổi thành xã Cổ Định và thuộc tổng Cổ Định. Như vậy, làng xã Cổ Định tồn tại từ thời Lê đến hết thời Nguyễn. Từ năm 1954, làng - xã Cổ Định mới đổi thành xã Tân Ninh, huyện Nông Công và từ năm 1964 tới nay thì Cổ Định - Tân Ninh mới thuộc huyện Triệu Sơn [10, 4].

Xét về mặt vị trí thì toàn bộ vùng đất Cổ Định đều nằm gọn dưới thung lũng chân núi Nưa. Hệ thống núi Nưa, gồm nhiều ngọn đồi tròn thoải, chập trùng như bát úp. Thung lũng này được khép lại ở mạn Đông Bắc bằng những dãy dài đất đỏ thấp và tròn như những quả trứng khổng lồ. Các nhà phong thủy xưa, gọi đây là núi “Cửu noãn sào”(núi chín quả trứng rồng) nói lên mong muốn của người xưa có con cháu đời đời sinh sôi nảy nở, tiếp nối truyền thống. Theo truyền thuyết thì đây là tuyệt phẩm của ông Nưa, vị thần khủng lồ tạo ra. Khi san đồi, chia núi, ông vừa quảy núi để lấy đất trồng cây, vừa đào sông dẫn thủy...từ đó tạo ra cảnh quan độc đáo, thơ mộng của vùng đất Cổ Định. Làng Cổ Định là ngôi làng cổ kính quê hương của nhiều truyền thuyết, và những câu chuyện thần tiên, cũng là nơi sản sinh ra nhiều danh nhân nổi tiếng. Con đường dẫn lên đỉnh núi Nưa, hai bên là hai hàng cây cổ thụ hơn trăm năm tuổi. Dưới chân núi là hai ngôi đền thiêng, đền Đức Thánh Lưỡng - nơi thờ chàng út Đại

Vương và ngôi đền Nưa thờ Bà Triệu. Cũng nhờ địa hình, địa thế núi non rừng rậm, Kê Nưa còn là địa điểm thích hợp để rèn gươm luyện võ, lập căn cứ khởi nghĩa. Nơi đây còn lưu dấu nhiều địa danh gắn liền với cuộc kháng chiến chống ngoại xâm mà đầu tiên phải kể đến cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu (248). Sau khi leo lên tới đỉnh cao nhất, từ trên ấy, nhìn ngắm bốn phía, bao quát cả một vùng đất rộng lớn xứ Thanh. Từ trên đây nhìn xuống, ôm vòng dưới chân núi Nưa và len lỏi giữa các đồi bát úp, rồi đổ về phía Đông Nam là dòng Lãn giang (sông Lười). Bởi sông này nước chảy lững lờ, chậm chạp nên mới mang tên Lãn Giang. Lòng sông hẹp nhưng sâu thẳm, hai bên bờ dốc thẳng đứng. Vào buổi sáng đẹp trời, nhìn dòng Lãn giang như vừa thức dậy sau cơn ngủ dài, uể oải uốn mình, nhập vào sông Yên rồi vươn ra biển cả. Xa xa là điệp trùng lô xô, dãy núi đá Hoàng - Nghiêu, căn cứ chống Minh của Nguyễn Chích (Đầu thế kỉ XV). Phía tây là điệp điệp trùng trùng núi non Lang Chánh, Thường Xuân xanh ngút ngàn. Nhìn dưới chân núi là đồng bằng trù phú, nơi tụ cư đông đúc, những làng mạc, ruộng đồng tốt tươi. Tất cả tạo nên cảnh quan kì thú, hấp dẫn du khách xa gần hành hương về đây, được thả mình chiêm ngưỡng sự hùng vĩ của non nước quê hương.

Không chỉ là nơi luyện chí mài gươm, mảnh đất thiêng của khu căn cứ khởi nghĩa Bà Triệu, núi Nưa còn là nơi non nước hữu tình, chốn ẩn cư thanh vắng của bao tao nhân mặc khách. Không chỉ có vậy, ngày từ thời thượng cổ, khi Cổ Định còn mang tên là Chạ Kê Nưa (thời Hùng Vương), đã lưu truyền truyền thuyết về một nhà tu hành đắc đạo thành tiên tại nơi cao nhất trên đỉnh núi Nưa. Bởi thế, người đời còn gọi đỉnh núi Nưa là đỉnh Am Tiên. Người đầu tiên lập am tu Tiên là một người có sức mạnh siêu phàm, có phép thuật vô biên, đến nay con dân Cổ Định vẫn trân trọng gọi ông là Tu Nưa [21]. Ông Tu Nưa không chỉ lo tu hành mà còn có lòng thương người dân khó nhọc nên thường xuống giúp dân nghèo khai phá rừng rậm, dọn dẹp đất đá, phá gò lấp ao để có đồng ruộng cho bà con trồng trọt. Khi đồng ruộng được san lấp bằng phẳng thì chỉ còn hai ngọn núi

đá đứng giữa đồng. Ông Tu Nưa vào rừng lấy cây mây làm gióng, chặt một cây gỗ lim làm đòn gánh để quảy hai quả núi đi nơi khác. Ông dự tính đưa hai quả núi này đến dãy núi Hoàng Nghiên (nay thuộc huyện Nông Cống). Mới đi được hai phần đường thì trời đã trưa, đói và khát nên ông Tu Nưa để núi xuống nghỉ. Sau khi ăn hết một thúng xôi nếp, uống hết một nồi nước ông định gánh núi đi tiếp. Nhưng lạ thay, dù ông vận dụng hết sức lực vẫn không nâng nổi hai ngọn núi. Hóa ra, trong thời gian ông nghỉ ăn cơm, hai ngọn núi đã mọc rễ vững chắc xuống đất. Ông nghĩ: “Chắc là phẩm lộc trời ban đồng ruộng cho dân Chạ Kê Nưa đến đây mà thôi”. Để giúp dân làm ăn thuận lợi, ông bắt con voi một ngà trong Ngàn Nưa, dùng cây gỗ lim to làm cày, cày một đường dài từ Mau Đan Lồ ra tới sông Hoàng Giang để thoát nước khi có mưa lũ.

Cũng thời gian ấy, ở làng Vòm (nay thuộc huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa - vùng quê của di chỉ khảo cổ Núi Đọ) có một người đàn ông về tài nghệ, sức khỏe chẳng thua gì ông Tu Nưa. Dân làng gọi ông là Tu Vòm. Nghe tiếng ông Tu Nưa do dân gian truyền tụng, ông Tu Vòm tìm đến Ngàn Nưa thách đấu. Hai con người không lồ, tài nghệ phi phàm đánh nhau hết ngày này qua ngày khác, họ nhổ cây rừng, bóc đất đá làm vũ khí. Trận chiến kinh thiên động địa, khiến thần khóc quỷ sầu, bão tố nổi lên ầm ầm. Cuối cùng, do sút kém tài nghệ ông Tu Vòm thua, chạy dài về lại quê hương. Từ đó ông chỉ chí thú làm ăn, giúp đỡ người nghèo khó. Nhớ công ơn ấy sau khi ông mất dân làng đã lập đền thờ và đến nay đền thờ này vẫn còn tại làng Vòm. Do hai ông Tu Nưa và Tu Vòm bóc đất đá đánh nhau nên bãi chiến trường xưa nay còn mang những cái tên do người đời sau đặt cho như: Cồn Lường, Cồn Đu, Cồn Sim, Cồn Bạc, Cồn Mò, Cồn Chè... nằm trên các cánh đồng: Bãi Chon, Mùa Nàng, Phúc Định, Nổ Lở, Đồng Troàng...[21].

Sau khi đánh thắng ông Tu Vòm, ông Tu Nưa lại trở về đỉnh Am Tiên tiếp tục tu luyện và thường xuyên giúp đỡ nhân dân Chạ Kê Nưa. Bên cạnh truyền thuyết trên, còn nhiều tích về đạo sĩ thời Trần - Hồ tu đạo ở núi Nưa được lưu

truyền trong dân gian. Núi Nưa trước kia rất nhiều ma quỷ, sau có vị sơn tăng tới đọc thần chú, yểm núi, ma quỷ cũng dần dần biến mất. Bởi thế mà núi có tên chữ là núi Na, hay còn gọi là núi đuổi ma. Câu chuyện “Người tiều phu núi Na” (Núi Nưa) còn được ghi chép lại trong nhiều sách sử. Nguyễn Dữ - tác giả tác phẩm Truyền kỳ mạn lục ra đời vào thế kỉ XVI đã ghi: “Đất Thanh Hóa phần nhiều là đất núi, bát ngát bao la tới mấy ngàn dặm. Trong đó có một ngọn núi cao chót vót, tên gọi núi Na. Núi có động, dài mà hẹp, hiểm trở mà lại quanh hru, bụi trần không bén tới. Hàng ngày trong động có người tiều phu gánh củi đi ra, đem đổi lấy cá và rượu, cốt được no say chứ không lấy một đồng tiền nào. Hễ gặp ông già, trẻ con dưới làng lại nói chuyện trồng dâu, trồng gai một cách vui vẻ. Ai hỏi họ tên, nhà cửa, tiều phu chỉ cười mà không trả lời. Mặt trời ngậm núi lại thủng thẳng về động. Người đương thời cho là người thuộc hạng Thần Môn, Tiếp Dur chứ Thái Hòa trở xuống đều không đủ kể...” [5,132]. Các sách Lịch triều hiến chương loại chí của Phan Huy Chú, Đại Nam nhất thống chí của Quốc sử quán triều Nguyễn đến các sách Thanh Hóa tỉnh chí của Nhữ Bá Sĩ... cũng có ghi chép lại. Dù độ dài ngắn khác nhau cũng như mô tả chi tiết hay tóm lược, cũng đều có nội dung giống nhau. Đó là chuyện kể về vị tu sĩ thời Trần Hồ, ở ẩn tu tiên ở đỉnh Am Tiên (Ngàn Nưa). Ông là người có danh tiếng lưu truyền trong nhân gian, nên được nhà Hồ mời ra làm quan, tuy nhiên không ưng thuận mà toàn nói chuyện chê trách nên bị Hồ Hán Thương vì tức giận mà sai người đốt núi. Từ đó trở đi, khu vực này trở thành khu vực thiêng. Đến thời Lê Nguyễn, nhiều ngôi chùa, miếu được xây dựng để du khách tới hành hương, thưởng ngoạn, cầu trường sinh. Ngoài ra còn nhiều những tích liên quan, ở khu vực đỉnh cao của núi Nưa hầu như nơi nào cũng có dấu chân của các đạo sĩ tu tiên như: đỉnh Các Sơn, Tượng Sơn, núi Sẻ, Bể Cạn... Chính sự phát triển Đạo giáo mà nơi đỉnh Am Tiên trở thành thắng cảnh thơ mộng, huyền ảo bậc nhất xứ Thanh Hóa với Giếng Tiên, Động Đào, Ao Hóp - quanh năm đầy nước trong vắt, tinh khiết, có bàn cờ Tiên nơi người tiều phu vào núi kiếm củi gặp hai ông

già đánh cờ, đứng lại xem xong ván cờ khi trở về nhà thì đã trải qua mấy đời người rồi. Lấy cảm hứng nội dung câu chuyện này về đạo tu tiên ở núi Nưa, Nguyễn Dữ đã sáng tác hai bài thơ: Bài ca thích ngủ và Bài ca thích cờ, nguyên văn chữ Hán được ghi trong Truyền kì mạn lục.

Phan Huy Ôn (Thế kỉ XVIII) đã say mê mà lưu lên vách đá Am Tiên những vần thơ đặc sắc nhân trong một chuyến dạo chơi văn cảnh nơi đây:

Phiên âm:

*Nông Công chi tây vạn lĩnh hoàn,
Sa nga Na lĩnh bức vân gian.
Thiên lưu dật thú nham khe cổ,
Địa quýnh tri trần thảo thụ nhân.
Đông kinh dĩ tùy Tiêu ẩn diểu,
Sơn dung bất vị Hán Thương hàn.*

Dịch thơ:

*Trập trùng núi dựng trời tây
Na Sơn một dải xuyên mây chín tầng.
Thú riêng ai lách bụi trần,
Đồi cây, khe đá, dành phần riêng ai.
Lối Tiêu cỏ lợp rêu phai,
Vẫn nguyên dáng núi cọt người Hán Thương...*

(Hoàng Văn Doài dịch)

Ngoài ra nhà chí sĩ yêu nước Nguyễn Thượng Hiền (1868 - 1925) cũng có mối duyên tình sâu sắc với dãy Ngàn Nưa. Ông còn dựng nhà trên núi, nghỉ ngơi xem văn bài. Ngôi nhà đó tên là Na Sơn biệt thự. Có lẽ do quá yêu nơi này mà người con gái của ông được đặt tên là Nguyễn Thị Nưa. Cảnh sắc thanh vắng, như chốn bồng lai trở thành đề tài của nhiều bài thơ văn hay không chỉ với Nguyễn Thượng Hiền mà còn nhiều chí sĩ khác, mượn núi để bộc bạch tâm sự, nổi lòng trước cảnh nước mất nhà tan.

Trong thời kì phong trào Cần Vương chống Pháp, các văn sĩ vùng Kẻ Nưa, không còn theo thú tiêu dao, học đạo tu tiên xa lánh sự đời như vị ẩn sĩ thời Trần-Hồ mà hăng say tham gia phong trào yêu nước chống Pháp. Đặc biệt có thể kể đến cuộc khởi nghĩa của Tổng Duy Tân đã tập hợp được nhiều nghĩa sĩ đầu quân dưới ngọn cờ của mình. Từ vùng Ngàn Nưa - Cỏ Định, nghĩa quân đã mở đợt tấn công đánh úp đồn Nông Cống, giáng một đòn mạnh vào chính quyền thực dân Pháp, gây được tiếng vang lớn trong cả xứ Thanh.

Tiếp nối những truyền thống đó, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đỉnh Am Tiên là nơi căn cứ chiến lược của bộ đội ta. Nhân dân vùng Kẻ Nưa đã nhiệt tình ủng hộ, nuôi giấu bộ đội. Trong suốt những năm kháng chiến, nhân dân vùng núi Nưa đã phát huy hết truyền thống anh hùng của Bà Triệu, lập được nhiều chiến công, góp phần vào công cuộc giải phóng dân tộc. Ngày nay, thực hiện công cuộc đổi mới đất nước vùng Kẻ Nưa - Cỏ Định, Tân Ninh đã trở thành xã giàu đẹp, văn hóa bậc nhất trong huyện. Khu vực đỉnh Am Tiên đã, đang được quy hoạch xây dựng thành di tích du lịch tâm linh cấp quốc gia. Đất Cỏ Định - Tân Ninh tự xa xưa đã mang trong mình bao huyền thoại, những câu chuyện cổ tích, truyền thống hào hùng, đẹp đẽ và nhân văn, trở thành tụ điểm hành hương du lịch về lịch sử, văn hóa hấp dẫn trong tỉnh. Với giá trị đó, ngày 27/3/2009, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ký quyết định công nhận Di tích lịch sử văn hóa danh lam thắng cảnh núi Nưa - địa điểm khởi nghĩa Bà Triệu gồm núi Nưa, đền Nưa và Am Tiên là di tích, thắng cảnh cấp quốc gia. Khu di tích danh thắng này nằm ở phía đông của dãy núi Nưa; phía tây là cụm di tích Phủ Na hay còn gọi là Na Sơn Động Phủ, cũng là một trong những nơi thờ cúng tiêu biểu của đạo Mẫu và tín ngưỡng thờ sơn thần với các đối tượng thờ như thờ cô Chín, thờ Chúa thượng ngàn, đức thánh Tản Viên. Phủ Na ra đời vào năm 1909, được xây dựng theo kiến trúc thời Nguyễn và đã được Nhà nước công nhận là Di tích lịch sử văn hóa và thắng cảnh ngày 28/01/1993. Như vậy,

trên dãy Ngàn Nưa, tồn tại hai khu di tích riêng biệt với những giá trị văn hóa, lịch sử độc đáo, hứa hẹn là điểm du lịch hấp dẫn.

2.1.2. Các công trình hạng mục chính trong khu di tích

2.1.2.1. Khu di tích phủ Na và tín ngưỡng thờ Mẫu

Thờ Mẫu là một tín ngưỡng dân gian thuần Việt, có lịch sử lâu đời, biến chuyển thích ứng với sự thay đổi của xã hội. Tín ngưỡng thờ Mẫu hướng đến cuộc sống thực tại của con người với ước vọng sức khỏe, tài lộc, may mắn, là một nhu cầu trong đời sống tâm linh của người Việt, mang lại cho họ sức mạnh, niềm tin và có sức thu hút mọi tầng lớp trong xã hội. Có một số nhà nghiên cứu cho rằng, tục thờ Mẫu có nguồn gốc từ thời Tiên sử khi người Việt thờ các thần linh thiên nhiên, các thần linh này kết hợp trong khái niệm Thánh Mẫu hay còn gọi là nữ thần Mẹ. Theo thời gian khái niệm Thánh Mẫu được mở rộng để bao hàm các nữ anh hùng trong dân gian - những người phụ nữ nổi lên trong lịch sử với vai trò người bảo hộ hoặc trị bệnh. Những nhân vật lịch sử này được kính trọng, tôn thờ và cuối cùng được thần thánh hóa để trở thành một trong các hiện thân của Thánh Mẫu.

Tín ngưỡng thờ Mẫu là sự tin tưởng, ngưỡng mộ, tôn vinh và thờ phụng những vị nữ thần gắn với các hiện tượng tự nhiên, vũ trụ được người đời cho rằng có chức năng sáng tạo, bảo trợ và che chở cho sự sống của con người (như: trời, đất, sông nước, rừng núi) hoặc thờ những thái hậu, hoàng hậu, công chúa là những người khi sống tài giỏi, có công với dân, với nước, khi mất hiển linh phù trợ cho người an, vật thịnh. Các vị nữ thần này được tôn vinh với các chức vị: Thánh Mẫu (như Thánh Mẫu Liễu Hạnh, Chúa Xứ Thánh Mẫu, Linh Sơn Thánh Mẫu, Thượng Ngàn Thánh Mẫu...), Quốc Mẫu (như Quốc Mẫu Âu Cơ...), Vương Mẫu (như người mẹ của Thánh Gióng được tôn vinh là Vương Mẫu...).

Trải qua lịch sử, tín ngưỡng thờ Mẫu ở nước ta đã phát triển hình thành tín ngưỡng Tam phủ (Thiên phủ, Nhạc phủ, Thoải phủ), Tứ phủ (ba phủ trên có thêm Địa phủ). Đến thế kỷ XVI, trên cơ sở tín ngưỡng Tam Phủ, Tứ phủ, với sự

ra đời của Thánh Mẫu Liễu Hạnh, một tôn giáo bản địa sơ khai được hình thành - đó là Đạo Mẫu. So với tín ngưỡng thờ nữ thần, đạo Mẫu có một thần điện phong phú với các phủ, các hàng (hàng châu, hàng Quan, hàng Ông hoàng, hàng Cô, hàng Cậu...) tương đối rõ rệt. Điện thần của Đạo Mẫu có hàng chục vị thần linh nhưng đều quy tụ dưới sự điều khiển củ Tam Tòa Thánh Mẫu, trong đó có một vị thần Mẫu cao nhất, mang tư cách như một vị giáo chủ, đó là Thánh Mẫu Liễu Hạnh, được xem như là một hóa thân của Mẫu Thượng Thiên [18].

Trong điện thần của tín ngưỡng thờ mẫu, Tam Tòa Thánh Mẫu được thờ chung một hàng ngang với thứ bậc vị trí rõ ràng: Mẫu Thượng Thiên choàng khăn màu xanh, bên phải là Mẫu Thoải choàng khăn màu trắng. Khi Thánh mẫu Liễu Hạnh xuất hiện, bà được đề cao, mang tư cách là hóa thân của Mẫu Thượng Thiên.

Ở Phủ Giày (Nam Định) tương truyền là quê hương của Mẫu Liễu từ lâu đã trở thành trung tâm thờ Mẫu của người Việt. Những nghi lễ của Đạo mẫu đã bước đầu được chuẩn hóa, trong đó nghi lễ hầu đồng là một điển hình [18].

Nhận xét về hầu đồng nói riêng và tín ngưỡng thờ Mẫu nói chung, tiến sĩ Laurenl Kendall, Bảo tàng Lịch sử tự nhiên Hoa Kỳ, người trực tiếp tư vấn cho Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam thực hiện trưng bày “Tín ngưỡng thờ Mẫu: Tâm-Đẹp-Vui” cho biết, hầu đồng là một nghệ thuật mang tính trình diễn trên sân khấu với kịch tính và kỹ thuật đẹp [18]. Tâm là giá trị cốt lõi của tín ngưỡng thờ Mẫu. Mẫu dạy con người sống hướng thiện, có cái tâm trong sáng, biết đối nhân xử thế, thờ phụng ông bà tổ tiên và biết ơn những người có công với dân, với nước. Còn Đẹp và Vui trong tín ngưỡng thờ Mẫu được thể hiện qua chính lễ hầu đồng. Sự tương tác giữa hầu đồng, cung văn và người dự trong không gian buổi lễ khiến con người thăng hoa, quên đi phiền muộn trong cuộc sống hằng ngày.

Với vị trí là một tín ngưỡng nội sinh của dân tộc, ngay từ rất sớm, đạo Mẫu cũng đã có mặt tại khu di tích Phủ Na thuộc dãy ngàn Nưa. Phủ Na nằm ở địa phận tổng Xuân Du, theo Reberquin tác giả sách “Le Thanh Hoa” thì tổng Xuân Du do một thổ ti họ Quách thành lập vào năm 1858. Cư dân ở đây hầu hết

là người Mường từ tỉnh Hòa Bình di cư vào, họ mang theo trong tâm thức một hệ thống tín ngưỡng dân gian Mường. Đây được xem là một hành trang trên đường chinh phục tự nhiên, tìm nơi cư trú, tìm cách làm ăn sinh sống và trở thành tín ngưỡng bản địa. Trước khi người Mường đến đây, vùng này là đất trống, chưa có dấu vết gì về thờ cúng thần linh. Theo kết luận tại Hội thảo khoa học về Di tích danh thắng Phủ Na tháng 9/2003, Phủ Na ra đời vào năm 1909 (dấu tích còn ghi lại tại thượng lương của đền Mẫu Nghi Thiên Hạ). Phủ Na được kiến trúc theo tín ngưỡng dân gian thờ Đạo Mẫu. Trong quần thể di tích phủ Na gồm có 7 công trình chính là: Đền Tĩnh, Đền Đức Ông, Đền Quan Hoàng, Đền Mẫu, Đền Cô Chín và hai khu thờ Chúa thượng Ngàn và đức Thánh Tản Viên. Tuy nhiên, từ khi tín ngưỡng của đạo Mẫu - Liễu Hạnh du nhập về thì tại đây đã có tín ngưỡng thờ Tản Viên, mẹ Âu Cơ và Chúa Cửa Rừng (chúa Thượng Ngàn), tín ngưỡng nguyên thủy của người Mường Hòa Bình.

Với môi trường sinh thái của vùng đất này, cùng bối cảnh lịch sử, xã hội và xu hướng tâm linh của nhân dân thuở ấy, người xưa chọn tín ngưỡng thờ Mẫu Liễu Hạnh ở Phủ Na là hợp lý. Tuy nhiên, tín ngưỡng thờ Mẫu ở Phủ Na có những biểu hiện khác biệt rất đáng lưu ý. Nhìn vào cung cách thờ tự, cùng sự phân bố các đền thờ theo ngôi thứ trong khuôn viên Phủ Na, từ eo En trên lưng chùng núi Nưa xuôi hướng đông theo dòng suối, nơi có vị trí cao nhất đặt bệ xây bằng gạch lộ thiên là đền thờ Tản Viên Sơn Thánh (thần núi), ngang sang phải cũng đặt một bệ xây gạch lộ thiên là đền thờ Thượng Ngàn công chúa; bên kia suối về phía phải đặt một bệ rộng hơn xây bằng gạch lộ thiên là đền thờ Cô Chín, đệ tử thân cận của Liễu Hạnh công chúa; xuôi theo suối về phía trái, một ngôi đền xây bốn cung tường gạch mái ngói, từ ngoài cho đến nội thất đều trang trí nhiều hoa văn màu sắc rực rỡ, có bệ thờ lớn, chính giữa nơi cao nhất đặt ngai Mẫu Liễu, bệ bên cạnh đặt ngai thờ bà Âu Cơ, trên đại tự có bốn chữ Hán “Mẫu nghi thiên hạ”; bên kia suối về phía phải thấp hơn một chút, đặt bệ xây bằng gạch lộ thiên là đền thờ 12 Quan Hoàng, ngang sang trái bên kia suối, một ngôi

đền cũng tường gạch mái ngói, trang trí đẹp, bệ thờ trang nghiêm là đền thờ Đức Ông, tức Trần Hưng Đạo và Ngọc Hoàng Thượng đế. Cuối cùng đặt một bệ xây gạch lộ thiên là đền thờ cô Ba Đón, tức đền Trình. Tất cả những nơi thờ được gọi là đền ở đây đều được xây dựng vào cuối thế kỷ XX [17]. Cách phân bố vị trí thờ và kiến trúc đều phản ánh quan niệm tín ngưỡng của cư dân bản địa, yếu tố tín ngưỡng dân gian Mường đọng lại trong tín ngưỡng Mẫu Phủ Na rất đậm đặc, nếu đối chiếu với đền phủ gốc của tín ngưỡng thờ Mẫu như Phủ Giày, đền Sòng, phố Cát, thấy bộc lộ nhiều nét khác biệt.

Một là Tản Viên Sơn Thánh hay thần Núi, vốn được gọi là “Đại vương núi Tản Viên” là một trong 50 người con theo cha xuống biển, Vương từ hải quốc qua cửa biển Thần Phù trở về, tìm nơi đất thanh y, dân tục đôn hậu, chất phác mà ở. Thánh Tản Viên mà ta biết được là qua hai truyền thuyết “Truyện núi Tản Viên”, sách “Lĩnh Nam chính quái” của Vũ Quỳnh, Kiều Phú, “Truyện Sơn Tinh - Thủy tinh” trong sách “Thế pháp thi tập”, nhưng còn một truyền thuyết nữa có tên là “Vua Ba Vì” cũng có nơi gọi là “Truyện Thánh Tản Viên” hoặc “Vua Cả”, lưu hành bằng truyền miệng trong dân tộc Mường thì còn ít người biết đến. Tuy tình tiết và nhân vật ở truyện này có khác, nhưng về nội dung cơ bản không khác hai truyện trên. Thánh Cả Ba Vì đượm nhuần ân nghĩa trong tâm thức tín ngưỡng Mường. Tuy người Mường không xây dựng đền miếu nguy nga, to lớn, nhưng Thánh Cả Ba Vì luôn hiện diện trong phần lớn các nghi lễ của người Mường. Thánh Cả Ba Vì không phải thánh trong hệ thống thánh của tín ngưỡng thờ Mẫu, nhưng ở Phủ Na lại được đặt bệ thờ ở vị trí cao nhất. Bên trên cả đền vị thánh chính là Mẫu Liễu Hạnh và đặc biệt vẫn được thờ lộ thiên theo kiểu thờ của người Mường [17].

Hai là Mẫu Thượng Ngàn theo sách Thần tích đời Lý - Trần thì: Thượng Ngàn công chúa húy La Bình; con gái Tản Viên Sơn Thánh, cháu ngoại vua Hùng Duệ Vương. La Bình là cô gái tuyệt sắc có nhiều tài nghệ, thường theo cha đi khắp các núi non hang động, đến đâu nàng cũng quyến luyến phong cảnh,

làm bạn với hươu, nai, cây cỏ, sơn thần các núi non đều quý trọng, mến phục. Thượng đế phong hiệu là Thượng Ngàn công chúa cai quản các cửa rừng cõi Nam Giao. Trở thành bà chúa ngàn xanh, nữ thần Thượng Ngàn chăm chỉ dạy các loài muông thú, chim chóc cách sinh sống, bay nhảy, leo trèo, hát ca, thưởng giông vật có công, phạt ác thú gây hại cho sinh vật. Thần đã hai lần hiển linh âm phù tướng sĩ nhà Lý đánh thắng bắc Tống, tướng sĩ nhà Trần đánh thắng Nguyên - Mông. Đến khởi nghĩa Lam Sơn, nữ thần đã hóa phép ra một đàn đom đóm tỏa luồng ánh sáng dẫn đường cho Lê Lợi và Nguyễn Trãi chạy trong đêm tối thoát khỏi nanh vuốt giặc Minh. Đêm sau thần báo mộng cho Nguyễn Trãi kẻ sách phải giữ gìn lấy núi Chí Linh, Nguyễn Trãi căn cứ vào trong mộng tâu với Lê Lợi. Quả nhiên, quân Minh tiến đánh ba bốn lần, nghĩa quân đều rút về núi Chí Linh mà bảo toàn được lực lượng. Sau khi chiến thắng giặc Minh, Lê Lợi lên ngôi vua Lê Thái tổ, tôn phong thần nữ Thượng Ngàn là “Lê Mại Đại Vương” và hạ chiếu xây đền thờ ở những nơi thần hiển linh, tiêu biểu là đền Thượng Sơn ở xã Cẩm Bình, Cẩm Thủy, Thanh Hóa, đền Trà Tu do hai làng Trà Tu và Yên Thế (thuộc huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình) và đền Hàn Sơn gần thác Hàn sông Lèn thuộc huyện Hà Trung, Thanh Hóa. Các đền đều có tán vãn trong sắc phong hoặc câu đối ca ngợi bà. Mẫu Thượng Ngàn là một vị thánh trong hệ thống thánh của tín ngưỡng thờ Mẫu, nhưng là người có tên họ và nguồn gốc rõ ràng. Ở các đền, phủ lớn như phủ Giày, đền Sòng đều đặt bệ thờ Mẫu Thượng Ngàn bên phía phải Mẫu Liễu Hạnh, nhưng ở đây lại thờ trên bệ lộ thiên, bên cạnh đền Tản Viên và bên trên đền Mẫu Liễu Hạnh [17].

Ba là, đền 12 vị Quan Hoàng, các vị này đều nằm trong hệ thống thần của tín ngưỡng thờ Mẫu, tất cả các đền đều thờ 12 vị Quan Hoàng này trong đền Mẫu Liễu. Riêng ở Phủ Na thờ trên một bệ xây lộ thiên, cách đền Mẫu Liễu bởi một dòng suối. Hiện tượng thờ 12 vị Quan Hoàng ở Phủ Na khiến người ta liên tưởng đến nghi lễ “Không nhá” trong tín ngưỡng dân gian Mường. Các vị thần này phần nhiều được thờ ở ngoài trời, riêng vị thứ 12 thì nhà nào cũng có bàn thờ rất

đơn giản, gác trên xà dọc nhà, nhà nào cũng phải hành lễ vào dịp cuối năm, nghi lễ này có vai trò quan trọng nhằm giải tỏa tâm linh cho mọi người trong gia đình. Sự gặp gỡ con số 12 vị Quan Hoàng trong tín ngưỡng thờ Mẫu, với 12 vị thần bảo trợ Mường, cùng nội dung chức phận của họ, cũng như cách thờ tự và kiến trúc đền phủ. Phải chăng đền thờ và nghi lễ 12 vị Quan Hoàng ở Phủ Na là ảnh xạ của nghi lễ “Khôông nhá” trong tín ngưỡng dân gian Mường? [17].

Bốn là, ngôi đền bốn cung nguy nga lộng lẫy thờ Mẫu Liễu Hạnh, ở đây không thờ Ngọc Hoàng thượng đế, Mẫu Thượng Ngàn và các Quan Hoàng như ở Phủ Giày, đền Sông, phố Cát mà lại thờ bà Âu Cơ [17].

Năm là, đền Đức Ông, tức là thờ Đức Trần Hưng Đạo, người anh hùng dân tộc. Nơi nào có phủ thờ Mẫu thì đều có đền thờ Đức ông bên cạnh. Vì thế mới có lệ “Tháng tám giỗ cha, tháng ba giỗ mẹ”, nhưng đền thờ Đức Ông ở Phủ Na còn thờ cả Ngọc Hoàng thượng đế.

Sáu là, rước kiệu Mẫu Liễu Hạnh trong ngày hội tháng 3, một hình thức không thể thiếu. Hội thánh Mẫu ở Phủ Na cũng rước kiệu Mẫu nhưng có hai điều khác biệt đó là nơi đầu tiên rước kiệu đến phải là đền thờ Tản Viên Sơn Thánh, làm lễ xong mới rước đến các đền khác theo thứ tự đền Thượng Ngàn, đền Cô Chín, đền các Quan Hoàng, đền Đức Ông rồi đến đền Cô Ba Đón, sau mới rước từ đền Cô Ba Đón lên thẳng đền Mẫu Liễu Hạnh để làm lễ. Chỉ riêng sự quy định rước kiệu thôi, cũng thấy tín ngưỡng bản địa quan trọng như thế nào trong đời sống tâm linh của cư dân vùng Phủ Na này. Nhưng đặc biệt là 16 người con gái khiêng kiệu bát công và 8 cô khiêng kiệu vồng đều phải mặc bộ nữ phục Mường và theo sau là một dàn công chiêng đủ bộ gồm 12 chiếc từ nhỏ đến lớn cũng do 12 cô gái mặc nữ phục Mường và một trống dăm do một người đàn ông vừa bước đi khoan thai vừa cử nhạc [17].

Từ những biểu hiện khác biệt trên, ta dễ dàng nhận ra, yếu tố tín ngưỡng dân gian Mường đọng lại trong tín ngưỡng Mẫu Phủ Na rất đậm đặc, làm cho hội Phủ Na thêm phong phú về màu sắc và đa dạng về nội dung. Nhưng quan

trọng hơn, là tín ngưỡng thờ Mẫu ở Phủ Na phản ánh trung thực một quá trình giao thoa, tiếp biến giữa tín ngưỡng dân gian Mường và tín ngưỡng thờ Mẫu, bất kỳ ở đâu, ở phương diện nào cũng thấy hiện lên sự đan xen lẫn nhau, đan xen trong phân bố vị trí thờ tự, đan xen trong kiến trúc đền phủ, đan xen trong nội dung nghi lễ, trong nghệ thuật trang trí, trang phục và cả trong âm nhạc. Sự đan xen này không hề có biểu hiện mâu thuẫn nhau, mà ta có cảm giác họ cùng chung vai sát cánh, tạo ra sự hài hòa để cả hai loại tín ngưỡng cùng song song tồn tại và phát triển. Kế thừa là quy luật vận động của văn hóa, sự hiện diện của tín ngưỡng Phủ Na hôm nay là kết quả của quy luật vận động ấy. Nói vậy là nhìn từ điểm chính, điểm cốt lõi, tất nhiên, tín ngưỡng Phủ Na không tránh khỏi có những biểu hiện khó chấp nhận hoặc phải loại trừ còn rơi rớt lại, nhưng không phải là điểm cơ bản.

Hằng năm cứ vào mùa xuân bắt đầu từ ngày mùng 1 đến ngày 16 tháng 2 âm lịch và mùng 1 đến 16 tháng tám âm lịch, hàng vạn người dân và du khách thập phương lại trở về vừa để thắp hương tưởng nhớ những người có công và cầu cho một năm mới nhiều may mắn, mùa màng tốt tươi, nhân khang vật thịnh, gia đình khỏe mạnh. Hiện nay ở Phủ Na còn tổ chức “Hội cầu lộc cầu tài”, diễn ra vào thời điểm kết thúc năm cũ, bước vào năm mới. Hội kéo dài suốt cả tháng giêng, tham gia hội gồm các vị cao niên, quan chức, nhà doanh nghiệp, trí thức, sinh viên, thanh niên, người buôn bán nhỏ ở các đô thị. Ngày xuân họ hành hương lên rừng (tức là đến Phủ Na), xuống biển (tức là về đền Độc Cước ở bãi biển Sầm Sơn), thắp nén hương cầu các đấng thần linh một năm mới hanh thông, may mắn, thành đạt. Vãn cảnh đền phủ, thăm thú núi rừng, sông biển, nhằm lập lại sự cân bằng trong tâm thức qua bao ngày bươn chải trên thương trường, trong quản lý đất nước, trong nghiên cứu khoa học, đây cũng là một nhu cầu văn hóa chính đáng. Rất có thể, từ đây sẽ hình thành một tập tục mới phủ lên tín ngưỡng Phủ Na một tầng văn hóa khác nữa, để tín ngưỡng Phủ Na càng phong phú, xích gần lại với cuộc sống đương đại.

2.1.2.2. Hệ thống di tích gắn với cuộc khởi nghĩa Bà Triệu

a). Núi Nưa và cuộc khởi nghĩa của nữ tướng Triệu Thị Trinh

Thắng cảnh ngàn Nưa, từ xa xưa đã lưu truyền nhiều địa danh gắn với cuộc khởi nghĩa Bà Triệu (248). Bà Triệu tên thật là Triệu Thị Trinh, người huyện Quân An, quận Cửu Chân (tức huyện Yên Định, Thanh Hóa ngày nay). Cha mẹ mất sớm, Bà ở với anh là Triệu Quốc Đạt, một thủ lĩnh có thế lực ở huyện Quân An thời bấy giờ. Bà Triệu là người có sức khỏe, có chí lớn và giàu mưu trí. Căm thù chính sách đồng hóa, áp bức bóc lột tàn bạo của bọn thống trị nhà Ngô, Bà đã quyết một lòng cứu nước, cứu dân khỏi ách nô lệ lầm than khổ cực. Năm 20 tuổi, Bà Triệu cùng anh tập hợp nghĩa sĩ, luyện tập võ nghệ, chuẩn bị khởi nghĩa. Có kẻ khuyên bà nên lấy chồng chứ không nên “làm loạn”, Bà khẳng khái đáp: *“Tôi chỉ muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá Kình ở biển Đông, đánh đuổi quân Ngô, giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ chứ không chịu khom lưng làm tỳ thiếp cho người”* [12, 346].

Trước sự bóc lột tàn bạo của bọn quan lại nhà Ngô, Bà Triệu đã cùng Triệu Quốc Đạt khởi binh đánh quận Cửu Chân. Trong một trận giao chiến với giặc, Triệu Quốc Đạt bị tử trận, quân sĩ đã tôn Bà lên làm chủ soái lãnh đạo nghĩa quân. Sau một thời gian chuẩn bị, Bà Triệu cùng nghĩa quân đã vượt sông Chu đến rừng núi Nưa để lập căn cứ, tập hợp lực lượng, chuẩn bị lương thảo, nhằm mở rộng địa bàn hoạt động xuống miền đồng bằng. Dưới ngọn cờ cứu nước của Bà Triệu, nhân dân khắp huyện Cửu Chân một lòng ủng hộ, nô nức tham gia nghĩa quân. Nghĩa quân dưới sự chỉ huy của Bà Triệu đã đủ mạnh để tấn công thành Tư Phố - trụ sở đầu não của chính quyền đô hộ ở Cửu Chân. Lúc này cũng là thời kỳ mà phong trào đấu tranh của nhân dân Giao Chỉ, Cửu Chân đã diễn ra hết sức sôi nổi. Tiêu biểu nhất là cuộc nổi dậy của anh em họ Lý ở Bồ Điền (Triệu Lộc - Hậu Lộc). Đó là thời cơ thuận lợi để Bà Triệu có thể giải phóng hoàn toàn Châu Giao.

Đầu năm 248, từ núi rừng Ngàn Nưa, nghĩa quân Bà Triệu tấn công thành Tư Phố và đã mau chóng giành thắng lợi trọn vẹn. Bà Triệu cùng nghĩa quân vượt sông Mã xuống vùng Bò Điền để xây dựng căn cứ địa. Về mặt quân sự, địa hình tự nhiên vùng Bò Điền có đủ yếu tố để xây dựng một căn cứ thuận lợi cho cả việc tấn công và phòng thủ. Từ đây có thể ngược sông Lèn, sông Âu ra sông Mã rút lên mạn Quân An, hoặc tới căn cứ núi Nưa lúc cần; lại có thể chủ động tấn công ra phía Bắc theo lối Thần Phù để không chế địch ở mặt này. Dựa vào địa hình hiểm yếu ở Bò Điền, Bà Triệu đã cùng anh em họ Lý chỉ huy nghĩa quân xây dựng một hệ thống đồn lũy vững chắc. Thanh thế nghĩa quân ngày càng lớn, khắp hai quận Cửu Chân, Giao Chỉ nhân dân một lòng hưởng ứng công cuộc cứu nước của Bà Triệu. Các thành ấp của giặc Ngô ở Cửu Chân lần lượt bị hạ. Bọn quan lại nhà Ngô từ Thái thú đến huyện lệnh, huyện trưởng kế tiếp nhau kẻ bị giết, kẻ chạy trốn. Từ Cửu Chân, cuộc khởi nghĩa đã nhanh chóng lan ra Giao Chỉ và vào tận Cửu Đức, Nhật Nam. Thứ sử Châu Giao bị giết, bọn quan lại đô hộ ở Châu Giao hết sức hoảng sợ trước thanh thế và sức mạnh của nghĩa quân Bà Triệu. Sử nhà Ngô thú nhận: Năm 248 “toàn thể Châu Giao đều chấn động”. Trước tình hình đó, Nhà Ngô lo sợ, phải phái viên danh tướng Lục Dận (cháu họ viên tướng Lục Tốn) làm thứ sử Châu Giao, đem thêm tám nghìn quân sang nước ta đàn áp phong trào khởi nghĩa. Lục Dận một mặt ra sức trấn áp nhân dân, mặt khác dùng thủ đoạn xảo quyệt đem của cải, tiền bạc lung lạc một số thủ lĩnh địa phương nhằm ổn định Giao Chỉ, tập trung lực lượng tấn công Cửu Chân. Ổn định được Giao Chỉ, Lục Dận đã đem toàn bộ lực lượng tấn công Cửu Chân theo hai đường thủy: một mũi từ Tạc Khẩu qua hành lang Hoàng Cương - Chính Đại - Bạch Ác ngược sông Lèn vây bức phía bắc, mũi theo đường biển vòng qua sông Sung và Vích (cửa Lạch Trường) đánh vào phía Nam. Nắm được mưu đồ của giặc, Bà Triệu cùng bộ chỉ huy nghĩa quân đã chủ động tung một lực lượng quan trọng xuôi sông Lèn rồi theo sông Đào tiến ra chặn đánh địch ở mạn Yên Mô - Ninh Bình. Suốt hai tháng ròng bị giặc Ngô vây

hãm, nhưng căn cứ địa Bồ Điền vẫn đứng vững. Tại đây, nghĩa quân đã chiến đấu hơn ba mươi trận lớn nhỏ và đều thu được thắng lợi. Quân giặc đã phải gọi Bà Triệu là Nhụy Kiều tướng quân (vị nữ tướng yêu kiều) và Lê Hải Bà Vương (Vua Bà ở vùng biển mỹ lệ), mỗi khi gặp Bà giặc Ngô đã phải khiếp sợ thốt lên: “*Hoành qua đường hổ dị Đối diện Bà Vương nan!*” (*Múa ngang ngọn dáo chống hùm dữ, Đối mặt Vua Bà thực khó ghê!*) Sau một thời gian vây hãm không thành, lại bị tiêu hao một lực lượng quan trọng và có nguy cơ thất bại, Lục Dận đã phải điều thêm binh, cử thêm tướng quyết tiêu diệt căn cứ nghĩa quân. Trong một trận chiến đấu ác liệt tại căn cứ Bồ Điền, Bà Triệu đã anh dũng hy sinh ở núi Tùng, đó là ngày 22 tháng 2 năm Mậu Thìn - 248. Tưởng nhớ ân đức lớn lao của Bà Triệu, nhân dân đã lập đền thờ Bà ở núi Gai, xây lăng mộ Bà trên núi Tùng. Hiện nay, theo điều tra ở Thanh Hóa có 5 địa phương lập đền thờ bà gồm: một đền thờ ở Nông Công, hai đền thờ ở Triệu Sơn, một đền thờ ở Yên Định và một đền thờ ở Hậu Lộc.

Các đền thờ Bà Triệu ở Thanh Hóa đều lấy ngày mất của Bà (ngày 21 tháng Hai, Âm lịch) để mở hội hằng năm. Dù đã trải qua 18 thế kỉ, song nhân dân cả nước, nhân dân xứ Thanh vẫn tự hào về Bà và cuộc khởi nghĩa “chấn động Giao Châu” ấy. Ở vùng Kẽ Nưa - Cổ Định, nhân dân vẫn còn lưu truyền bài ca:

*Ru con con ngủ cho lành
Để mẹ gánh nước rửa bành con voi
Muốn coi lên núi mà coi
Coi Bà Triệu tướng cười voi đánh công
Túi gấm cho lẫn túi hồng
Têm trâu cánh phượng cho chồng ra quân.*

Hiện nay, ở xung quanh vùng núi Nưa - Cổ Định (xã Tân Ninh, Triệu Sơn) vẫn còn lưu truyền nhiều địa điểm, địa danh và truyền thuyết liên quan tới cuộc khởi nghĩa Bà Triệu. Có thể kể tên một vài địa danh như:

Hang Các có: Tương truyền nơi Bà Triệu cất giấu kho vàng cướp được của giặc Ngô.

Trang Thu: Tương truyền là nơi tiếp nhận nghĩa quân các nơi kéo về.

Trang Đồng Bê: Tương truyền là ấp trại riêng của Bà Triệu. Vì vậy mà quân Ngô gọi Bà là Lệ Hải Bà Vương (Bà vương xứ Đồng Bê).

Làng Các (gồm Các Xôi, Các Sắn) tương truyền là khu vực hậu cần bếp núc của nghĩa quân.

Làng Vẹo: Tương truyền là nơi Bà Triệu chia khẩu phần ăn cho nghĩa quân.

Làng Chén: Tương truyền là nơi ăn uống tập trung

Ruộng Bà Chúa: Tương truyền nơi Bà Triệu cho vỡ đất hoang.

Eo Sở: Tương truyền là nơi nghĩa quân khai thác cây Sở để ép dầu làm dầu thắp.

Đồng Chàn Mướp: Nơi trồng mướp cho nghĩa quân.

Bùn Cổ Ngựa: Nơi cho ngựa của Bà Triệu uống nước và tắm.

Đồng Kỵ: Nơi nuôi ngựa chiến của nghĩa quân.

Bùn Voi Đằm: Nơi tắm cho voi của Bà Triệu.

Bùn Tù: Nơi voi một ngày bị Bà Triệu đuổi xuống bị sa lầy và được Bà chinh phục, huấn luyện thành voi chiến.

Cò Đồng Thóc: Nơi để kho thóc của nghĩa quân.

Cò Đồng Cầu: Nơi để kho gạo của nghĩa quân.

Lũy Chiến: Lũy tre gai chắn ngay trước khu căn cứ Ngàn Nưa.

Xóm ải: Nơi cửa ải vào khu nghĩa quân.

Cửa Khâu: Cửa lên núi.

Khe Ông Vạn: Tương truyền là trạm tiền tiêu do tướng quân Trương Công Vạn (Người Hậu Lộc) chốt giữ.

Bái áng: Nơi thao diễn luyện tập của nghĩa quân.

Bằng Yên Ngựa: Nơi Bà Triệu dừng ngựa để quan sát xung quanh.

Am Tiên: Nơi Bà Triệu đóng đại bản doanh.

Ao Hóp: Nơi Bà Triệu cho đào đắp để giữ nước cho nghĩa quân sinh hoạt.

Chùa Bích Vân: cung tự ở khu vực Động Am Tiên do Bà Triệu cho dựng để nghĩa quân khẩn Phật.

Đồng Chợ Bụa: Nơi Bà Triệu cho mở chợ để nhân dân quanh vùng đến trao đổi, mua bán hàng hóa.

Đồng Cẩm Cờ: Nơi cắm cờ cho nghĩa quân.

Bờ Đồn: Nơi tiền đồn của nghĩa quân.

Khe Đá Bàn: Nơi Bà Triệu và tướng lĩnh họp bàn việc đánh giặc Ngô

U Chiêng: Nơi thu quân.

Mau Bưu: Nơi giết nhiều quân Ngô

Giếng Cô Tiên: Nơi Bà Triệu tắm

Cầu Thiêu: Nơi ăn mừng chiến thắng... [9, 28 - 30]

Nhìn chung, ở vùng đất Kẻ Nưa - Cổ Định - Tân Ninh, nhìn tên làng, tên núi, tên sông, tên xứ đồng, gò, bãi, chỗ nào cũng có truyền thuyết gắn liền với cuộc khởi nghĩa Bà Triệu. Nhân dân ở đây vẫn còn truyền nhau câu “Ngô thời phá tán, cá Na tam thập dư nhân, cơ hồ tận hỷ, tồn thập bát dinh” (thời giặc Ngô phá tán, Kẻ Nưa có hơn ba ngàn người, cơ hồ mất gọn chỉ còn 18 xuất dinh). Điều này chứng tỏ, cuộc khởi nghĩa Bà Triệu thực sự gây chú ý, lôi cuốn được nhiều người tham gia ủng hộ, đặc biệt là người dân kẻ Nưa đã nhiệt tình hưởng ứng. Tuy nhiên những địa danh, truyền thuyết nêu trên, chúng ta không thể xem là tư liệu, hay sự kiện lịch sử, nhưng về mặt ý nghĩa xã hội thì tất cả những địa danh truyền thuyết đó đều có giá trị phản ánh được tinh thần và dấu ấn của thời kì lịch sử đã từng diễn ra trên đất này. Những địa danh đó, cho đến nay vẫn luôn trường tồn trong tâm tưởng người dân vùng Kẻ Nưa này như một niềm tự hào mãnh liệt ăn sâu vào trong tâm thức. Bởi vậy, đây đã trở thành vùng đất thiêng, nơi thu hút khách hành hương tới thăm viếng tưởng nhớ người nữ anh hùng dân tộc.

b). Đền Nưa

Dưới chân núi Nưa là “Na Sơn Tự”, tục gọi là Đền Nưa. Đền Nưa tọa lạc ở chân núi ngay cửa rừng Nưa - một vị trí cao, rộng và thoáng đãng, phía trước có một hệ thống ao hồ tự nhiên, tạo nên cảnh sơn thủy hữu tình và thơ mộng.

Lịch sử của đền Nưa, nhân vật thờ cùng những câu chuyện cổ tích là điểm hấp dẫn mà muôn đời sau vẫn mong muốn hành hương về chốn này. Từ xưa lắm, đã có cộng đồng thị tộc nguyên thủy đầu tiên mang tên Chạ Kẻ Nưa ở đây. Là vùng đất sông suối, khí hậu thuận hoà nên đời sống vật chất, tinh thần phong phú. Theo các đời truyền lại: Người đầu tiên được thờ ở Đền là Tiên - Thiên thánh mẫu Na Sơn Thượng ngàn. Thánh Mẫu vô vàn phép lạ, màu nhiệm đã che chở cho dân làng. Tiếp theo Đền thờ Mẫu Tam Giang (con gái thứ 3 của vua Hùng) trong một lần vi hành vào ngàn Nưa đã giúp Thánh mẫu Thượng ngàn tiêu diệt con thuồng luồng khổng lồ ở sông Mực, giữ yên bình đời sống cho dân làng. Cho đến năm 248 ứng vào vận mệnh một người con gái nổi tiếng xứ Thanh - Triệu Trinh Nương, cuộc khởi nghĩa của Bà xuất phát từ căn cứ Ngàn Nưa, đã làm quân Ngô bạt vía, xiêu hồn; sau khi bà qua đời, để tỏ lòng kính trọng đối với nữ anh hùng dân tộc kiệt xuất, nhân dân đã thờ Bà ở đền Nưa cho đến ngày nay. Ngoài ra đền còn thờ Mẫu Thoải - người hầu cận tâm phúc của Thánh mẫu Thượng ngàn; thờ bà Nguyễn Thị Liễu - tùy tướng cận vệ của Bà Triệu.

Với nhiều nhân vật huyền tích như vậy, nên Đền Nưa được người dân trong vùng tôn kính hương khói quanh năm: người cầu xin vào rừng may mắn, người làm ruộng cầu xin được mùa, người buôn bán, người đi xa ai ai cũng nhờ thần thánh phù hộ. Dân Cổ Định và vùng lân cận ở đâu cũng hướng về. Đặc biệt, vào cuối đời vua Tự Đức, Đền đã được hưng công xây dựng lại. Chuyện kể rằng Cao Bá Đạt là tri huyện Nông Cống xin thánh Mẫu (Bà Triệu) phù hộ đã bắt được một cặp hươu sao hiến vua, ông muốn trả ơn được Bà phù hộ, nên đã trình tấu sự việc về đền chúa ngàn Nưa, được triều đình cho phép trích 1.200 quan tiền công quỹ cùng dân làng dựng lại Đền gạch ngói và sau này lại xây công tam quan. Đây là một công trình văn hóa nguy nga tráng lệ, chạm khắc tinh vi. Vị nữ

thần nơi này được phong tặng là Thượng đẳng thần với duệ hiệu là: “Đệ nhất thiên tiên thánh mẫu, sơn trang thượng ngàn bạch y công chúa, Lệ Hải Đại Vương Ngọc bệ hạ”.

Tuy nhiên trong thời kì Cần Vương, vì muốn trả thù Tổng Duy Tân cùng nghĩa quân đã đánh chiếm đồn Nông Công và những nơi khác nên thực dân Pháp đã cho triệt phá, đốt cháy cả làng Cổ Định, Đền Nưa cũng bị phá hủy, thiêu rụi. Sau cuộc tàn phá này, người dân đã thu lượm và xếp tạm một bộ đá đề ngoài trời thờ cúng. Tuy đền thờ rất đơn sơ, chỉ với bát hương nhang song lại rất linh thiêng.

Trong những năm chiến tranh, vùng Cổ Định là trọng điểm đánh phá của đế quốc Mỹ. Các công trình trong Đền Nưa cũng như hòn đá đề bia đều bị phá hủy gần như hoàn toàn. Chỉ duy nhất cổng Nghinh Môn, được xây dựng từ thời Tự Đức là còn khá nguyên vẹn với bốn tầng mái bê thế. Theo lời kể lại của các vị cao niên trong làng, năm 1926, vua Bảo Đại đã đến đây văn cảnh, và vời các nghệ nhân ở Huế đến tu bổ lại toàn bộ phần mái và đầu đao nên kiến trúc của cổng này giống cổng Nghinh Môn của các lăng tẩm ở Huế: “Cổng cao 14m, rộng 13,5m, vì bị lấp đất theo mặt đường hiện tại nên chiều cao chỉ còn 12,50m. Hai cửa phụ rộng 1,7m, cao 4,2m, còn cửa chính cao 4,8m và rộng 3,2 m. Ở mặt trước và mặt sau Nghinh Môn đều được trang trí bằng những bức tranh sơn thủy theo kiểu đắp nổi, tô màu các cảnh núi, sông, đất nước, hình linh vật như rồng, phượng và hoa lá, cúc dây, hình chữ triện. Mặt trước phía dưới Nghinh Môn có hai tượng hổ chầu ở hai bên. Trên hai cửa phụ là hai bức phù điêu tả cảnh trí nhà trên núi để nói về sự tích Am Tiên trên đỉnh núi Nưa (gọi là tranh vị tiên phu trên núi). Các cửa Nghinh Môn đều được xây theo kiểu cuốn vòm. Trên tầng hai có gác treo chuông. Tầng ba, tầng bốn đều bị bịt kín để đắp tranh phù điêu” [9,57]. Hiện nay cổng nghinh môn còn lưu giữ đôi câu đối được người dân quý trọng, giữ gìn: “Na Sơn từ lĩnh trấn Na Sơn, Thần duy đức kì thịnh - Cổ Định xã nguyên tông Cổ Định, Dân trực đạo vi hành”. Có thể nói Nghinh Môn ở Đền

Nưa là một loại hình kiến trúc nghệ thuật thời Nguyễn điển hình còn lại khá nguyên vẹn.

Theo lời mô tả của các già làng cũng như căn cứ vào dấu vết mặt bằng cũ thì quy mô đền vào thời Nguyễn khá bề thế. Trước kia, đền Nưa có khuôn viên rộng hơn 3 mẫu, gồm 3 khu với 27 gian thờ. Trải nhiều biến cố, đến nay Đền Nưa chỉ còn một hậu cung và nhà tiền đường vừa được tôn tạo. Cấu trúc đền gồm 5 gian tiền đường, 3 gian hậu cung hợp thành theo kiểu chữ Đinh. Năm 1993, sau khi đền Nưa, Am Tiên được quyết định công nhận bảo vệ, tôn tạo thì chính quyền và nhân dân xã Tân Ninh đã góp công sức khôi phục lại di tích này. Xã sưu tầm được ngôi nhà cổ có niên đại từ năm Minh Mạng thứ 19 (khắc ở thượng lương, là năm 1838) để dựng lên trên nền móng nhà tiền đường cũ gồm năm gian, bít đốc; cấu trúc vì kèo làm theo kiểu kèo suốt trụ tròn. Mỗi vì kèo có 4 hàng chân cột, tất cả có 4 cột cái, 8 cột quân, 4 cột hiên. Hoa văn ở các đầu quá giang và các kẻ bẩy là các lá cúc cách điệu. Nối liền với nhà tiền đường là hậu cung dài 5,4m; rộng 4,2m [9,58].

Tuy nhiên, do sự thất lạc cũng như bị phá hủy trong chiến tranh và thời gian, ngôi đền đã không còn giữ được những vật thờ cúng bên trong. Nhờ sự vận động ủng hộ mà một số hiện vật được nhân dân tự nguyện mang trả, một số khác phải trang bị mới. Hiện nay, các hiện vật trong đền Nưa cũng khá đầy đủ, trong đó quan trọng có pho tượng Bà Triệu cổ còn sót lại được sau đợt Mỹ thả bom đánh phá vùng Cổ Định. Cũng bởi vậy, người dân cho rằng đây là linh vật rất thiêng. Pho tượng được nặn đắp bằng hỗn hợp bột đất, giấy bản, mật mía, sau khi để khô thì phết quét màu để hoàn thành. Trong phủ cũng còn lưu giữ ba pho tượng quý thuộc Tam tòa thánh mẫu (Mẫu Thượng Thiên, Mẫu Thượng Ngàn và Mẫu Thoải). Ngoài ra, các loại hạc đồng, lư hương đồng, chân nến đồng, chuông đồng nhỏ và các loại bát hương to, nhỏ, các loại mâm bồng, ống hương, lộng gỗ... được trang bị đầy đủ phục vụ việc thờ cúng, cũng như tạo sự uy nghi, trang

nghiêm cho đền Nưa. Cùng với đền Nưa, lễ hội đền Nưa cũng được tổ chức hằng năm tạo nên màu sắc tín ngưỡng dân gian đặc sắc cho vùng đất này.

Lễ hội đền Nưa là một tập truyền tín ngưỡng dân gian, kết hợp với việc “uống nước nhớ nguồn” nhớ công ơn của Bà Triệu và viên tướng Trần Khắc Chân - người có công đánh đuổi quân Chiêm Thành xâm lấn bờ cõi đời vua Trần Nghệ Tông. Lễ hội Đền Nưa bắt đầu từ 15 đến 20 tháng giêng âm lịch, thu hút thiện nam tín nữ từ mọi vùng về đây thắp hương, niệm Phật cầu Thánh. Trong lễ hội có phần lễ và phần hội. Phần lễ, nhân dân các làng dâng mâm sơn trang để tế lễ và tưởng nhớ công đức của các vị tướng, thần đã có công khai phá và gìn giữ vùng đất. Một làng tiêu biểu được chọn để dâng lễ vật chính, cỗ rước bằng kiệu bát công (8 người khiêng), trong kiệu có các loại hoa quả và bánh dày - một đặc sản của địa phương được làm bằng gạo nếp cái hoa vàng. Kiệu được tổ chức rước tại hai địa điểm, đền Trần Khát Chân và đền Nưa. Đi đầu đoàn rước kiệu là một người ăn mặc trang phục võ quan, nhanh nhẹn, mắt sáng, tướng võ quan, tay cầm kiếm lệnh đẹp đường, chỉ huy đội quân rước kiệu. Phía sau là một số nam thanh, nữ tú, cùng các cô thôn nữ đội mâm sơn trang và các lễ vật tế thần; sau là một đội quân ăn mặc chỉnh tề, tay cầm vũ khí, ô lọng và có một đội khiêng kiệu. Kiệu rước từ đền Trần Khát Chân được gọi là kiệu Ông; kiệu rước từ đền Nưa gọi là kiệu Bà. Người khiêng kiệu phải là trai, gái thanh tân. Kiệu Ông, kiệu Bà đều được rước về trung tâm sân vận động của địa phương để làm lễ tế thiên địa, thần linh và cầu cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi.

Phần hội trước đây có các trò chơi như cờ người, đua thuyền, hát ví, chọi gà... Ngày nay, phần hội còn tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao như bóng đá, cầu lông, bóng bàn, cờ tướng, chọi gà... Nếu ai đến vào đúng dịp chính hội sẽ được xem các cô đồng lên giá: bà Chúa thượng ngàn, cô Cả thoải cung, ông Hoàng, cô Chín, cô Ba, quan Hồ..., trong không gian ấy, cùng với mùi huệ trắng, hương trầm tạo thành một không gian linh thiêng huyền ảo. Lễ hội hằng

năm được khai mạc rất trọng thể và trang nghiêm tại đền thờ Trần Khát Chân và kết thúc tại đền Nưa.

Ngoài lễ cầu ở Đền Nưa, du khách còn có thể đến dâng hương ở Am tiên tự, ở Đền Thánh mẫu và ở Huyệt đạo thiêng nước Nam. Lễ hội ở Khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh Núi Nưa có thể kéo dài đến hết tháng 3 Âm lịch, tuy nhiên du khách vẫn đến đây lễ bái và ngắm cảnh quanh năm.

c). Chùa Am Tiên - Đền Bà Triệu - Huyệt đạo thiêng nước Nam

Nói đến Am Tiên - Ngàn Nưa có rất nhiều chuyện kể và giai thoại, nhưng dân vùng Cỏ Định ai cũng biết đình Am Tiên là nơi rất thiêng và thường lưu truyền một câu chuyện cổ. Chuyện kể rằng: Ngày xưa tiều phu ở Cỏ Định vẫn ngày ngày đi đốn gỗ về bán làm cột nhà, Ngàn Nưa trở thành nơi cung cấp gỗ làm nhà cho cả một vùng đồng bằng. Một hôm, người trưởng tràng đầu nhóm nói ông phải đi tìm chọn một cây gỗ Lim về làm cột đình làng. Ông leo lên đỉnh núi cao nhất của Ngàn Nưa... nhưng đến chiều tối dân làng vẫn không thấy ông trở về. Dân làng đốt đuốc đi tìm, nhưng vẫn không thấy chút dấu vết nào. Một ngày, rồi hai ngày..., cả tháng không thấy ông về, dân làng nghĩ rằng ông đã bị thú dữ ăn thịt. Gia đình đành lấy ngày ông đi lên núi làm ngày giỗ... Nhưng một ngày kia, người tiều phu bất chợt trở về làng. Dân làng thấy một tiều phu vạm vỡ, nhưng chẳng ai biết tên ông. Ông về chính ngôi nhà của mình, không thấy vợ con đâu mà chỉ thấy toàn người lạ. Ông hỏi người trong nhà về người thân, xưng tên, thì mọi người đều tròn mắt, nhớ ra người có cái tên ấy là một người trong dòng họ đã chết từ lâu và vẫn được người trong gia đình nhang khói thờ cúng. Sau một hồi trò chuyện, người tiều phu và người nhà đều nhận ra nhau, chỉ có điều ai cũng ngạc nhiên rằng những người cháu gọi ông là ông nội nay cũng đã râu tóc bạc phơ, còn ông, vẫn ở cái tuổi trung niên. Ông kể rằng khi lên núi đi tìm gỗ Lim về làm cột Cái đình làng, tìm mãi chưa thấy, vừa mệt, vừa thất vọng thì ông nhìn thấy ở trên mỏm đá bằng ở trên đỉnh núi có hai ông lão đang ngồi đánh cờ. Cờ ông cũng biết và ham mê, nên ông đứng chống rìu xem hai

ông lão toạ đầu. Cả chủ và khách mãi mê trong trận cờ, mặt trời xuống núi lúc nào không hay, mà ván cờ vẫn chưa phân thắng bại. Ông định ra về, nhưng trời tối mau, thú dữ nhiều nên hai ông lão khuyên ông ở lại. Hai ông lão không ăn cơm, mà chia cho ông ăn hoa quả và uống nước trong hồ lô. Ông nhớ, cuộc đấu diễn ra đúng 3 ngày 3 đêm mới phân thắng bại. Xong trận cờ là ông xuống núi về ngay, chỉ có điều ông thắc mắc là sao lúc ông xuống núi nhanh thế, loáng cái đã không thấy hai ông lão đâu, chỉ thấy hai con Hạc bay lên, ông cũng chưa kịp hỏi tên, quê ở làng nào...

Câu chuyện của ông được lưu truyền, mỗi người giải thích mỗi cách. Người ta bảo người tiều phu đã gặp các tiên ông, được ăn đào tiên, uống nước giếng tiên, nên ông trẻ mãi; rằng 3 ngày trên “cõi tiên” thì đã là một trăm năm ở hạ giới... Các hương lão trong làng Cổ Định, sau khi nghe chuyện của ông tin rằng ông đã gặp Tiên nên đã chung sức xây chùa, lập miếu thờ cúng phật, thánh thần, và tiên tổ, từ đó nơi đây có tên gọi là Am Tiên tự [20].

Và động Am Tiên chính là nơi mà vị ẩn sĩ thời Trần Hồ đã cư trú. Đây cũng là nơi nằm ở vùng cao nhất ngọn núi, bởi vậy đỉnh núi Nưa còn được dân gian gọi là đỉnh Am Tiên. Vào thời điểm cuối thời Trần (thế kỉ XIV), đạo tu tiên (Đạo giáo) đã du nhập đến và từ đó lan rộng khắp quanh vùng núi Nưa. Cho đến nay, những câu chuyện truyền thuyết về ông Tu Nưa vẫn còn được lan truyền một cách phổ biến ở vùng Kẻ Nưa - Cổ Định. Điều đó chứng tỏ, đạo tu tiên trên đỉnh Am Tiên là một loại hình tín ngưỡng đã từng phát triển và tồn tại khá dài ở vùng đất này. Đỉnh núi Nưa là một khu đất khá bằng phẳng, có diện tích hàng mẫu, giống nhý một bình nguyên. Nơi đây cỏ cây tươi tốt quanh năm. Từ trên đỉnh cao nhìn xuống, bên triền tây là núi rừng hùng vĩ, bên phía đông là làng xóm ruộng đồng trù phú. Đây là khu thắng cảnh hết sức độc đáo, đầy nét quyến rũ như một chốn bồng lai, tiên cảnh. Trên khu vực này, ngoài Am ra còn có hệ thống Chùa, Miếu và các địa danh liên quan được sách vở ghi chép như giếng Tiên, Ao Tiên, Bàn cờ tiên..., tất cả tạo nên một không gian linh thiêng trầm

mặc. Chính sự hòa hợp của Đạo giáo, Phật giáo, Đạo Mẫu trên đỉnh Am Tiên tạo nên một nét đặc trưng điển hình. Trước năm 1945, ở chỗ Am - Đền - Miếu thờ trên đỉnh núi Nưa, người ta còn thấy hiện tượng Đạo tu tiên của Đạo giáo bị biến tướng thành Đạo phù thủy với sự xuất hiện của các “Phụ đồng Tiên Nưa” là những người hành nghề đạo cốt, vừa đọc thần chú vừa làm phép và cho chữ mang nội dung thần bí để báo hiệu về số mệnh con người...

Hiện nay khu vực thiêng Am Tiên bao gồm Chùa - Miếu - Đền, huyết đạo thiêng đã trở thành nơi linh thiêng để cho người dân tới cầu an, khương, phúc lộc, thọ.

Trước hết là ngôi chùa cổ được xây dựng trên núi, cũng không xác định rõ niên đại, thời gian đích xác, là chùa Bích Vân mà dân gian vẫn gọi là Chùa Am Tiên. Tương truyền, khi lập căn cứ trên đỉnh núi Nưa, Bà Triệu cho xây dựng Bích Vân cung tự nhằm bố cáo với muôn dân: cuộc khởi nghĩa này có sự trợ giúp của trời đất. Khi đàn áp được khởi nghĩa của Bà Triệu, bọn xâm lược đã tàn sát dân Cổ Na và tất nhiên cả những gì có liên quan đến Bà Triệu đều bị phá hủy. Không ai biết đích xác ngôi chùa được xây dựng lại bao giờ nhưng vào cuối thời nhà Nguyễn, chùa Am Tiên vẫn còn đó. Một ngôi chùa 3 gian khiêm tốn, xây bằng đá, lợp tranh cỏ, nằm giữa một khung cảnh thực thực, hư hư, nép mình dưới những cây đa cổ thụ. Ông từ coi chùa cuối cùng trước Cách mạng tháng Tám - 1945 là cụ Hương Nhã, người họ Trần, (thân sinh ra ông Trần Huy Nhượng, người bí thư chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên của xã Tân Ninh).

Sau Cách mạng tháng Tám - 1945, cụ Hương Nhã qua đời, chùa lại bị bỏ hoang, dột nát. Khoảng năm 1950, có ông Hoàng Văn Chí (Tú Chí) đã đem gia đình về ở trên Am Tiên. Ông nuôi bò sữa, mở xưởng nhỏ nấu cồn, trồng cây. Đến năm 1955, ông về quê ở Thiệu Hóa, từ đó chùa Am Tiên lại bị bỏ hoang.

Đầu những năm 80-90 của thế kỷ 20 bà con phật tử trong xã đã khôi phục, xây lại chùa mới, trồng cây xung quanh chùa. Ngoài Chùa Am Tiên, trên đỉnh núi Nưa còn có ngôi đền Bà Triệu mới được xây dựng. Đền chỉ có một gian thờ Bà Triệu, nhỏ nhắn giản đơn, công trình tuy không hoành tráng, song thanh tịnh

và linh thiêng. Hàng năm, cứ mỗi dịp tết đến xuân về, khách hành hương lại về đây thắp nén nhang tưởng nhớ Bà và cầu xin sự may mắn, phát đạt.

Ở khu vực Am Tiên, nhân dân đã thu lượm được nhiều hiện vật bằng đá, gạch thời Lê và thời Nguyễn (trong đó có cả khánh đá, chân tảng đá, chân đế cấm tàn lộng và nhiều viên gạch vồ to hình chữ nhật...). Đó chính là di vật chứng minh, khu vực Am Tiên xưa đã có những kiến trúc cổ để thờ thần, phật.

Không chỉ vậy, gần Am Tiên còn có huyệt đạo linh khí quốc gia. Huyệt ở vị trí cao 538m so với mực nước biển và cũng chính là đỉnh cao nhất của ngọn núi Nưa. Khu vực huyệt thiêng là cả khoảng đất rộng hơn 100 mét vuông được rào chắn kỹ lưỡng, bốn mùa mây la đà bao phủ. Ngày trời quang mây tạnh, từ đây có thể trông thấy làng mạc trù phú, những cánh buồm thông dong ngoài biển đông, đưa tay lên tưởng như chạm vào bông bành mây. Ngay lối vào là phiến đá trắng có khắc dòng chữ “Cầu cho quốc thái dân an”. Theo sử sách để lại, đây chính là 1 trong những huyệt đạo quan trọng nhất của nước Nam, mà tướng Cao Biền không thể trấn yểm nổi. Theo ông Lê Bất Thắng, một trong những người trông coi Am Tiên giới thiệu thì đất nước ta có 3 huyệt đạo thiêng: một là ở núi Đá Chông (Ba Vì, Hà Nội), hai là ở núi Bà Đen (Tây Ninh) và ba chính là đỉnh Am Tiên. Đây được xem là nơi năng lượng vũ trụ của trời và đất giao hòa. Ngay tại nơi này ta có thể cảm nhận được sự chuyển động của vũ trụ. Khi đứng vào giữa huyệt đạo, thả lỏng cơ thể, mắt nhắm lại, tập trung mọi suy nghĩ lên đôi mắt, sẽ có những trải nghiệm và cảm nhận được một hiện tượng kỳ lạ. Khoảng 2 - 3 phút sau, từ màu tối, dần dần sẽ cảm nhận mắt chuyển thành màu đỏ, rồi chuyển sang màu da cam, cuối cùng là màu trắng xanh và đợi một chút sẽ thấy trong màu trắng xanh có lẫn các hạt bụi. Đó chính là các hạt bụi đang chuyển động trong vũ trụ này. Trong một khoảnh khắc đó, cảm giác như đang được bay bổng giữa trời đất bao la, hòa cùng với những chuyển động của vũ trụ, thư thái và nhẹ nhõm đến kỳ lạ [23]. Tuy Am Tiên hiện vẫn còn trong trạng thái tự nhiên, thậm chí chưa có một con đường tốt đảm bảo cho khách du lịch lên đỉnh núi,

nhưng hàng năm vẫn thu hút hàng vạn người nô nức về đây hành lễ. Hơn ba tháng mùa xuân và đầu tiết mùa hè, Am Tiên vẫn mịt mờ trong hơi sương cho đến quá giờ Ngọ, nhiệt độ dao động khoảng từ 20⁰ - 28⁰, mùa hè nhiệt độ cao nhất trên Am Tiên cũng chỉ đạt đến 32⁰. Mọi người đều cảm nhận được sự kỳ diệu, sự sung mãn, thư thái và minh triết hơn khi ngồi trên huyệt đạo tĩnh tâm và điều vận khí công. Có lý thuyết cho rằng núi Nưa nằm trên một vùng mỏ crom, trữ lượng lớn của mỏ kim loại đã tạo ra một từ trường và liên thông với trục chính là cột đá nổi lên đỉnh núi. Điều này cắt nghĩa về những sự kỳ ảo, màu nhiệm khi luyện công trên huyệt đạo Am Tiên. Tất cả những điều này cùng tạo nên sự linh thiêng của khu vực Am Tiên, nơi được nhắc đến như là trung tâm của sự tu tiên, đắc đạo. Đây cũng chính là đại bản doanh, sở chỉ huy, căn cứ đầu não, nơi đóng quân của nghĩa quân Bà Triệu mà sử sách thường nhắc đến.

d) Giếng Tiên - Động Đào

Theo người dân kể lại, di tích lịch sử Am Tiên gắn với cuộc khởi nghĩa Bà Triệu chống quân Ngô vào năm 248. Xung quanh vùng núi Nưa vẫn còn lưu truyền nhiều địa danh gắn liền với căn cứ kháng chiến của Bà Triệu như: Gò đồng thóc (nơi để kho lúa của nghĩa quân), Đồng Kỵ (nơi nuôi ngựa chiến của nghĩa quân). Đỉnh Am Tiên còn có mạch nước ngầm trong vắt tự nhiên. Truyền thuyết kể rằng các tiên nữ xưa kia thường xuống đây hái đào và tắm nước giếng, vì thế mới gọi là giếng Tiên.

Không ai biết, không ai xác định được giếng này có từ khi nào. Dân gian vẫn tương truyền từ khi vũ trụ sinh ra giếng đã có rồi. Sự chuyển động của vũ trụ đã tạo ra vết nứt trên đá và dần dần vết nứt rộng ra tạo thành giếng. “Giếng sâu khoảng 3m, miệng rộng 2,5m phần lộ thiên của giếng được xếp bởi 3 lượt đá, mỗi lượt đá cao 20cm. Mỗi lượt đá chạy quanh miệng giếng bằng 16 viên đá hình khối, mùa khô nước chỉ sâu khoảng 1m. Nước giếng từ trong núi chảy ra cùng với hơi nước từ mây trời ngưng tụ và thấm thấu qua rừng cây, vách đá, cung cấp nước cho giếng, vì thế mà nước giếng luôn được duy trì và tinh khiết,

người ta gọi nguồn nước chảy vào giếng là Long mạch”[14]. Lòng giếng rất cạn, từ trên nhìn xuống đã thấy ngay, nhưng lạ kỳ thay nước giếng không bao giờ vơi dù cho hạn hán kéo dài và không bao giờ đầy dẫu trời mưa to. Tương truyền, đây là giếng chỉ dành riêng cho Bà Triệu lấy nước rửa mặt mỗi khi xuất trận. Hằng ngày khách lên đây tham quan đều mang can lấy nước về thờ cúng Tổ tiên hoặc dùng rửa mặt với quan niệm rửa sạch tội lỗi, trừ bệnh tật thì thấy thoải mái, thanh tịnh tâm hồn. Các sư thầy vùng lân cận thường tới đây xin về làm nước cam lồ dùng trong các dịp lễ tế.

Cùng với giếng Tiên, tương truyền khi xưa trên vùng đất này bạt ngàn đào, người dân còn gọi đó là Động đào. Tới giờ nơi đây vẫn còn hơn 1.000 gốc. Cứ đến dịp tết đến xuân về, đặc biệt vào đúng dịp lễ hội, hoa đào lại đua nhau khoe sắc, tạo nên khung cảnh tuyệt vời như chốn bồng lai tiên cảnh. Đào mọc ở hai bên lối đi dẫn lên động Am Tiên. Con đường được phủ kín một màu hồng đào của những cành đào phai nở rộ sau Tết, những cánh đào hồng tươi rớt xuống tựa như tấm thảm nhung đẹp đến say lòng người.

Ngoài ra, còn nhiều di tích danh thắng khác như Bàn cờ Tiên (Bàn cờ bằng đá, tương truyền là nơi hai tiên ông ngồi đánh cờ), Vườn Thuộc Tiên mà sử sách và truyền thuyết đã nhắc đến như một chốn tu tiên đắc đạo. Tất cả danh thắng trên đã tạo nên cảnh trí nên thơ, quyến rũ cho khu di tích.

2.1.3. Giá trị của Khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh Núi Nưa

Có thể nói Khu di tích thắng cảnh núi Nưa (gồm núi Nưa, đền Nưa, và khu di tích Am Tiên) xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa là quần thể di tích có giá trị trên nhiều phương diện.

*Về mặt lịch sử: Quần thể khu di tích bao gồm Núi Nưa - Đền Nưa - Am Tiên với tổng diện tích 100 ha, riêng khu vực đền Am Tiên rộng 4 ha. Am Tiên - núi Nưa gắn liền với cuộc khởi nghĩa năm 248 của Bà Triệu chống giặc Ngô xâm lược, do đó khu vực Am Tiên còn có tên gọi khác là Kinh Triệu Quận (tức là Kinh đô của Bà Triệu). Xung quanh vùng núi Nưa vẫn còn lưu truyền nhiều địa điểm,

địa danh gắn liền với căn cứ kháng chiến của Bà như: gò đồng thóc (nơi để kho lúa của nghĩa quân), đồng ky (nơi nuôi ngựa chiến của nghĩa quân)...

Đỉnh núi Nưa - nơi có động Am Tiên là một khu đất rộng và khá bằng phẳng. Tuy ở độ cao 585m nhưng ở đây vẫn có mạch nước ngầm chảy ra trong vát và không bao giờ cạn, đã tạo thành một giếng nước tự nhiên rất đặc biệt, được dân gian gọi tên là giếng Tiên, tương truyền là giếng dành riêng để Bà Triệu lấy nước rửa mặt mỗi khi xung trận. Phía dưới vài trăm mét có một hồ nước rộng gọi là Ao Hóp, xung quanh là những bụi lau trắng, tương truyền là nơi cung cấp nước sinh hoạt cho nghĩa quân Bà Triệu. Mặc dù diện mạo vùng đất này không còn đáng vẻ, hình hài giống Ngàn Nưa cách đây hơn 1700 năm nhưng với sự tồn tại của núi Nưa cùng với những địa danh làng xóm, ruộng đồng gò bãi, khe suối, rừng cây và các địa điểm liên quan khác vẫn giúp chúng ta hình dung một cách sống động về những ngày Bà Triệu “cưỡi voi đánh cồng”, và cùng nghĩa quân luyện chí mài gươm để rời từ đây tràn xuống tấn công thành Tư phủ, Nhật Nam làm “toàn Châu Giao chấn động”. Có thể nói, đây là nơi lưu giữ cũng như phản ánh tinh thần và dấu ấn của thời kì lịch sử đấu tranh chống giặc ngoại xâm kiên cường. Những truyền thuyết xung quanh cuộc đời cũng như cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu vẫn còn mãi lưu truyền, làm cho biết bao lớp người hậu thế đất này thêm tự hào và yêu mến mãi mãi. Tất cả những điều đó tạo nên những giá trị to lớn về mặt lịch sử của người dân Triệu Sơn, Thanh Hóa nói riêng và dân tộc Việt Nam nói chung. Hiện nay, khách hành hương xa gần trong tỉnh, trong nước đổ về vùng đất đậm chất màu lịch sử và huyền thoại này ngày một đông, đã góp phần phát huy giá trị lịch sử, truyền thống của dân tộc.

*Về mặt giá trị văn hóa: Như đã nhắc đến về câu chuyện vị đạo sĩ thời Trần - Hồ đã từng ở ẩn nơi này tu tiên, nơi đây còn lưu lại những công trình kiến trúc và những địa danh liên quan tới truyền thuyết ấy, tiêu biểu như: Đền Tu Nưa, Động Am Tiên, Bàn cờ tiên, Vườn đào tiên. Ở nơi nên thơ và quyên rũ này còn có ngôi chùa cổ gọi là chùa Am Tiên, đền chúa Thượng Ngàn (Bà Triệu hóa

thân theo cách nghĩ của dân gian). Ngoài ra ở đây còn có cả một khu vực thờ lộ thiên để thờ cúng thần núi Tản Viên Sơn Thánh. Địa danh Am Tiên trên đỉnh núi Nưa chính là một địa điểm mà đạo Lão đã xuất hiện, và sau đó đến đạo Phật và đạo Mẫu. Khu vực này là nơi tổng hòa các loại tôn giáo tín ngưỡng, tạo nên quần thể Đền - Chùa - Miếu linh thiêng và màu sắc văn hóa độc đáo. Theo dấu tích của nền móng cũ, trong gần 20 năm qua, nhân dân địa phương đã tự nguyện đóng góp tiền của, công sức dựng lại chùa Am Tiên, đền Bà Chúa, đền Tu Nưa để thờ phụng. Ở khu vực Am Tiên, nhân dân còn thu gom được nhiều hiện vật có giá trị minh chứng về sự tồn tại lâu đời của các loại hình kiến trúc, tín ngưỡng tôn giáo Phật - Đạo - Mẫu trên đỉnh núi cao nhất Ngàn Nưa này. Và cũng chính vì vậy mà khu vực Am Tiên trên đỉnh núi Nưa không chỉ là nơi luyện chí mài gươm của nghĩa quân Bà Triệu mà còn là vùng huyệt đạo linh thiêng. Theo tín ngưỡng dân gian huyệt đạo trên đỉnh núi này là huyệt khí thiêng. Ngày chín tháng Giêng hàng năm là ngày mở cửa trời. Người dân hành hương về đây cầu cho quốc thái dân an, nhà nhà hạnh phúc, người người khỏe mạnh, tài năng tiến tới, công thành danh toại. Để tri ân tiên nhân, du khách tới đây đều không quên vào dãy điện thờ Bà Chúa Thượng Ngàn, vua Bà, đền thờ ông Tu Nưa thắp nén hương tỏ lòng thành kính. Đây là một điển hình về sự đan xen của các loại hình tôn giáo tín ngưỡng tại một khu vực cảnh trí đẹp để nên thơ như vậy. Bản thân núi Nưa đã là một quần thể thắng cảnh nổi tiếng mà vốn dĩ từ xưa đã từng là nơi thăm viếng, hẹn hò của nhiều danh sĩ và tao nhân mặc khách. Vì vậy, mà nơi đây còn lưu giữ nhiều bài thơ văn ca ngợi núi Nưa trong các thế kỉ trước. Giờ đây, ngàn Nưa với Am Tiên vẫn là nguồn cảm hứng sáng tác cho nhiều nhà văn nhà thơ thời hiện đại.

Hiện nay, cứ mỗi độ xuân đến, hè về, vùng đất này lại sôi động hẳn lên bởi những dòng người hành hương ở nơi khác đến để ngắm cảnh, thắp nén hương nhang cầu xin an lành. Vùng đất Kẻ Nưa còn là quê hương của kho tàng văn học dân gian phong phú với nhiều truyền thuyết về ông Nưa, vị thần không lồ tạo

nên sông nên suối, về Bà Triệu và các loại hình múa hát dân gian độc đáo...Nơi đây còn có cả di chỉ văn hóa thời Đông Sơn muộn mà nhân dân đã phát hiện ra trống đồng, rìu đồng và thanh kiếm hình người phụ nữ lớn nhất Việt Nam. Thanh kiếm dài 50cm, phần cán dài 18,2cm được tạo thành hình một pho tượng phụ nữ có trang phục theo lối tả thực của người Việt cổ. Đầu tượng đội vương miện cao kiểu thông thiên quan bao quanh, búi tóc ngược lên kèm dải hoa văn trang trí hình bông lúa. Khuôn mặt trái xoan, hai mắt mở to toát lên vẻ thông minh, tự tin, đôn hậu được biểu hiện bằng 2 vòng tròn đồng tâm có điểm đồng tử ở chính tâm. Sống mũi nổi, miệng thon, nhỏ, xinh, duyên dáng. Đặc biệt tai to, đeo vòng lớn. Quan niệm về đẹp tai to biểu tượng cho sự quyền quý như Đức Phật và các Bồ Tát tôn kính. Dải tai có đeo khuyên (các kiểu khuyên tai này khảo cổ đã tìm được trong nhiều làng cổ thuộc văn hóa Phùng Nguyên, Đông Đậu (cách đây 3000 - 4000 năm), có những khuyên tai bằng đá ngọc nặng tới 500g. Trang phục của phụ nữ núi Nưa mặc áo chèn mở để lộ phần trang trí của áo trong có trang trí hoa văn, phần cổ tỏa ra hai bên vạt áo và chạy theo mép tà áo. Chiếc thắt lưng lớn trang trí những đường chấm tròn hoặc hình kỉ hà chữ V đuổi nhau càng tạo cho eo bụng nhân vật nhỏ hơn. Trang phục xiêm và đệm xiêm váy được trang trí bằng những hình học. Các vòng tròn được nhắc đi nhắc lại theo nguyên tắc của vải hoa. Mép gấu xiêm có viền to trang trí cả phía trước và phía sau, bao lấy hông, tỏa dài xuống tới phần viền trên của mép gấu xiêm, được trang trí bằng những dải chấm tròn, dưới cùng nở ra và có các đường trang trí sổ dọc. Những lối dùng trang phục của tượng người trên cán các dao găm, đoản kiếm có tới vài chục tượng. Có nhiều trang phục điển hình. Tượng thể hiện theo phong cách Núi Nưa (Thanh Hóa) với kiểu tóc hất bông cao có thắt eo ở giữa. Mặt hình trám bầu, cằm nhọn. Mắt kiểu vành tròn đồng tâm có lông mày chấm rải, mũi vượt nhô. Trên phần cổ và ngực có những vòng chuỗi nhiều tầng. Phía sau lưng gáy là một hốc lõm hình thang có hai vòng bán khuyên, vừa như thể hiện búi tóc, vừa dùng làm chỗ có thể đeo nhạc chuông [27].

Như vậy, vùng đất này từng là cái nôi chứa đựng những giá trị văn hóa lâu đời cần được giữ gìn, bảo tồn và phát huy, để có thể trở thành một điểm du lịch phát triển tương xứng với tầm giá trị.

*Về mặt giá trị tâm linh: Trước hết, khu di tích Núi Nưa, là di tích lịch sử, từng là căn cứ khởi nghĩa của Bà Triệu. Mặc dù đã trôi qua gần hai ngàn năm song những truyền thuyết và các địa danh xưa cũ vẫn còn được nhắc đến và lưu truyền. Không chỉ vậy, đây còn là địa điểm tu tiên đắc đạo, dấu tích của một thời kỳ phát triển của Đạo giáo dưới thời Trần - Hồ. Và cũng từ đó trở đi, khu vực Am Tiên của vị ẩn sĩ thời Hồ đã trở thành khu vực thiêng. Từ thời Lê tới thời Nguyễn, đây trở thành một khu vực, nơi tập trung hệ thống các đền, chùa, miếu linh thiêng gắn với vị nữ tướng oai hùng Bà Triệu cũng như vị ẩn sĩ thời Trần Hồ mà tiêu biểu là ngôi đền Nưa linh thiêng dưới chân núi và đền Mẫu trên đỉnh Am Tiên, đền Tu Nưa, hằng năm thu hút hàng vạn khách hành hương tới dâng hương cầu khẩn xin bình an, may mắn trong thi cử, làm ăn.

Bên cạnh đó, đỉnh Am Tiên (đỉnh núi Nưa) còn là nơi tương truyền có huyệt đạo thiêng. Cửa vào khu huyệt khí theo hướng Tây Nam. Phương vị của Huyệt khí được định vị theo các trụ cây hương, hành lễ theo hướng Đông - Tây-Bắc - Nam. Có thể nói nơi đây là nơi tế lễ giữ gìn nguyên khí Quốc gia, vì trong khu vườn đền Am Tiên có rất nhiều cây lưu niệm do các chính khách từ Trung ương đến địa phương đã tới đây trồng lưu niệm. Ngày nay, các đoàn du khách lên thăm núi Nưa, không thể không đến thăm huyệt đạo, cảm nhận sự giao hòa, chuyển động của các hạt vật chất trong vũ trụ, giữ cho tâm hồn thanh tịnh thư thái, cầu cho quốc thái dân an.

Vào các dịp tết, lễ hội đầu xuân, khu di tích đã thu hút hàng ngàn lượt du khách về dâng hương, cầu khẩn. Có thể nói, đây là một vùng đất thiêng, không gian thiêng, tạo nên sức mạnh tinh thần, cổ vũ và tiếp sức cho du khách trong hành trình vượt dốc quanh co để đến với đỉnh Am Tiên cao vút.

2.2. Thực trạng khai thác hiện nay

2.2.1. Thực trạng khai thác tại khu di tích Phủ Na

2.2.1.1. Thực trạng tài nguyên và công tác quản lý

Khu di tích phủ Na, là điểm đến nổi tiếng và quen thuộc của du lịch xứ Thanh. Hiện nay, dự án quy hoạch đã hoàn thiện xong, tạo nên không gian khoáng đãng. Trong khu vực di tích Phủ Na, ngoài các công trình như Đền, phủ còn có khu phụ trợ tách biệt bán các mặt hàng thờ cúng, đồ lưu niệm trước cổng vào khu di tích. Tuy nhiên, mới chỉ là các gian hàng do người dân tự động quây dựng thành. Một điểm tích cực đó là, đã có con đường dẫn lên khu di tích được làm bằng bê tông tạo điều kiện thuận tiện cho nhân dân tản bộ lên núi. Ở khu vực suối Tiên, một cây cầu được xây bắc qua, vừa tạo cảnh đẹp vừa để khách du lịch đi lại thuận lợi hơn. Hệ thống điện nước nhìn chung cũng đã phục vụ được cho hoạt động quản lý cũng như hoạt động du lịch tại khu di tích. Như vậy, hệ thống cơ sở của khu di tích cũng khá hoàn thiện song cần phải nâng cấp và đầu tư hơn nữa các công trình công cộng và nhà nghỉ cho khách phục vụ khách ở xa có nhu cầu nghỉ lại.

Khu di tích Phủ Na có phạm vi quy hoạch với tổng diện tích 70 ha, gồm khu quần thể di tích và danh thắng Phủ Na, khu dịch vụ, khu dân cư. Mỗi khu chức năng đều có quy định cụ thể về kiến trúc, cảnh quan; trùng tu tôn tạo; hạ tầng kỹ thuật; vệ sinh môi trường; quản lý xây dựng... Đây là cơ sở pháp lý để quản lý, thực hiện tốt quy hoạch nhằm khai thác, bảo vệ di tích danh thắng theo Luật Di sản văn hóa phục vụ nhu cầu của các tầng lớp nhân dân. Huyện đã chú trọng việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của địa phương như các lễ hội, trò diễn dân gian; quan tâm bảo vệ, trùng tu, tôn tạo và phát huy di tích lịch sử văn hóa đền phủ Na. Hiện nay, tại khu di tích đã thành lập Ban quản lý di tích, xây dựng các nội quy quy định tại các điểm di tích. Các công trình đều được tu bổ tôn tạo hoàn thiện theo tham vấn của các chuyên viên phụ trách. Di tích được địa phương tôn tạo từ trước tết nguyên đán, vì vậy không gian trở nên thoáng đãng và tiện lợi cho nhân dân tản bộ lên núi.

2.2.1.2. Thực trạng trong khai thác du lịch

Tọa lạc trên đỉnh ngàn Nưa, Di tích Lịch sử văn hóa đền Phủ Na, là nơi có cảnh sắc tươi đẹp với gió núi, mây ngàn, suối reo, thác đổ, rừng đại ngàn âm u với bao huyền tích lung linh, kỳ ảo. Vào đầu xuân mới hằng năm, bắt đầu từ mùng 1 đến 16-2 (âm lịch) và từ mùng 1 đến 16-8 (âm lịch), du khách tìm về đây dâng hương tưởng nhớ các vị tiên nhân có công chống giặc ngoại xâm và đề cầu may, cầu an, cầu cho mùa màng tốt tươi, nhân khang, vật thịnh, gia đình khỏe mạnh. Mỗi năm Phủ Na đón từ 20.000 đến 30.000 lượt khách đến tham quan, văn cảnh. Ngoài các nghi thức cúng tế mang đặc điểm tín ngưỡng thờ Mẫu được thể hiện đậm nét, còn có các hoạt động văn hóa văn nghệ, trò chơi trò diễn dân gian cũng được địa phương tổ chức góp phần làm sinh động cho lễ hội khiến đây trở thành nét sinh hoạt văn hóa tâm linh đặc sắc của nhân dân xứ Thanh mỗi độ Tết đến, Xuân về...

Không chỉ linh thiêng trong tín ngưỡng mà ở Phủ Na, còn có phong cảnh sơn thủy hữu tình. Na Sơn là đỉnh cao nhất trong dãy núi Nưa. Từ trên đỉnh núi cao ấy, có một mạch nước ngầm trào tuôn trong vắt, mát rượi chảy xuống núi từ phía sau đền Thượng. Các cụ từ thường lấy nước ấy làm cơm, đồ xôi, pha trà trong việc cúng thần. Trữ lượng của mạch nước này rất lớn, nước từ vũng ao đền Thượng ngàn công chúa chảy xuôi tới đền Mẫu (đền Trung) ở phía phải, qua đền Quan Hoàng về phía trái, tới trước đền Hạ rồi vòng tới phía hữu đền Cô Ba Đón tạo thành khe sâu. Theo lời kể của các cụ cao niên trong vùng thì đây là khe suối chưa bao giờ voi cạn. Nếu một lần được tắm, rửa từ nguồn nước tại khe suối, con người như được gột rửa bụi trần và khoác lên mình vạn điều may mắn trong cuộc sống. Du khách đến dâng hương và thường ngoạn cảnh chùa thường lấy nước về nhà xem đây là nước lộc. Cùng với hệ thống núi non, hệ thống đền, miếu ở đây đã quy tụ ở một vùng thung lũng, tạo nên một quần thể di tích độc đáo mang tính nguyên sơ.

Từ đây, du khách còn có thể ngắm cảnh đền Bạch Y công chúa (xã Phú Nhuận), đền Khe Rồng (đền Đức Ông, thị trấn Bến Sung), đền Phủ Sung (đền Mẫu) (xã Hải Vân), Lò cao kháng chiến Hải Vân, khu du lịch ngành nghề truyền thống ở làng Quảng, làng Mỏ, xã Xuân Thái và thưởng thức các trò diễn dân gian, dân ca dân vũ ở làng Vĩnh Lợi (xã Hải Long), làng Rooc Dăm (xã Xuân Phúc)... Các khu du lịch này đang được tỉnh và huyện quan tâm đầu tư phát triển để liên kết với khu di tích Phủ Na.

Bắt đầu từ xuân 2013, hoạt động du lịch tại khu di tích Phủ Na có nhiều khởi sắc. Ngoài niềm vui được tản bộ lên núi trên con đường bê tông bằng phẳng, được tự do xin nước thánh và thoải mái cầu nguyện trong không gian rộng rãi của khu di tích mới được tôn tạo, du khách còn không phải mua vé vào cửa như mọi năm. Đây thực sự là một thay đổi lớn lao, khiến lượng khách về với lễ hội đã đông nay lại càng đông. Không chỉ có vậy, Ban quản lý khu di tích đã tìm nhiều biện pháp giúp cho công tác quản lý lễ hội được tốt hơn, không để xảy ra các hiện tượng đồng bóng, mê tín dị đoan hoặc chèo kéo, hét giá khách như những năm trước. Một trong những biện pháp cụ thể để khắc phục triệt để những hạn chế tiêu cực thường thấy trong các lễ hội đó là địa phương đã giao việc viết sớ cho hội người cao tuổi đảm trách [25]. Nơi lấy nước thánh không còn xô bồ, mất vệ sinh như hình ảnh đọng lại trong lòng du khách hằng năm, mà đã được bố trí hợp lý để người dân lấy nước dễ dàng, sạch sẽ. Bên cạnh đó bổ sung thêm các đoàn viên thanh niên vào lực lượng bảo vệ, bố trí ở khắp nơi, ngay từ cổng ra vào tận tình hướng dẫn nhân dân từ nơi để xe, giám sát không để xảy ra tình trạng xô xát, tạo cho du khách cảm giác yên tâm, thoải mái đúng nghĩa khi được trở về với không gian linh thiêng của của một nơi chốn độc đáo có sự phối thờ của tín ngưỡng thờ Mẫu, thờ thần và thờ anh hùng dân tộc.

Tuy nhiên, bên cạnh những nét đẹp văn hóa tâm linh vẫn còn tồn tại nhiều điều khiến không chỉ những người tổ chức lễ hội mà cả du khách phải suy ngẫm. Đó là những trò đồ đen như các trò tôm, cua, cá, tung vòng..., hiện tượng ăn xin

vẫn tồn tại một cách công khai, thậm chí một số người đầu tư làm ăn lâu dài còn ngang nhiên đóng cọc, dựng lều, lán dọc con đường dẫn lên khu đền chính.

Một số người bán hàng tại Phủ Na cho biết, những người tổ chức trò đồ đen này có cả mạng lưới cò mồi để hút khách. Cò thường đóng vai khách vào chơi và đặt tiền từ ít đến nhiều để nhử con mồi. Ban đầu, phần thắng thường nghiêng về khách chơi. Không ít du khách bị lừa nên bị cuốn theo đến mất ví. Bên cạnh đó, là hiện tượng xem bói toán, mê tín dị đoan; các lều quán do một số cá nhân tự dựng lên để hoạt động dịch vụ xem bói bài...; hơn nữa là các hoạt động ăn xin chèo kéo khiến du khách cảm thấy phiền toái, bức mình. Mặc dù các hoạt động này diễn ra ngang nhiên, nhưng không thấy lực lượng bảo vệ xử lý, dẹp bỏ [15].

Việc tạo nên một không gian văn hóa xô bồ vào các dịp lễ tết ở đền phủ như vậy, không chỉ có nguyên nhân ý thức kinh doanh của người dân mà còn từ cả ý thức của người tham gia lễ hội và dâng hương tại đền. Các phế thải của nhang hương cùng với rác thải đồ ăn uống của du khách vứt bừa bãi gây ô nhiễm môi trường, làm mất cảnh quan thiêng liêng của khu di tích.

Ở tại khu vực suối Tiên, mặc dù đã được ban tổ chức làm sẵn một chiếc vòi để hứng nước nhưng do quá đông nên nhiều người không chịu chờ đến lượt mà vượt rào vào sát vách đá hứng nước tạo nên cảnh chen lấn xô đẩy hỗn loạn ngay sát đền thờ Đức thánh Tản Viên, gây hình ảnh không đẹp trong mùa lễ hội.

Đền Phủ Na không chỉ đẹp bởi danh lam thắng cảnh hùng vĩ mà tại đây có nhiều đền miếu thờ nhiên thần và nhân thần, nổi bật bao trùm lên tất cả là thờ mẫu: mẫu Thượng Ngàn, Bà Triệu, công chúa Liễu Hạnh vì thế nên hằng năm cứ vào mùa xuân đông đảo nhân dân trong vùng và du khách thập phương ở khắp nơi lại trở về vừa để thắp hương tưởng nhớ những người có công, vừa đồng thời gửi gắm những ước vọng thiêng liêng của bản thân, của gia đình. Nhưng nếu những hình ảnh nói trên vẫn không được dẹp bỏ thì không chỉ làm

ảnh hưởng đến tính thiêng của khu di tích, mà về lâu dài sẽ làm mất đi một lượng du khách đến chiêm bái và tham quan.

2.2.2. Thực trạng khai thác hệ thống di tích gắn với cuộc khởi nghĩa Bà Triệu

2.2.2.1. Thực trạng tài nguyên và công tác quản lý

Hiện nay, khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh núi Nưa đã được Bộ văn hóa thể thao và du lịch quyết định xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia vào năm 2009. Được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành và những tấm lòng hảo tâm, trải qua nhiều kì tu bổ tôn tạo, khu di tích ngày càng khang trang. Do tính chất và giá trị đặc biệt về lịch sử văn hóa mà khu di tích Núi Nưa - Đền Nưa - Am Tiên dần ăn sâu vào tâm thức người dân. Số lượng khách đến với khu di tích ngày càng đông, không chỉ vào các dịp lễ tết mà vào ngày thường, nhân dân quanh vùng và du khách thập phương cũng tới dâng hương, lễ khẩn và tham quan.

Từ năm 1993, sau khi tỉnh ra quyết định công nhận và bảo vệ khu di tích thì chính quyền và nhân dân địa phương đã kêu gọi sự ủng hộ và đóng góp của du khách thập phương cùng sự hỗ trợ của huyện tỉnh, từng bước trùng tu, tôn tạo được nhiều hạng mục ở đền Nưa và khu vực Am Tiên. Các lần phục hồi và tu bổ đền Nưa và Am Tiên từ năm 1993 đến nay chủ yếu là do chính quyền và nhân dân địa phương xã Tân Ninh chủ trì trên cơ sở có sự chỉ đạo của huyện tỉnh. Các công trình dựng mới đều làm trên nền móng cũ. Trên đỉnh Am Tiên, các hạng mục như chùa Am Tiên, đền Bà Triệu, đền Tu Nưa, tuy đã hoàn chỉnh song chưa đạt được yếu tố thẩm mỹ và bền vững, riêng khu vực đền Nưa thì nhà tiền đường được thay thế bằng nhà cổ thời Nguyễn còn khá tốt.

Về núi Nưa, trước kia là vùng rừng đại ngàn với rất nhiều thú vật nhưng do sự khai thác của con người mà rừng trở nên cạn kiệt. “Núi Nưa vẫn còn đó, nhưng rừng thì không còn, Ngàn Nưa xưa chỉ còn trong ký ức của người già trong vùng. Việc khai thác ào ạt nguyên liệu crom tại vùng ven chân núi đã làm biến dạng cảnh quan khu rừng vốn rất độc đáo này”[22]. Núi Nưa ngày nay cũng đã bị thu hẹp

không gian, phần lớn các cây trong rừng là các loại nứa vầu tái sinh. Tuy nhiên, trong mấy chục năm trở lại đây, cùng với những nỗ lực không ngừng trong chương trình trồng cây gây rừng phủ xanh đất trống đồi trọc, huyện Triệu Sơn nói chung, xã Tân Ninh nói riêng đã trồng nhiều loài cây như lim, lát, xà cừ, bạch đàn... góp phần từng bước hồi sinh màu xanh của Ngàn Nưa.

Để bảo vệ và phát huy giá trị của khu di tích, góp phần giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, đáp ứng nhu cầu văn hóa của nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Triệu Sơn đã thành lập Ban quản lý di tích lịch sử văn hóa núi Nưa để từng bước đưa công tác quản lý đạt hiệu quả.

Ban đầu, huyện Triệu Sơn giao cho ủy ban nhân dân xã Tân Ninh trực tiếp bảo vệ để thực hiện nhiệm vụ phát huy tác dụng. Ban quản lý di tích lịch sử thắng cảnh núi Nưa (bao gồm núi Nưa, đền Nưa và Am Tiên) được thành lập do đồng chí Chủ tịch xã làm trưởng ban. Hàng ngày các khu vực của khu di tích đều có người trông coi bảo quản. Khi vào kỳ hội với hàng vạn người đến tham quan thì ban quản lý phối hợp cùng với lực lượng công an xã bảo vệ rất chu đáo. Tuy nhiên số lượng du khách hành hương xa gần về rất đông và khu di tích mang tiềm năng du lịch lớn nên, huyện Triệu Sơn đã quyết định thành lập ban quản lý di tích trực thuộc huyện. Ban quản lý làm việc trên nguyên tắc chung:

Khu di tích núi Nưa - Đền Nưa - Am Tiên là khu di tích lịch sử văn hóa được xếp hạng cấp quốc gia, việc bảo vệ và quản lý sử dụng và phát huy giá trị của khu di tích phải được thực hiện theo Luật Di sản văn hóa và các văn bản hướng dẫn quy định của Nhà nước.

Đề cao trách nhiệm và sự phối hợp của các cơ quan đơn vị, địa phương và mọi công dân đối với việc bảo vệ sử dụng phát huy có hiệu quả giá trị của khu di tích, góp phần giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc và đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa tinh thần cho nhân dân, bài trừ mê tín dị đoan, các tệ nạn xã hội và các hủ tục lạc hậu.

Dựa trên nguyên tắc hoạt động trên, ủy ban nhân dân huyện đã đề ra những nhiệm vụ, quy định cụ thể đối với các đơn vị tham gia quản lí khu di tích:

Đối với Ban quản lí di tích và danh thắng huyện, có trách nhiệm phối hợp với ủy ban nhân dân xã Tân Ninh tham mưu cho ủy ban nhân dân huyện quản lí bảo vệ, sử dụng và phát huy giá trị lịch sử văn hóa của khu di tích theo quy định của Nhà nước; đồng thời có trách nhiệm quản lí toàn diện hoạt động thu chi, tôn tạo bảo vệ của Ban quản lí khu di tích Núi Nưa - Đền Nưa - Am Tiên.

Đối với Ban quản lí di tích đền Nưa - Am Tiên, phải có trách nhiệm phối hợp với xã Tân Ninh và các ngành chức năng bảo vệ tốt cơ sở vật chất và tài sản ở di tích không bị xâm hại, đảm bảo tốt vệ sinh môi trường và an ninh trật tự ở khu di tích; hàng ngày tổ chức, hướng dẫn các hoạt động văn hóa, tín ngưỡng tại khu di tích theo quy định cả nhà nước. Trưởng ban chỉ đạo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên thực hiện có hiệu quả mọi hoạt động ở khu di tích. Phát hành phiếu công đức, tổ chức bán vé vào tham quan khu di tích theo quy định của UBND huyện và Ban quản lí di tích và danh thắng huyện. Quản lí và sử dụng các nguồn thu theo hướng dẫn số 1055/LS TC-VHT ngày 01/06/2007 của Liên sở Tài Chính - Văn hóa thông tin về chế độ thu nộp, quản lí và sử dụng kinh phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử và công trình văn hóa.

Đối với ủy ban nhân dân xã Tân Ninh, có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với ban quản lí khu di tích để bảo vệ và quản lí cơ sở vật chất, tài sản, đảm bảo tốt an ninh trật tự, vệ sinh môi trường bên ngoài khu di tích. Theo phong tục, truyền thống của địa phương, định kỳ hằng năm hoặc 2 năm 1 lần phối hợp với Ban quản lí di tích và danh thắng huyện, xây dựng kế hoạch tổ chức lễ hội để nhân dân tham gia và hưởng thụ các giá trị văn hóa tinh thần; được phép tổ chức các hoạt động dịch vụ, thu phí dịch vụ ngoài khuôn viên di tích theo quy định.

Nhìn chung, cho đến nay các di tích được xếp hạng đã được Ban quản lí di tích tiến hành treo bảng, biển gồm: Bảng giới thiệu, tóm tắt giá trị lịch sử di

tích; quyết định xếp hạng di tích, nội quy bảo vệ di tích và biển chỉ dẫn vào di tích.

Bên cạnh những hiệu quả trên thì công tác quản lý và bảo tồn khu di tích cũng còn nhiều bất cập, hạn chế. Một số địa phương khi tu sửa di tích không tuân theo sự chỉ đạo của cơ quan chuyên môn, xây dựng tùy tiện, phục dựng sai nguyên mẫu mà tiêu biểu ở đây là di tích đền Mẫu và khu vực Giếng Tiên trên đỉnh Am Tiên. Sau khi được công nhận di tích cấp quốc gia vào năm 2009, quần thể di tích vẫn không được quan tâm đúng mức. Nhiều công trình, đặc biệt là khu vực đền Mẫu đã bị xuống cấp nghiêm trọng từ năm 2008 nhưng vẫn chưa được các ngành chức năng tiến hành trùng tu tôn tạo. Sự buông lỏng quản lý di tích của chính quyền địa phương đã dẫn đến việc vi phạm Luật di sản văn hóa. Trong đó, UBND xã Tân Ninh đã giao cho một số người trông coi Đền tự ý tổ chức xây dựng bằng nguồn kinh phí xã hội hóa, trong khi chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt. Việc xây dựng lại đền Mẫu đã cơ bản xong về phần thô và đang trong quá trình hoàn thiện. Tuy nhiên các quy trình kỹ thuật đều sai yêu cầu. Chính nền của Khu di tích đền Mẫu được lát bằng đá xẻ là hoàn toàn sai với bản mẫu thiết kế của cấp thẩm quyền. Bên cạnh đó, khu vực Giếng Tiên cũng đang được tiến hành lát đá nền sân giếng. Việc làm trái phép này chỉ dừng lại khi Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hóa có buổi làm việc và tiến hành giám sát công tác quản lý, bảo tồn, tu bổ, tôn tạo các di tích, danh thắng tại huyện Triệu Sơn phát hiện. Việc người dân và địa phương huy động nguồn vốn xã hội để tôn tạo, tu bổ di tích văn hóa là việc làm tích cực. Tuy nhiên việc tu bổ chưa qua thẩm định và không đạt yêu cầu thiết kế nên gây khó khăn cho Sở trong mặt quản lý [34].

Đến ngày 24/3/2010, Sở VH-TT&DL Thanh Hóa đã có công văn số 522, trong đó nói đến hạng mục nhà Mẫu của di tích Quốc gia Thắng cảnh núi Nưa bị sập và UBND huyện Triệu Sơn đã chỉ đạo tháo dỡ nhà Mẫu không thực hiện theo đúng quy trình và đề xuất phương án bảo quản, phục hồi di tích. Sở VH-

TT&DL Thanh Hóa cũng đã chỉ đạo tiến hành mời tư vấn thiết kế lập Hồ sơ dự án các hạng mục công trình đã được quy hoạch phục hồi, tôn tạo; trình các cấp có thẩm quyền thỏa thuận, phê duyệt theo đúng trình tự quy định của Luật di sản văn hóa [34].

Như vậy, nhờ những phát hiện và ngăn chặn kịp thời, việc tự ý trùng tu sai nguyên mẫu một số công trình, không làm mất đi tính lịch sử, thẩm mỹ của các ngôi đền này. Hiện nay, các kiến trúc xuống cấp trầm trọng đã đang trong thời gian tu bổ hoàn thiện. Khu di tích Núi Nưa, đang nằm trong dự án quy hoạch lại, với diện tích 6,92ha, nằm trên độ cao hơn 300m trên đỉnh núi Nưa. Trên khu vực này, không có cư dân sinh sống, không gian thoáng đãng yên bình, linh thiêng. Phần lớn các diện tích đất trong khu vực đang quy hoạch là đất rừng và đất hoang. Hiện nay ngoài các điểm di tích và các khu thờ cúng, hướng tới theo quyết định của UBND tỉnh nơi đây sẽ xây thêm các công trình phụ trợ như khu nhà nghỉ (tạo điều kiện cho du khách ở lâu ngày trên núi), đường giao thông, khu bán hàng lưu niệm, khu ăn uống, công trình vệ sinh công cộng, vườn cây cảnh, đường vào rừng... tạo nên một khu sinh thái hấp dẫn đối với du khách khi hành hương đến đây. Sau khi hoàn thành, với đầy đủ cơ sở vật chất khu di tích lịch sử danh lam thắng cảnh Núi Nưa sẽ trở thành khu du lịch tâm linh sinh thái có khả năng phục vụ tốt các nhu cầu hoạt động du lịch tại đây.

2.2.2.2. *Thực trạng khai thác trong du lịch*

Khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh Núi Nưa và đặc biệt là hệ thống di tích Am Tiên mang dấu ấn lịch sử đặc biệt quan trọng cùng với vẻ đẹp được thiên nhiên ưu đãi đã tạo nên một tiềm năng du lịch rất lớn. Mỗi năm, nơi đây đón hàng chục nghìn du khách thập phương tập trung trong những tháng đầu năm Âm lịch, về tham quan, văn cảnh, thắp hương cầu lộc, cầu tài.

Lâu nay người dân hành hương về khu di tích này đều phải đi qua con đường dài khoảng 3,5km gọi là “đường Ông Huỳnh”. Ông Lê Bật Huỳnh là người xã Tân Ninh, gia đình ông ở ngay dưới chân núi. Nhận thức được việc từ

ngày Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch có Quyết định công nhận Di tích lịch sử văn hóa danh lam thắng cảnh núi Nưa là di tích, thắng cảnh cấp Quốc gia (27/3/2009), du khách hành hương lên đỉnh Nưa lễ đền và chiêm bái nơi Huyệt đạo Quốc gia ngày càng đông, đông nhất là những ngày đầu xuân nên gia đình ông Huỳnh đã đầu tư hơn 4 tỷ đồng tự mở rộng con đường (theo lối đường mòn người xưa lên đỉnh núi Nưa kiếm củi) vắt chon von lên Ngàn Nưa và tiến hành thu phí với khách tham quan. Con đường được làm thủ công san núi, đổ đất mà thành, bởi vậy đường đi trơn trượt, nguy hiểm cho hành khách. Đặc biệt vào những ngày mưa, đường trơn như đổ nhựa nhầy nhụa, lầy lội vào đến tận chân núi Nưa. Nhiều du khách đi xe đã bị trượt ngã bản hết quần áo. Để đảm bảo an toàn cho người dân lên chùa thắp hương, chính quyền địa phương phải huy động các xe tải chở đất đổ lên mặt đường gần khu vực chân núi nhằm giảm bớt nguy hiểm, tai nạn cho du khách. Tuy nhiên khi du khách lên đỉnh núi Nưa thì đành chịu và phó mặc cho số phận. Đoạn đường từ chân núi lên đỉnh núi dài gần 4 km liên tục có những đoạn cua gấp, nhiều đoạn có độ dốc 30 đến 40 độ và suốt cả tuyến đường liên tục có những "ổ voi" khiến việc lên, xuống rất khó khăn. Vào những hôm trời không mưa, khách hành hương ngoài việc đi xe máy có thể dùng ô tô (hoặc mua vé dịch vụ ô tô U - oát) chỉ mất chừng 20 phút là lên đến đỉnh Ngàn Nưa. Tuy nhiên, xe vận chuyên thì cũ kỹ, giá vé cả lên và xuống dù chỉ 80.000đ/người nhưng hơn chục người bị lên trên chiếc xe có tải trọng tối đa 7 người đi trên con đường dốc khiến nhiều du khách sợ thót tim. Dịch vụ ô tô này cũng do người dân trong vùng tự phát đứng ra kinh doanh mà không hề có sự điều chỉnh của chính quyền địa phương hay Ban quản lý di tích nên không tránh khỏi hiện tượng tranh giành khách, giành đường vượt ẩu. Một số du khách sợ đi ô tô, xe máy mất an toàn, đã chọn cách leo bộ, nhưng cũng thật gian nan, phải mất từ 3 - 4 giờ đồng hồ mới lên được chùa do đó khi lên đến nơi du khách cũng không còn đủ sức thăm thú.

Cũng do địa hình trên cao mà việc xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho hoạt động du lịch ở đây còn rất yếu kém. Ở khu vực này, chưa có hệ thống cấp thoát nước cho các hoạt động sinh hoạt cũng như du lịch. Nguồn nước chủ yếu là nước mưa và nước giếng. Mạng lưới các công trình thoát nước thải chưa có, rác nước bẩn thải trực tiếp ra môi trường thiên nhiên, gây ô nhiễm, làm xấu cảnh quan khu di tích. Hệ thống điện cũng còn thấp, mới chỉ được lắp đặt để phục vụ cho việc thắp sáng và các hoạt động trông coi tại khu di tích. Nhìn chung, hệ thống cơ sở hạ tầng tại đây chưa hoàn thiện để phục vụ cho hoạt động du lịch, và chưa phát triển tương xứng với tiềm năng sẵn có. Hiện nay, huyện Triệu Sơn đang đầu tư vào dự án quy hoạch và nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật để đáp ứng các nhu cầu của khách hành hương. Cụ thể là cuối năm 2011, chính quyền huyện Triệu Sơn đã cho xây dựng một con đường mới tạo điều kiện thuận lợi giúp khách hành hương không phải trả tiền phí. Tuy nhiên, nguy cơ bị mất một nguồn thu lớn nên gia đình ông Huỳnh đã ngang nhiên phá đường mới nhiều lần, gây khó khăn cho công việc hoàn thành con đường vào khu di tích. Do đó, cần có những biện pháp giải quyết thỏa đáng và triệt để vấn đề này, vừa để an lòng dân vừa tạo cơ sở cho dự án phát triển khu di tích sau này.

Tuy nhiên, bên cạnh những bất cập kể trên, thời gian gần đây, việc quản lý lễ hội của huyện cũng đạt được những khởi sắc mới. Đầu xuân là thời gian diễn ra nhiều lễ hội trên mảnh đất huyện Triệu Sơn. Đó là lễ hội đền Nưa - Am Tiên, lễ hội Phủ Tía và lễ hội làng Quần Thanh. Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của các lễ hội đối với đời sống tinh thần của nhân dân, đặc biệt là Lễ hội Đền Nưa, chính quyền các địa phương đã kết hợp với Ban quản lý tổ chức lễ hội có những cách làm mới, sáng tạo để người dân đi trải hội không những đông mà còn vui.

Từ thực tế của những mùa lễ hội trước, năm 2013, trước thời gian diễn ra các hoạt động lễ hội trên địa bàn, Ủy ban nhân dân huyện đã giao cho Phòng Văn hóa thể thao ban hành kế hoạch hướng dẫn, tổ chức các lễ hội, chủ động

Nâng cao hiệu quả khai thác du lịch tại khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh
Núi Nưa - huyện Triệu Sơn - Thanh Hoá

phối hợp giữa các ngành, các cấp giám sát, thanh kiểm tra và xử lý kịp thời các hiện tượng tiêu cực trong lễ hội. Bên cạnh đó, địa phương cũng đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá di tích và thời gian diễn ra lễ hội để quần chúng nhân dân được biết.

Việc quảng bá tuyên truyền cho khu di tích cũng có những điểm tiến bộ. Hiện nay, huyện Triệu Sơn đang tích cực quảng bá trên nhiều phương tiện truyền thông, thông tin đại chúng như báo, báo mạng, truyền thông của huyện... để khu di tích được nhiều người biết đến hơn, mang hình ảnh của Khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh núi Nưa tới gần hơn với du khách.

Theo thông tin cung cấp của bác Hoàng Năng Hùng, Trưởng phòng Văn hóa - Thể thao huyện Triệu Sơn cho biết: Ước tính số lượng lượt khách du lịch (2009 - 2012) tới huyện theo từng năm bao gồm cả mùa lễ hội như sau:

Thống kê khách du lịch tới Triệu Sơn giai đoạn 2009 - 2012

Đơn vị: Lượt khách

STT	Năm	Lượt khách
1	2009	1500 - 2200
2	2010	2.200 - 3.000
3	2011	3.300 - 4.500
4	2012	4.500 - 6.000

Đặc biệt từ sau khi được cấp bằng Di tích lịch sử cấp quốc gia, số lượng du khách đến với Khu di tích lịch sử danh lam thắng cảnh Núi Nưa ngày càng nhiều, nhất là vào dịp đầu xuân năm mới. Hai năm gần đây, ước tính khoảng hơn 10.000 du khách đã đến với lễ hội Đền Nưa - Am Tiên. Để quản lý tốt lễ hội, đặc biệt là những lễ hội quan trọng như Đền Nưa - Am Tiên, thì bên cạnh việc đảm bảo an ninh trật tự, cần quan tâm vấn đề vệ sinh môi trường. Ban quản lý cũng thường xuyên nhắc nhở du khách về ứng xử, ăn mặc sao cho văn hóa ở chốn linh thiêng. Với những lễ hội diễn ra trong nhiều ngày, chính quyền địa

phương cũng như Ban quản lí cần tổng kết vào cuối mỗi ngày lễ hội, rút kinh nghiệm và xử lý vấn đề một cách nhanh chóng, triệt để. Và một điều đổi mới trong năm nay đó là, phần trò chơi, trò diễn trong lễ hội đã phong phú, đa dạng hơn. Ngoài các trò chơi như cờ người, đua thuyền, hát ví, chọi gà... hiện nay, phần hội còn tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao như bóng đá, cầu lông, bóng bàn, cờ tướng, kéo co... thu hút đông đảo người dân và du khách tham gia.

Ngoài ra, để lễ hội đầu năm được diễn ra tốt đẹp, Ủy ban nhân dân huyện đã đề ra nhiều phương án dự phòng trong mọi vấn đề, diễn biến nảy sinh của lễ hội, tránh tình trạng chen lấn, xô đẩy lẫn nhau và gây bức xúc cho du khách. Ban Quản lí nơi diễn ra lễ hội có phương án sắp xếp hàng quán hợp lý, bố trí bãi đỗ xe và quy định tiền gửi xe... Chính vì vậy, du khách chỉ cần đến với lễ hội Đền Nưa - Am Tiên đã thấy rõ được sự tiến bộ vượt bậc so với những năm trước trong vấn đề vệ sinh môi trường và cảnh quan văn hóa lễ hội. Mặc dù đến thời điểm hiện nay trên địa bàn huyện mới diễn ra 2 lễ hội, nhưng đều đảm bảo thời gian, sự trang nghiêm, an toàn. Các trò chơi dân gian được phục hồi cùng với các hoạt động trình diễn văn nghệ lành mạnh, tạo không khí vui tươi, hấp dẫn cho lễ hội. Tình trạng lợi dụng lễ hội để hoạt động mê tín dị đoan cũng giảm nhiều. Đặc biệt, việc đặt tiền giọt dầu, nạn hành khất, mất cắp ở lễ hội không còn bức bối như trước. Vị trí đặt hòm công đức theo quy định được thực hiện nghiêm túc.

Với những cách làm sáng tạo, đặc biệt là việc tổng kết, rút kinh nghiệm và giải quyết vấn đề ngay cuối mỗi ngày làm việc, sẽ tiếp tục mang lại hiệu quả trong công tác quản lý lễ hội không chỉ của riêng huyện Triệu Sơn, mà còn của nhiều địa phương khác.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 của bài khóa luận đưa ra những cái nhìn tổng quan nhất về lịch sử hình thành quần thể khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh Núi Nưa đồng thời khảo tả hai khu di tích nằm trên hai sườn phía đông và tây của núi Nưa, đặc biệt đi sâu phân tích và làm rõ về khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh gắn với cuộc khởi nghĩa Bà Triệu. Đây là khu di tích chứa đựng các giá trị đặc sắc về văn hóa, lịch sử và tâm linh, tiềm năng là điểm du lịch mới hấp dẫn của tỉnh Thanh Hóa trong thời gian tới.

Tuy vậy, hiện nay, việc khai thác khu di tích này phục vụ cho hoạt động du lịch văn hóa tâm linh của huyện còn chưa được quan tâm đầu tư thích đáng: hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ hoạt động du lịch còn yếu kém; việc tổ chức quản lý tại khu di tích còn hạn chế, đặc biệt là trong công tác bảo tồn và tôn tạo còn nhiều bất cập, chính vì vậy mà hiệu quả đạt được chưa cao.

Di tích lịch sử văn hóa là nguồn tài nguyên du lịch rất quan trọng với huyện Triệu Sơn, nên cần phải có kế hoạch bảo tồn, phát huy giá trị để các di tích lịch sử văn hóa đó thực sự là sản phẩm du lịch đặc thù, là điểm nhấn thu hút khách đến với Triệu Sơn nói riêng và Thanh Hóa nói chung. Tuy còn nhiều thiếu sót trong việc nghiên cứu và tìm hiểu vấn đề, song đây cũng là cơ sở để tác giả đưa ra những đề xuất về một số giải pháp nâng cao giá trị khai thác của Khu di tích lịch sử, Danh lam thắng cảnh Núi Nưa phục vụ cho sự phát triển du lịch của huyện Triệu Sơn.

CHƯƠNG 3. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO GIÁ TRỊ KHAİ THÁC KHU DI TÍCH LỊCH SỬ, DANH LAM THẮNG CẢNH NÚI NƯA PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

3.1. Đánh giá chung về thực trạng khai thác du lịch tại Khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh Núi Nưa

Đây là một khu di tích lịch sử danh lam thắng cảnh có nhiều tiềm năng du lịch, kì vọng trở thành điểm du lịch tâm linh hấp dẫn cấp quốc gia, chính vì vậy, vấn đề đầu tư phát triển khu di tích và việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền là rất quan trọng. Tuy nhiên, hiện nay, hoạt động tuyên truyền, quảng bá du lịch đã được quan tâm nhưng chưa thực sự tạo dựng được ấn tượng rõ nét về hình ảnh du lịch huyện Triệu Sơn; sản phẩm du lịch chưa phong phú; các dự án quy hoạch chưa thực hiện xong. Các dịch vụ bổ sung như dịch vụ hàng lưu niệm, dịch vụ hướng dẫn viên, vui chơi giải trí, phương tiện tham quan còn chưa phát triển. Hầu hết, các phương tiện vận chuyển khách chưa an toàn, chuyên nghiệp. Người dân chưa được phổ biến về giá trị của khu di tích đối với hoạt động du lịch, cũng như lợi ích từ hoạt động du lịch mang lại, bởi vậy tâm lí chưa sẵn sàng làm du lịch.

Triệu Sơn là mảnh đất có bề dày lịch sử văn hóa, tuy nhiên hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho hoạt động du lịch trên địa bàn huyện còn rất hạn chế. Toàn huyện gần như chỉ có gần 10 cơ sở lưu trú du lịch, nhưng chủ yếu là nhà nghỉ, chất lượng phục vụ còn nhiều bất cập, đội ngũ làm du lịch (lễ tân, phục vụ) ở các điểm lưu trú còn thiếu tính chuyên nghiệp, phần lớn chưa qua đào tạo bài bản. Mấy năm gần đây, để phục vụ nhu cầu của du khách về tham dự lễ hội, một số nhà hàng phục vụ ăn uống cũng được người dân mở ra nhưng hầu hết chưa đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, cũng chưa đáp ứng được đa dạng nhu cầu của khách. Trong khi đó, hoạt động lễ hành - yếu tố được coi là “đòn bẩy” của ngành du lịch chưa có chuyển biến, vẫn manh mún, thiếu kinh

nghiệm. Số đơn vị kinh doanh lữ hành hầu như không có, lâu nay phần lớn là do các công ty lữ hành ở trung tâm tỉnh Thanh Hóa hoặc từ các tỉnh bạn đưa khách đến Triệu Sơn. Không những vậy, các đơn vị đưa khách đến cũng chưa có cách làm hay để quảng bá và tạo ra các sản phẩm du lịch đặc trưng thực sự hấp dẫn. Làm tour kém cũng là một nguyên nhân khiến việc phát triển du lịch ở Triệu Sơn kém hiệu quả. Hầu hết các tour chỉ đưa du khách đến các điểm du lịch chứ chưa tận dụng và khai thác tốt dịch vụ tại các điểm này. Thêm nữa, thiếu các địa điểm vui chơi, giải trí và dịch vụ bổ sung nên không giữ chân được khách du lịch lưu trú trong thời gian dài.

Hoạt động của các Ban quản lý Khu di tích hiện nay còn nhiều lúng túng và kém hiệu quả. Sự hạn chế trên do nhiều nguyên nhân: Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền địa phương còn hạn chế, việc chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp trên còn thiếu sâu sắc, quy chế hoạt động của các Ban quản lý còn nhiều bất cập, thiếu cụ thể, trình độ, năng lực, ý thức trách nhiệm của thành viên Ban quản lý còn nhiều yếu kém, vấn đề quy định quyền lợi, trách nhiệm, quyền hạn của người quản lý trực tiếp di tích còn chưa rõ ràng... Những nguyên nhân trên dẫn đến hoạt động của Ban quản lý di tích chưa tốt, do đó việc phát huy giá trị của di tích vào hoạt động của du lịch còn hạn chế.

Đội ngũ hướng dẫn viên là những người đại diện cho ban quản lý giới thiệu với du khách về văn hóa, lịch sử của khu di tích mà du khách đến tham quan. Đối với tour du lịch về lịch sử như thế này, hướng dẫn viên đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong việc tái hiện lại phần nào lịch sử thông qua bài thuyết minh, đặc biệt khi những dấu vết xưa không còn lại nhiều. Bài thuyết minh và cách diễn đạt của hướng dẫn viên có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng chương trình tour. Nói cách khác, vai trò của hướng dẫn viên là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự thành bại, sống còn đối với một chương trình du lịch, nhất là những chương trình tour về lịch sử, là người tạo nên sự hấp dẫn cho điểm di tích, thu hút nhiều khách du lịch tới tham quan. Tuy nhiên, hiện nay tại

khu di tích chưa có một đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh viên lành nghề, giỏi về chuyên môn và phong cách... Lực lượng lao động ít, chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, phần lớn là lao động phổ thông trực tiếp làm du lịch.

Tuy là một khu di tích danh thắng khá hấp dẫn song hầu hết chưa khai thác triệt để phục vụ cho du lịch nên lượng khách tới tham quan chưa nhiều. Du khách chủ yếu đến vào các dịp lễ hội mùa xuân với mục đích đi lễ, văn cảnh xem hội nên hoạt động du lịch tại đây mang tính mùa vụ rõ rệt. Nguồn khách chủ yếu là từ các vùng lân cận và trong nội vùng, chưa có khách quốc tế nên doanh thu du lịch không cao. Bên cạnh đó, hiện nay do tính chất phức tạp và mang yếu tố lịch sử văn hóa, tâm linh thiêng liêng nên việc trùng tu các hạng mục trong quần thể di tích cần phải cẩn thận. Khu di tích đang nằm trong diện quy hoạch lại, ngoài việc tôn tạo các di tích chính, còn cho xây dựng thêm các công trình phụ trợ, do đó, tiến độ thi công chậm, lượng du khách tới viếng thăm vào những dịp ngày thường là rất ít.

Hoạt động du lịch ở Triệu Sơn, nhìn chung diễn ra một cách tự phát, chưa có những quản lý cụ thể và thống kê chi tiết về số lượng khách du lịch tới đây hằng năm. Do phần lớn tài nguyên là các hệ thống đền, chùa, phủ nên đặc điểm lớn của khách du lịch tới đây đều có mục đích cúng bái, cầu may. Hoạt động du lịch tâm linh diễn ra rời rạc, phần lớn khách du lịch tự tổ chức cá nhân hoặc theo nhóm, mà không mua theo tour du lịch của các công ty du lịch. Bởi vậy, việc ổn định và thu hút nguồn khách thường xuyên và lâu dài là rất khó, chủ yếu khách du lịch đông tập trung vào những mùa lễ hội đầu xuân.

Như vậy có thể thấy, những khó khăn gặp phải trong lĩnh vực du lịch ở Triệu Sơn là không nhỏ. Chính vì vậy, để phát huy có hiệu quả hơn nữa tiềm năng du lịch của Triệu Sơn cần có những giải pháp đồng bộ nhằm tập trung phát triển chất lượng nguồn lao động, chất lượng sản phẩm, dịch vụ du lịch, củng cố cơ sở hạ tầng... chuyển từ xu hướng phát triển về số lượng sang chất lượng, từ chiều rộng sang chiều sâu.

Có một sự kiện đáng mừng hứa hẹn sẽ là bước chuyển quan trọng cho hoạt động khai thác du lịch của Khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh Núi Nưa nói riêng và huyện Triệu Sơn nói chung đó là vào ngày 22/08/2011, UBND tỉnh Thanh Hóa đã ra quyết định số 2723/QĐ-UBND, về việc phê duyệt quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh Núi Nưa gắn với phát triển du lịch. Tiếp đó, ngày 01/12/2011, diễn ra lễ kí kết hợp đồng kinh tế số 02/2011/HĐ-QHCT về việc lập quy hoạch chi tiết xây dựng Quần thể Am Tiên thuộc khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh Núi Nưa, xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa giữa UBND huyện Triệu Sơn với Công ty cổ phần Quy hoạch và kiến trúc Việt Nam; bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 do công ty Cổ phần Quy hoạch kiến trúc Việt Nam thành lập tháng 12 năm 2011.

Bên cạnh đó, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa cũng đã có quyết định phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử, danh lam thắng cảnh - Địa điểm khởi nghĩa Bà Triệu (gồm núi Nưa, Đền Nưa, Am Tiên) thuộc xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn; qua đó, nhằm tôn vinh anh hùng dân tộc Triệu Trinh Nương và các nghĩa sĩ trong cuộc khởi nghĩa chống quân Ngô ở thế kỷ III, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân Thanh Hóa nói riêng, nhân dân cả nước nói chung và khơi dậy lòng tự hào dân tộc cho các thế hệ; đồng thời, để khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh này trở thành khu du lịch hấp dẫn của tỉnh. Dự án này được thực hiện trong thời gian 5 năm (2011 - 2015) với tổng dự toán đầu tư khoảng 1.400 tỷ đồng. Theo quy hoạch, tỉnh Thanh Hóa sẽ bảo tồn tu bổ các di tích gốc như đền Nưa, cảnh quan núi Nưa và giếng Tiên; phục hồi lại các công trình đã bị phá hủy như đền Bà Triệu, chùa Phủ, chùa Ngoài, đền Tu Nưa, động Đào, ao Hóp, am Tiên, khu Đá Bàn... Phạm vi quy hoạch rộng 209,1 ha, trong đó khu vực bảo vệ nghiêm ngặt là đền Nưa 1.375 m² và toàn bộ núi Nưa - Am Tiên. Trong không gian quy hoạch rộng 209,1 ha này sẽ phục dựng một số công trình trọng điểm như: cụm Phủ Nưa - đền Trình gồm Phủ Nưa, Đền Trình, Miếu Trình, công viên Bà Triệu; cụm chùa Ngoài gồm chùa Ngoài, đền Tu Nưa, Bằng

Nâng cao hiệu quả khai thác du lịch tại khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh
Núi Nưa - huyện Triệu Sơn - Thanh Hoá

Yên Ngựa; cụm Am Tiên gồm đền Bà Triệu, sân Nghĩa sỹ Ngàn Nưa, Phủ Mẫu, chùa Bích Vân, giếng Tiên, động Am Tiên... Đặc biệt, Thanh Hóa sẽ phục dựng lại trục không gian lễ hội đền Nưa với các công trình kiến trúc trọng điểm của khu trung tâm bao gồm: Nhà đón tiếp, cổng chính, sân lễ hội, Đền Trình. Trục không gian lễ hội sẽ được chia thành nhiều lớp không gian nhỏ bằng các công trình kiến trúc, kết hợp hài hòa giữa mặt nước và không gian xanh nhằm tăng thêm sự hấp dẫn du khách. Sân lễ hội hình vuông có diện tích 3,4 ha, có sức chứa cho hàng vạn người tới dự lễ hội...

Với bản qui hoạch tổng thể này, nhiều nhà nghiên cứu đã đưa ra các dự đoán kì vọng về số lượng khách tới tham quan Khu di tích Đền Nưa - Am Tiên trong giai đoạn 2015 - 2030:

QUY MÔ KHÁCH THAM QUAN

Thứ tự	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu		
			2015	2020	2030
1	Ngày lễ hội	Người	10.000	15.000	20.000
2	Ngày tạo lễ (rằm, mùng một, tết...)	Người	150	300	500
3	Ngày thường	Người	80	100	200

(Nguồn: Quy hoạch chi tiết xây dựng quần thể Am Tiên, khu DTLS danh lam thắng cảnh Núi Nưa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa)

Tuy nhiên, đó vẫn chỉ là những đề án trên giấy, mà để có thể trở thành hiện thực ít nhất cần thời gian 5 năm nữa. Do đó, để phát huy vị thế của Khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh Núi Nưa trong đời sống tinh thần của cư dân địa phương cũng như của du khách thập phương, đồng thời đóng góp vào ngân sách du lịch chung của tỉnh Thanh Hóa, trước mắt cần phải thực hiện đồng bộ hàng loạt các giải pháp từ bảo tồn, tôn tạo đến tăng cường quảng bá và khai thác đa dạng các hoạt động du lịch khác nhau.

3.2. Phục hồi và phát huy các giá trị truyền thống của Khu di tích lịch sử, Danh lam thắng cảnh Núi Nưa

3.2.1. Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa

Du lịch là một ngành kinh tế mang nội dung văn hóa sâu sắc. Văn hóa ngoài vị trí là nền tảng tinh thần dân tộc còn là nguồn nguyên liệu cho du lịch và ngược lại, thông qua hoạt động du lịch, văn hóa được truyền bá và thâm nhập vào trong mỗi người khách du lịch. Bởi vậy việc quản lý bảo tồn và phát huy giá trị di tích gắn với du lịch là mối quan hệ biện chứng, khăng khít thúc đẩy nhau. Trong những năm gần đây, công tác đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích ở Thanh Hóa ngày càng được đẩy mạnh. Nguồn kinh phí đầu tư tu bổ di tích thông qua chương trình mục tiêu quốc gia ngày càng tăng. Nguồn kinh phí hỗ trợ của tỉnh đầu tư chống xuống cấp hàng năm cũng được chú ý hơn, cùng với nguồn huy động từ các lực lượng xã hội hóa (hàng năm ước tính gấp 5 đến 7 lần nguồn vốn Nhà nước cấp) tiến hành tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp được hơn 100 di tích. Tuy nhiên, vì là lĩnh vực phức tạp và nhạy cảm, do đó cần có sự kiên trì hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, nhắc nhở, đặc biệt là tăng cường ý thức trách nhiệm của từng địa phương nơi có di tích.

Để công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích, danh thắng, lễ hội trên địa bàn tỉnh đạt hiệu quả, trước hết cần xây dựng và ban hành quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy tác dụng các di tích; hướng dẫn nghi thức, nghi lễ tại di tích phù hợp với quy định chung và không trái với những nghi thức truyền thống, ngăn chặn các hành vi lấn chiếm đất đai, xâm hại cảnh quan di tích; Cấm hành nghề mê tín, dị đoan, bắt chẹt khách, gây mất an ninh, trật tự trong các lễ hội; Chấn chỉnh, ngăn ngừa không để xảy ra sai phạm trong công tác chống xuống cấp, tu bổ, tôn tạo di tích... Dựa trên định hướng chung của tỉnh Thanh Hóa, có thể áp dụng vào trường hợp của Khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh Núi Nưa bởi hiện nay vấn đề tu bổ tôn tạo cũng như vấn đề quản lý di tích

vẫn còn những hạn chế nhất định, cần có những định hướng và giải pháp đúng đắn để thúc đẩy hoạt động du lịch tại đây phát triển.

3.1.1.1. Định hướng bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa

Để tránh lặp lại việc sai phạm trong việc tu bổ, tôn tạo di tích giống như trường hợp Đền Mẫu, sau khi đưa Khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh Núi Nưa vào diện qui hoạch, huyện Triệu Sơn cũng đã đề ra những định hướng bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa có trên địa bàn huyện, dựa theo những chỉ dẫn trong Luật Di sản văn hóa. Đó là:

- Trước khi tiến hành tu bổ cần phải triển khai việc nghiên cứu liên ngành để có sự hiểu biết cặn kẽ di tích về các mặt: Giá trị, tình trạng bảo quản, cũng như các hoàn cảnh lịch sử và đặc thù văn hóa ở địa phương nơi có di tích dự kiến được tu bổ.

- Chỉ tiến hành tu bổ, phục hồi di tích khi có cơ sở cứ liệu khoa học chính xác (tài liệu viết, bản vẽ đặc họa, ảnh chụp, bản dập...); phần mới phục hồi phải phù hợp và tạo thành một khối thống nhất với phần nguyên gốc còn lại. Do đó, trong thực tế khi tu bổ phải luôn cố gắng đến mức tối đa sử dụng vật liệu và công nghệ truyền thống vào việc tu bổ, phục hồi di tích.

- Quá trình tu bổ di tích phải được triển khai dưới sự giám sát thường xuyên và nghiêm ngặt của tư vấn giám sát và cộng đồng cư dân nơi có di tích.

- Thực hiện việc tu bổ, tôn tạo di tích theo đúng các quy trình: Lập thiết kế sơ bộ và các phương án tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị di tích - Thẩm định dự án của cấp có thẩm quyền - Phê duyệt - Thi công dưới sự giám sát của các nhà chuyên môn - Nghiệm thu và quyết toán dự án.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, tuyên truyền quảng bá, kêu gọi, thu hút các nhà đầu tư chung tay bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị của di tích; giáo dục nâng cao nhận thức, định hướng để cộng đồng dân cư sinh sống trong vùng di tích tham gia bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị của di tích thông qua hoạt động kinh tế du lịch, từ đó nâng cao ý thức bảo vệ, bảo tồn và phát huy di tích của người dân.

Như vậy, tu bổ và tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa là hoạt động có tính đặc thù chuyên ngành, không chỉ đơn giản là khôi phục lại như mới một công trình kiến trúc cổ truyền, mà là sự tổng hợp của nhiều mặt hoạt động phức tạp có quan hệ qua lại rất chặt chẽ... Bởi vậy, việc tu bổ, tôn tạo di tích ở Triệu Sơn cũng cần phải thực hiện theo những định hướng trên.

3.1.1.2. Các biện pháp bảo tồn, tôn tạo

Chúng ta không thể khai thác tài nguyên mà không có sự bảo vệ đầu tư hay tôn tạo. Đây là một điều kiện tiên quyết để phát triển du lịch. Bởi vậy, những nguồn lợi thu được từ du lịch cần được trích một phần xây dựng quỹ để phục vụ cho vấn đề tôn tạo và tu bổ khu di tích. Để góp phần phát huy hơn nữa vai trò của việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa trong việc phát triển du lịch, có thể thực thi một số biện pháp sau:

Việc đầu tiên cần làm là phải tuyên truyền và phát động nhân dân nơi có di tích chấp hành tốt Luật Di sản văn hóa và các văn bản dưới luật; chú trọng tới công tác tuyên truyền, quảng bá, tiếp thị du lịch ở từng điểm di tích. Sở Văn hóa, thể thao và du lịch chịu trách nhiệm tuyên truyền quảng bá chung hình ảnh của tỉnh; Ban quản lý di tích mỗi điểm có nhiệm vụ tuyên truyền, quảng bá để làm nổi bật sức hút từ giá trị các di tích lịch sử tiêu biểu tới rộng rãi du khách trong và ngoài nước.

Việc thứ hai là phải hướng dẫn cộng đồng dân cư nơi có di tích có trách nhiệm tham gia gìn giữ, bảo vệ di tích đồng thời tập huấn cho họ kiến thức nhất định về du lịch, từ đó chính mỗi người dân có thể tham gia phục vụ khách từ việc giao tiếp, ứng xử đến hướng dẫn tham quan cũng như tham gia đầu tư các dịch vụ phục vụ khách nhằm huy động nguồn lực tại chỗ góp phần xây dựng thương hiệu du lịch của từng điểm đến.

Thứ ba, xây dựng quy chế gắn với chế độ cho người trông coi, quản lý trực tiếp tại di tích, đồng thời hàng năm tăng thêm kinh phí hỗ trợ các di tích tu bổ,

chống xuống cấp để khuyến khích toàn dân và các tổ chức xã hội tham gia vào việc trùng tu, tôn tạo bảo tồn di tích và tham gia đầu tư các dịch vụ phục vụ khách.

Thứ tư, tăng cường quản lý Nhà nước đối với bảo tồn di tích, kiên quyết xử lý các vi phạm làm tổn hại đến di tích. Tập trung giải quyết dứt điểm và coi trọng những vụ việc vi phạm nghiêm trọng ở các di tích cấp quốc gia. Đẩy mạnh sự phối hợp liên ngành, liên cơ quan để tạo điều kiện cho ngành du lịch phát triển và cần có sự thống nhất quản lý Nhà nước, những quy định, quy trình và nội dung, hướng dẫn tham quan, nghiên cứu các di tích cũng như việc đầu tư, bảo vệ, tôn tạo các di tích.

Thứ năm, khuyến khích người dân địa phương tham gia vào các hoạt động khai thác du lịch, thông qua việc cấp giấy phép cho các hộ tham gia kinh doanh tại chỗ có sự quản lý của cơ quan nhà nước.

Thứ sáu, hàng năm nên dành một phần kinh phí cho cơ quan chuyên môn tổ chức mở lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ bảo tồn và hướng dẫn thuyết minh viên tại điểm cho chính nhân lực du lịch của địa phương và đầu tư kinh phí cho những hoạt động hướng dẫn viên di tích như: loa đài, trang phục, những trang thiết bị tác nghiệp khác. Để có đội ngũ hướng dẫn viên đông đảo, ngoài biên chế của cơ quan chuyên môn huyện, nên kết hợp mở rộng tới các hướng dẫn viên du lịch theo dạng hợp đồng để có thể đáp ứng được nhu cầu du khách trong mùa cao điểm. Các hướng dẫn viên này ngoài kiến thức về lịch sử, văn hóa dân tộc, trình độ chuyên môn du lịch và hơn thế nữa phải có trình độ ngoại ngữ, đáp ứng khả năng diễn giải, chuyển tải nội dung giới thiệu giá trị di tích cho khách du lịch quốc tế. Bên cạnh đó, cần thiết tăng cường tổ chức các lớp bồi dưỡng, phổ biến kiến thức làm du lịch.

Thứ bảy, tại mỗi di tích được tu bổ phục dựng phải có những hình thức giới thiệu rộng rãi cho công chúng và khách tham quan du lịch những vấn đề: di tích và hiện vật nguyên gốc, những thành phần được gia cố, tôn tạo, những công trình được phục hồi làm mới, những tài liệu hiện vật được cho phép bổ sung.

Làm như vậy, khiến người đời sau và nhất là khách tham quan du lịch và người nghiên cứu không bị nhầm lẫn, tránh được những phản ứng tiêu cực khi phát hiện việc tu bổ tôn tạo ở một số di tích thực hiện cầu thả, tùy tiện, thiếu tôn trọng khách tham quan du lịch.

Thứ tám, về quy hoạch đường giao thông: Thiết kế đường giao thông trong khu vực đảm bảo liên hệ thuận tiện giữa khu vực với bên ngoài, giữa các khu chức năng với nhau, đồng thời phải đảm bảo mỹ quan khu di tích và các tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật. Tuân thủ ý đồ quy hoạch đã được phê duyệt, quy hoạch sử dụng đất, tận dụng hướng tuyến của đường hiện trạng, tránh việc đền bù, giải tỏa lớn dân cư, tránh đào sâu đắp cao, bám sát địa hình tự nhiên, sử dụng hệ thống chiếu sáng truyền thống, không làm ảnh hưởng đến giá trị thẩm mỹ của khu di tích.

Thứ chín, xây dựng các công trình phụ trợ như nhà trưng bày di tích, nhà ban quản lí di tích, trạm điện, nơi đánh lễ, nhà tiếp khách, hệ thống thu gom rác thải phải được bố trí ngoài khu vực bảo vệ di tích. Các công trình phụ như quầy lưu niệm, trông giữ xe, công trình vệ sinh công cộng, phải tách biệt với khu di tích, tránh gây ô nhiễm, không phù hợp với cảnh quan khu di tích. Đồng thời cần đẩy mạnh việc hoàn thiện quy hoạch chi tiết các di tích trong việc bảo tồn tôn tạo di tích nhằm mục đích phục vụ du lịch. Tăng cường quỹ đất và không gian cây xanh, tạo cảnh quan thoáng đãng. Bố trí thêm các thùng rác trong khu vực khu di tích.

Thứ mười, đối với điểm di tích đền Mẫu, đền Nưa, đền Bà Triệu là những điểm thu hút nhiều khách du lịch, do đó cần xem xét xây dựng thêm các nhà trưng bày hiện vật, bổ sung di tích bằng những hiện vật gốc, có giá trị lịch sử, nghệ thuật, khoa học.

Hiện nay, việc tu bổ tôn tạo, phục hồi các di tích đang được xã hội hóa một cách rộng rãi, đem lại hiệu quả to lớn, nhưng đồng thời cũng bộc lộ nhiều yếu kém, sai sót. Để khắc phục tình trạng trên, một mặt cơ quan chức năng về

quản lý cần tăng cường kiểm tra và xử lý kịp thời các sai phạm, đẩy mạnh công tác tuyên truyền hướng dẫn, hỗ trợ cụ thể của các cơ quan và cán bộ chuyên môn. Có như vậy mới huy động có hiệu quả nguồn lực xã hội vào việc bảo tồn, tôn tạo, tu bổ phục hồi các di tích, xây dựng khu di lịch văn hóa, tâm linh phục vụ cho đồng đảo công chúng và khách tham quan.

3.1.2. Khôi phục bản sắc truyền thống của các lễ hội, các loại hình văn nghệ dân gian

Trong đời sống con người, lễ hội chiếm một vai trò hết sức quan trọng bởi nó không chỉ mang yếu tố tâm linh mà còn mang tính sinh hoạt cộng đồng với ý nghĩa rất lớn. Tuy nhiên tham gia tổ chức như thế nào để không chỉ bảo tồn mà còn phát huy được những ý nghĩa tích cực của lễ hội đặc biệt là lễ hội truyền thống thì không phải ai cũng biết và thực hiện đúng. Các lễ hội góp phần làm nên một bộ phận của di sản văn hóa, bởi thế nếu không được tổ chức một cách hợp lý thì tính văn hóa truyền thống cũng bị mất đi ngay trong chính bản thân lễ hội đó. Để khôi phục bản sắc văn hóa truyền thống của các lễ hội trên địa bàn huyện Triệu Sơn, đề tài xin được đưa ra một số giải pháp sau:

- Sở văn hóa thể thao và du lịch tỉnh Thanh Hóa cũng như Phòng Văn hóa thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn cần phối hợp với các cấp, các ngành tăng cường công tác quản lý nhà nước về lễ hội: hướng dẫn, kiểm tra từ khâu chuẩn bị đến việc tổ chức lễ hội.

- Cần phải duy trì các lễ hội truyền thống như lễ hội Đền Nưa - Am Tiên, lễ hội phủ Tía... sưu tầm và phát huy được giá trị của lễ hội, thu hút không chỉ người dân địa phương mà còn các du khách từ nơi khác đến. Việc tổ chức lễ hội hàng năm và khôi phục lại những phong tục, nghi lễ, trò chơi, văn hóa ẩm thực... giúp cho bản sắc văn hóa nơi đây được củng cố, giữ gìn và phát huy bền vững hơn qua thời gian. Đặc biệt tổ chức lễ hội là một hướng khai thác văn hóa có tiềm năng lớn, bởi vào dịp lễ hội khách thập phương đến rất đông, nếu khai thác tốt thì đạt được lợi ích cả về văn hóa và kinh tế.

- Tiến hành rà soát, tăng cường công tác quản lý, nghiên cứu và có các bước thử nghiệm để định hình các nghi thức lễ và các hoạt động hội. Trước khi mở hội, phải có sự tính toán cân nhắc kỹ lưỡng, có kế hoạch chi tiết, cụ thể, bên cạnh đó phục hồi những trò chơi dân gian truyền thống để minh họa cho phần hội thêm phong phú. Lễ hội cần phải được tổ chức quy củ và hài hòa cả phần lễ và phần hội. Hơn nữa cần hạn chế những mặt trái của lễ hội như các hủ tục lạc hậu, hạn chế đốt vàng mã, hương hoa; không để các trò chơi trá hình diễn ra nhằm lừa du khách thập phương khi đến lễ hội, chống mọi biểu hiện thương mại hóa lễ hội bằng việc đặt hòm công đức bừa bãi.

- Bên cạnh đó, cần xây dựng một quy hoạch tổng thể về không gian tổ chức lễ hội bao gồm khu vực hành lễ (khu vực trung tâm của lễ hội) tại đền Nưa, sân đền và một số vùng phụ cận xung quanh di tích, khu vực tổ chức trò chơi (hội) và các khu dịch vụ (trông giữ phương tiện vận chuyển, ăn uống, bán hàng lưu niệm và các dịch vụ bổ sung khác). Nói cách khác, để tăng cường hoạt động đảm bảo trật tự an ninh trong lễ hội, tránh tình trạng chen lấn xô đẩy nhau trong lễ hội và ùn tắc tại một số điểm khi tiến hành rước và hành lễ tình trạng chen lấn xô đẩy như hiện nay, địa phương cần xây dựng quy hoạch tổng thể cho không gian lễ hội, bảo tồn và hoàn trả mặt bằng của di tích; đồng thời Ban tổ chức cần phối hợp thực hiện với chính quyền xã và lực lượng dân phòng thực hiện công tác giữ gìn an ninh trật tự cho lễ hội.

- Tuyên truyền các giá trị lịch sử văn hóa và tôn vinh công trạng của danh nhân để nhân dân và du khách thập phương hiểu rõ giá trị của di tích cũng như những quy định của pháp luật có liên quan, kịp thời uốn nắn các biểu hiện lệch lạc; đẩy mạnh tuyên truyền và thực hiện nếp sống văn hóa trong lễ hội, đồng thời quảng bá tiềm năng văn hóa, thể thao và du lịch làm cho lễ hội ngày càng văn minh, thật sự trở thành ngày hội văn hóa của nhân dân, góp phần tích cực vào sự thúc đẩy hợp tác phát triển kinh tế - văn hóa của địa phương. Để lễ hội thêm phần sôi nổi, cần đẩy mạnh hoạt động sáng tạo văn học nghệ thuật chào

mừng tưởng nhớ công ơn Bà Triệu, đặc biệt cần tăng cường tổ chức biểu diễn nghệ thuật truyền thống phục vụ nhân dân.

- Chính quyền địa phương cần chỉ đạo các ngành chức năng quản lý chặt chẽ việc quy hoạch sắp xếp các hàng quán, dịch vụ vui chơi giải trí hợp lý, tạo điều kiện để nhân dân địa phương có thêm thu nhập nhưng vẫn bảo đảm tính văn hóa trong các hoạt động dịch vụ, giữ gìn được cảnh quan môi trường, bảo vệ các di tích lịch sử, văn hóa và thắng cảnh. Bên cạnh đó, địa phương cũng cần nghiêm túc thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch về hình thức tổ chức và thời gian lễ hội, không kéo dài làm ảnh hưởng tới lao động, sản xuất, học tập và công tác của mọi tầng lớp nhân dân.

- Địa phương cần phối hợp và tìm kiếm sự hỗ trợ của các cơ quan chức năng để tăng cường công tác thông tin tuyên truyền cho lễ hội. Trước hết cần nâng cao nhận thức của khách về dự lễ hội là vấn đề cần được quan tâm hơn nữa. Nhiều nghi lễ, trò diễn được người dân tham gia hay thực hiện nhưng không phải là họ đã hiểu hết giá trị văn hóa của nó. Hiện nay đi lễ hội nhiều người không hiểu hết ý nghĩa của lễ hội, thiếu sự hiểu biết về lễ hội truyền thống do vậy mà tạo nên sự hỗn loạn: cúng thuê, khấn thuê, đốt vàng mã, một số người trục lợi giả danh lập đền thờ, miếu mạo... Không ít người đã đồng nhất đi lễ đầu năm với việc cúng bái đã làm mất ý nghĩa của cuộc hành hương về với cội nguồn. Để khắc phục sự thiếu hiểu biết này về lễ hội, việc tuyên truyền, phổ biến kiến thức hiểu biết về lễ hội cổ truyền là cần thiết để mọi người tham gia lễ hội đều hiểu am tường giá trị văn hóa của lễ hội, từ nhân vật thờ phụng đến nghi lễ, từ trò diễn tới trò chơi, từ vật dâng cúng đến diễn biến của lễ hội. Lễ hội cần được tuyên truyền qua nhiều kênh báo chí, thông tin đại chúng, tờ rơi, tập gấp, thuyết minh của hướng dẫn viên... Việc tuyên truyền quảng bá cũng có thể thực hiện ngay trong bản thân tổ chức lễ hội, thông qua việc lược thuật lịch sử, sự tích của di tích và lễ hội. Bên cạnh các hoạt động tuyên truyền, tổ chức các buổi ngoại khóa cho các em học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông nhằm giáo

dục cho các em về lịch sử cũng như hiểu và ý thức được những giá trị văn hóa quý báu của quê hương. Đồng thời nâng cao lòng tự hào về quê hương, phát huy truyền thống đó trong học tập và cuộc sống bởi đây sẽ là những đối tượng, thế hệ tiếp quản, người giữ gìn lễ hội trong tương lai.

3.2. Giải pháp về phát triển du lịch

3.2.1. Xây dựng hình ảnh điểm đến cho du lịch Triệu Sơn - Thanh Hóa

Bất cứ điểm đến du lịch nào cũng muốn có một hình ảnh đẹp, ấn tượng tốt trong lòng du khách. Hình ảnh của một điểm đến là sự đánh giá của khách du lịch về điểm đến dựa trên niềm tin, thái độ và quan điểm của họ. Trong suy nghĩ của du khách có thể bao gồm cả những ấn tượng tích cực và tiêu cực về điểm đến. Những ấn tượng này có thể là kết quả của những kinh nghiệm thực tế hoặc cũng có thể không. Hình ảnh của điểm đến được tạo ra từ những tác động trực tiếp và gián tiếp như: Marketing trực tiếp, các phương thức giao tiếp Marketing khác và quan điểm của du khách về các yếu tố như tính an toàn, khả năng chi trả, khả năng tiếp cận và các đặc điểm hấp dẫn [24].

Hình ảnh chiếm một vai trò chủ chốt trong quá trình lựa chọn điểm đến, đặc biệt đối với khách du lịch thuần túy. Đối với những người chưa từng đến thăm một điểm đến nào đó, sản phẩm du lịch không hiện hữu và vì thế họ không thể quan sát, chạm vào và cảm nhận trước được. Đây chính là lý do khiến những đối tượng khách du lịch tiềm năng thường dựa vào hình ảnh để đưa ra quyết định lựa chọn điểm đến này hay điểm đến khác.

Trách nhiệm của người phụ trách điểm đến là tạo dựng được một hình ảnh tích cực trong con mắt du khách ở thị trường mục tiêu. Tổ chức quản lý nhà nước về du lịch sẽ sử dụng chiến lược định vị và xây dựng thương hiệu để cố gắng cải thiện hay thay đổi hình ảnh của một điểm đến theo hướng tích cực để khuyến khích khách du lịch tới viếng thăm. Vì lẽ đó, việc quản lý thành công khu di tích là một nhiệm vụ phức tạp đòi hỏi sự tham gia tích cực của tất cả các thành phần có liên quan đến hoạt động du lịch ở đây. Với những đặc trưng vốn

có của mình, Triệu Sơn thừa hưởng những sức hấp dẫn về du lịch sinh thái, văn hóa. Tuy nhiên chưa có những định hướng cụ thể, những hướng đi đúng đắn cho mục tiêu lâu dài trong việc xây dựng hình ảnh cho du lịch Triệu Sơn. Nhìn chung đến nay, huyện đã phát huy lợi thế của mình và đang triển khai, khai thác các tiềm năng du lịch nhân văn và cảnh quan thiên nhiên ban tặng. Tuy nhiên, sản phẩm du lịch còn đơn điệu, hạn chế, chất lượng các dịch vụ còn yếu kém.

Trong hoạt động xây dựng điểm đến, chiến lược tuyên truyền, quảng bá đóng vai trò lớn. Cần tăng lượng thông tin về các di tích lịch sử văn hóa đến với du khách, chủ động tích cực triển khai chiến dịch tuyên truyền quảng bá: đa dạng hóa các ấn phẩm, vật phẩm về hình ảnh và tài liệu, không gian di tích...; quảng bá trên các tập gấp, tờ rơi, sách, đĩa CD, DVD... Đó là những thông điệp đầu tiên gửi đến du khách, nhưng có ý nghĩa lớn đến việc đi tour của du khách. Mặt khác đặc biệt chú ý đến vấn đề ngôn ngữ của ấn phẩm quảng cáo; có thể dịch ra một số ngôn ngữ phổ biến như tiếng Anh, tiếng Nhật... Một biện pháp nữa là cần tăng cường phối hợp với đài truyền hình tỉnh xây dựng các chuyên mục giới thiệu các tour du lịch tại Triệu Sơn. Cung cấp thông tin về du lịch di tích thông qua mạng internet, trên website của ngành, ở đó thường xuyên cập nhật, bổ sung dữ liệu điểm đến, thời gian lễ hội, nội dung lễ hội, bản đồ du lịch, phương tiện vận chuyển, lưu trú... Tích cực, mạnh dạn tham gia các chương trình xúc tiến du lịch và định kỳ tổ chức hội thảo chuyên đề về di tích nhằm tranh thủ bổ sung kho dữ liệu cũng là một trong những biện pháp quảng bá hữu hiệu cho du lịch Triệu Sơn nói riêng, Thanh Hóa nói chung.

Bên cạnh đó, cũng cần phát triển thương hiệu thông qua các hãng lữ hành. Các hoạt động truyền thông này tập trung vào kênh trung gian như công ty du lịch, đại lý lữ hành để thông tin kích thích, hấp dẫn, thuyết phục các du khách và từ kênh trung gian sẽ thông tin đến khách hàng hình ảnh du lịch của huyện.

Sau khi xác lập được các kênh quảng cáo tuyên truyền, huyện cũng cần xác định sản phẩm du lịch chính và các sản phẩm hỗ trợ, đó là tài nguyên nhân

văn, hệ thống các di tích lễ hội và các khu sinh thái thiên nhiên, để xây dựng trọng tâm hình ảnh du lịch huyện.

Để nâng cao sức thuyết phục đối với du khách, trước hết, huyện Triệu Sơn phải hoàn thiện điều kiện sẵn sàng đón tiếp như đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kĩ thuật; hệ thống cơ sở lưu trú, cơ sở phục vụ ăn uống, các điểm vui chơi, mua sắm... đồng thời nâng cao chất lượng của các nhà hàng, khách sạn đặc biệt là chất lượng phục vụ của nhân lực trong ngành du lịch.

Xây dựng và phát triển hình ảnh điểm đến du lịch là một hoạt động vô cùng cần thiết, có ý nghĩa hết sức to lớn không chỉ riêng cá nhân của huyện, bên trong đó là các doanh nghiệp, các tổ chức khác có thêm điều kiện cơ hội mới để hội nhập và phát triển. Với những tiềm năng về tài nguyên du lịch hấp dẫn như vậy, huyện Triệu Sơn cần có những định hướng xác định xây dựng thành điểm đến du lịch hấp dẫn không chỉ với nhân dân địa phương mà còn hướng tới các du khách từ những địa phương và vùng miền khác.

3.2.2. Xây dựng tour du lịch chuyên đề

Bên cạnh các sản phẩm du lịch như du lịch tham quan các di tích lịch sử văn hóa, du lịch lễ hội cần xây dựng sản phẩm du lịch mới... nhằm đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch.. Ở đây người viết xin đưa ra một số định hướng khi xây dựng tour du lịch chuyên đề huyện Triệu Sơn:

- Các chương trình cần phù hợp với quy hoạch các tuyến du lịch, phù hợp với định hướng sản phẩm du lịch chủ đạo của huyện nhằm mang đến lợi thế đặc thù cho sản phẩm.

- Bên cạnh đó, các chương trình du lịch nên thiết kế là các chương trình mở (open tour). Ngoài chương trình khung, ở mỗi thời điểm thích hợp nên có các hoạt động bổ sung (thời điểm lễ hội, sự kiện, sản phẩm, dịch vụ mới...) nhằm mang lại sự linh hoạt phong phú cho chương trình du lịch.

- Các chương trình du lịch huyện Triệu Sơn nên thiết kế dưới dạng chương trình du lịch địa phương (Local tour) để phù hợp với điều kiện thực tiễn,

xây dựng các chương trình du lịch ngắn ngày (không quá 2 ngày). Trong tương lai, khi các sản phẩm du lịch được đầu tư nhiều hơn, sẽ có các chương trình du lịch với thời gian kéo dài hơn.

Trên cơ sở những định hướng trên, người viết xin đề xuất một chương trình du lịch như sau:

Tour du lịch núi Nưa - Triệu Sơn (1 ngày):

***Hà Nội - Khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh núi Nưa - Đền Bà Triệu
(Hậu Lộc) - Hà Nội.***

04h00: Xe và HDV đón Quý khách tại điểm hẹn, khởi hành đi **Triệu Sơn**, Thanh Hóa. Quý khách tự túc ăn sáng trên đường đi.

09h30: Đến Núi Nưa thuộc xã **Tân Ninh, huyện Triệu Sơn**, cách thành phố Thanh Hóa chừng 28 km về phía Tây. Đây là nơi đầu thế kỷ thứ III (năm 248) **Bà Triệu** đã tụ hội nghĩa binh, phát cờ khởi nghĩa chống quân Ngô tại dãy núi Nưa.

Du khách sẽ dừng chân dâng hương tại đền Nưa ở chân núi.

Du khách đi bộ lên đỉnh Am Tiên: Dâng hương ở đền Bà Triệu; thăm **động Am Tiên** - nơi tu tiên của vị đạo sĩ thời Trần - Hồ; đến thăm **Giếng Tiên** một giếng nước tự nhiên đặc biệt, tuy ở độ cao nhưng vẫn có mạch nước ngầm chảy ra trong vắt, không bao giờ cạn; thăm **bàn cờ Tiên, vườn thuốc Tiên** và **vườn đào Tiên** mà sử sách và truyền thuyết đã nhắc đến như một trung tâm của sự tu tiên - đắc đạo; cuối cùng thăm quan huyệt khí thiêng của quốc gia.

12h00: Ăn trưa, nghỉ ngơi.

Chiều: Quý khách lên xe về Hà Nội trên đường đoàn thăm quan và làm lễ dâng hương tại **đền Bà Triệu** trên ngọn núi Gai, cạnh quốc lộ 1, thuộc làng Phú Điền, huyện Hậu Lộc. Sau khi làm lễ tiếp tục hành trình đoàn lên xe khởi hành về Hà Nội.

20h00: Về đến điểm hẹn ban đầu, chia tay đoàn, kết thúc chuyên đi.

Tour du lịch chuyên đề Lễ hội ở Phủ Na (1 ngày):

(Thành phố Thanh Hóa - Khu di tích Phủ Na - Thanh Hóa)

Chương trình du lịch này có thể tổ chức vào đúng dịp diễn ra lễ hội ở Khu di tích Phủ Na với hai dịp khai hội: từ ngày mùng 1 đến ngày 16 tháng 2 âm lịch và từ mùng 1 đến 16 tháng tám âm lịch. Xuất phát từ thành phố Thanh Hóa lúc 7h00, chỉ khoảng 8h00, du khách sẽ đặt chân đến Khu di tích Phủ Na. Đến với tour du lịch này, du khách sẽ được chiêm ngưỡng một quần thể kiến trúc theo tín ngưỡng dân gian thờ Đạo Mẫu, gồm có 7 công trình chính là: Đền Tĩnh, Đền Đức Ông, Đền Quan Hoàng, Đền Mẫu, Đền Cô Chín và hai khu thờ Chúa thượng Ngàn và đức Thánh Tản Viên. Ngoài ra, nếu đến vào chính hội, du khách sẽ được tham gia vào Hội cầu tài cầu lộc với đậm đà màu sắc văn hóa Mường, đặc biệt là nghi lễ rước kiệu thánh Mẫu Liễu Hạnh. Nơi đầu tiên rước kiệu là đền thờ Tản Viên Sơn Thánh, làm lễ xong mới rước đến các đền khác theo thứ tự đền Thượng Ngàn, đền Cô Chín, đền các Quan Hoàng, đền Đức Ông rồi đến đền Cô Ba Đón, sau mới rước từ đền Cô Ba Đón lên thẳng đền Mẫu Liễu Hạnh để làm lễ. Độc đáo nhất là 16 người con gái khiêng kiệu bát công và 8 cô khiêng kiệu võng đều phải mặc bộ nữ phục Mường và theo sau là một dàn công chiêng đủ bộ gồm 12 chiếc từ nhỏ đến lớn cũng do 12 cô gái mặc nữ phục Mường phụ trách biểu diễn. Tham dự lễ hội xong, du khách có thể chờ để lấy nước thánh về để cầu may và gửi gắm những ước nguyện tâm linh đến các vị thánh, thần.

Các Tour du lịch chuyên đề nói trên chủ yếu hướng tới nhóm khách hàng nghiên cứu, hoặc thực hiện nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng kết hợp với du lịch, do vậy lượng khách thường không nhiều và chi phí không cao. Do đó, để thu hút lượng khách du lịch đến với Triệu Sơn nhiều hơn nữa, cần xem xét xây dựng nhiều tour du lịch tổng hợp, kết hợp nhiều tài nguyên và điểm du lịch khác nhằm tạo sự hấp dẫn, phong phú cho chương trình.

3.2.3. Kết hợp với các tuyến điểm du lịch khác

Triệu Sơn là huyện có tiềm năng về du lịch. Hiện tại, huyện đã xác định đưa du lịch thành ngành kinh tế quan trọng và đang từng bước thực hiện quy hoạch hạ tầng, nâng cao năng lực cạnh tranh du lịch. Cùng với chính sách phát triển du lịch, huyện nên kết hợp giữa du lịch tham quan, du lịch lễ hội tại Khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh Núi Nưa với các địa điểm du lịch khác trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa để hình thành những tour du lịch hấp dẫn du khách. Mặt khác, để khắc phục tính mùa vụ trong du lịch lễ hội cần phải có sự kết hợp giữa loại hình du lịch văn hóa tâm linh với các loại hình du lịch khác như: du lịch biển, du lịch thăm quan các di tích lịch sử văn hóa, du lịch sinh thái... Sau đây là một số gợi ý nhằm đưa Khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh Núi Nưa vào khai thác trong du lịch kết hợp với các tuyến điểm du lịch nổi tiếng khác trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa:

** Tuyến du lịch nội huyện: Khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh Núi Nưa - Đảo cò Tiến Nông: kết hợp loại hình du lịch tham quan (du lịch tâm linh) với du lịch sinh thái nhằm khai thác tối đa tài nguyên du lịch nhân văn và tự nhiên có trên địa bàn huyện.*

Cách thị trấn huyện Triệu Sơn chưa đầy 5km, một vườn cò rộng tới 3 ha luôn đông đúc và tồn tại cùng với thời gian ở làng Nga, xã Tiến Nông. Khác với vị trí rừng cây hay đồi núi hiểm trở của những vườn cò khác trong cả nước, vườn cò này nằm xen giữa khu dân cư trong một hồ nước lớn, chung quanh là hào sâu ngăn cách khó vượt qua. Đó cũng chính là nguyên nhân mà nhiều đời nay, vườn cò vẫn tồn tại, nhiều loài chim, vạc, cuốc... vẫn sinh sôi, làm tổ.

Tại vườn chim này, không chỉ có cò, vạc mà đây còn là nơi ở của nhiều loài chim như: vịt trời, le le, cuốc, bìm bịp, bồ câu hoang và đặc biệt đang có 5 cá thể bò nông sinh sống. Theo người dân địa phương, nơi đây có sự hội tụ của gần hết các loài cò như: cò ruồi, cò trắng, cò bợ, cò hương... Theo ước tính, hiện tại có khoảng hơn 2 vạn con cò và 1 vạn con vạc đang sinh sống tại đây. Hy vọng rằng trong thời gian tới đề án phát triển du lịch của huyện Triệu Sơn được triển khai, một cây cầu Vạn bắc qua sông Hoàng sẽ được mở ra, nối xã Tiến

Nông với các xã phía nam của huyện Đông Sơn. “Đảo cò” sẽ trở thành một điểm du lịch trong cuộc hành trình Sầm Sơn - đảo cò Tiến Nông - Phủ Na - Am Tiên. Và, “đảo cò” sẽ là nơi cư ngụ an toàn và bền vững của đàn chim [28].

* *Tuyến du lịch Triệu Sơn - Thành Phố Thanh Hóa - Sầm Sơn*: Kết hợp tham quan khu di tích núi Nưa, với tuyến tham quan Khu Du lịch văn hóa Hàm Rồng và tắm biển nghỉ dưỡng ở biển Sầm Sơn.

Khu Du lịch văn hóa Hàm Rồng nằm cách trung tâm thành phố TP Thanh Hóa chừng 3 km, có diện tích trên 50 ha, trong đó có khoảng 27 ha là mặt nước, được bao quanh bởi núi Rồng, làng cổ Đông Sơn, chùa Tăng Phúc, động Tiên Sơn, đền thờ Trần Khát Chân - Lê Uy. Đến đây, du khách sẽ được thưởng lãm bức tranh thiên nhiên kỳ thú với núi Hàm Rồng uốn lượn bên dòng sông Mã. Trên núi Rồng còn có động Long Quang có hang ăn thông sang bên kia như hai mắt rồng. Đối diện với núi Rồng bên kia sông là núi Ngọc, tên chữ là Hỏa Châu Phong. Xung quanh núi Hàm Rồng còn có nhiều ngọn núi với tên gọi và hình dáng ngoạn mục. Đến với Khu Du lịch văn hóa Hàm Rồng là đến với những chiến công hiển hách của quân và dân Thanh Hóa trong kháng chiến chống Mỹ, đến với biểu tượng cây cầu Hàm Rồng huyền thoại [31].

Nơi đây, tách ra khỏi cái sôi động của phố phường còn có Đông Sơn cổ kính, với những cổng làng rêu phong mở vào lối đi lát gạch nhỏ, hẹp và những nếp nhà ngót trăm năm tuổi. Làng cổ Đông Sơn còn là địa điểm khảo cổ, trong đó những kết quả nghiên cứu và sưu tập hiện vật độc đáo trong những lần khai quật đã đóng vai trò quan trọng trong việc tìm hiểu diễn trình phát triển của người Việt cổ [31].

Khu du lịch Sầm Sơn nằm cách năm ở thị xã Sầm Sơn, trong những năm đầu của thế kỉ 20, Sầm Sơn không những được quan chức người Pháp biết đến mà còn có vua quan nhà Nguyễn và khách du lịch biết đến như một nơi nghỉ dưỡng lý tưởng với những bãi cát trắng mịn dài hơn 10 km. Đây là một vùng trời nước mênh mông, nhiều hải sản quý. Ngoài bãi biển đẹp, khu du lịch Sầm Sơn còn được thiên nhiên phú cho nhiều danh lam thắng cảnh đẹp như dãy núi

Trường Lệ với các thắng tích như hòn Trống Mái, chùa Cô Tiên, đền Độc Cước tạo nên một màu sắc huyền thoại lung linh. Biển Sầm Sơn bao la còn là nơi cung cấp nguồn hải sản phong phú như tôm, cá mực, cua, các loại hải sản quý khác... Ngoài du lịch biển, gần đây Sầm Sơn còn mở nhiều loại hình vui chơi giải trí khác để thu hút du lịch như: Khu du lịch văn hóa - vui chơi giải trí “Huyền thoại thần Độc Cước”, “Khu nhà luyện tập và thi đấu thể dục thể thao tổng hợp”, Khu sinh thái Quảng Cư, Khu du lịch văn hóa núi Trường Lệ [29]. Đây là bãi biển đẹp nổi tiếng, là điểm du lịch hấp dẫn đối với các du khách khi tới Thanh Hóa.

Điểm mạnh của chương trình du lịch này là kết hợp được ba loại hình du lịch với nhiều điểm đến thú vị: du lịch tâm linh tại Khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh Núi Nưa - du lịch văn hóa tại Khu du lịch văn hóa Hàm Rồng và Du lịch biển tại bãi biển Sầm Sơn. Tin rằng với một chương trình du lịch như vậy sẽ đem lại cho du khách nhiều trải nghiệm và đáp ứng nhu cầu “lên rừng xuống biển” của nhiều đối tượng du khách.

* *Tuyến du lịch Triệu Sơn - Lam Kinh (Thọ Xuân)*: Kết hợp thăm quan di tích núi Nưa và thăm quan khu di tích Lam Kinh, hay còn gọi là Tây Kinh, nơi gìn giữ miếu tường của Nhà Lê, nằm trên địa bàn xã Xuân Lam, Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Lam Kinh là quê hương đất tổ của triều đại nhà Lê, nơi sinh ra anh hùng dân tộc Lê Lợi, nơi phát tích cuộc khởi nghĩa Lam Sơn lừng lẫy chiến công thế kỷ XV, nơi tụ họp những anh hùng hào kiệt khắp bốn phương chung sức chung lòng đứng lên đánh giặc Minh cứu nước. Với diện tích rộng khoảng 30ha, gồm những lăng phần, đền miếu và một hành cung của các vua nhà Hậu Lê mỗi lần về bái yết tổ tiên. Trong khu Sơn Lăng của triều Lê Sơ ở Lam Kinh gồm có 8 lăng của các Vua và Hoàng Hậu, trong đó lăng của Lê Thái Tổ mai táng ở điểm huyết quan trọng và thần diệu nhất. Lăng của các vua kế nghiệp và Hoàng Hậu mai táng ở hai phía Đông và Tây. Ở đây, ngoài việc viếng thăm lăng tẩm của vua Lê Thái Tổ, bia Vĩnh Lăng do Nguyễn Trãi biên soạn hay cây đa cổ thụ ngàn năm, ngôi giếng cổ, đôi rồng

đá, bạn đừng quên “sờ” thử một lần “cây ôi cười” trong lăng mộ của vua. Với những giá trị lịch sử, kiến trúc nghệ thuật, khu di tích Lam Kinh đã được xếp hạng di tích cấp quốc gia. Những năm gần đây, Nhà nước đầu tư khá lớn để khôi phục nhiều di tích ở Lam Kinh, biến nơi này thành một điểm du lịch văn hóa, lịch sử hấp dẫn [32].

* *Tuyến du lịch Triệu Sơn - Đền Bà Triệu (Hậu Lộc) - Nga Sơn*: Kết hợp tuyến du lịch thăm quan di tích núi Nưa, đền Bà Triệu (Hậu Lộc) và thăm quan thắng cảnh động Từ Thức, đền Mai An Tiêm tại huyện Nga Sơn. Chương trình du lịch này vừa có ý nghĩa kết nối hai di tích thờ nữ tướng Triệu Trinh Nương tiêu biểu trên đất Thanh Hóa, cũng đồng thời kết nối hai địa phương còn lưu truyền nhiều truyền thuyết ly kỳ và hấp dẫn về đạo tu tiên - đánh dấu một thời kỳ Đạo giáo được truyền bá và phát triển mạnh mẽ ở xứ Thanh.

Đền Bà Triệu thuộc làng Phú Điền xã Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc tỉnh Thanh Hóa. Nếu như Đền Bà Triệu ở Núi Nưa ghi dấu nơi khởi phát của cuộc khởi nghĩa chống quân Đông Ngô thế kỷ thứ III thì Đền Bà Triệu ở Hậu Lộc với danh thắng Núi Tùng ghi dấu nơi Bà đã tuấn tiết sau khi khởi nghĩa thất bại để giữ gìn phẩm hạnh tránh bị rơi vào tay quân thù. Khu di tích Bà Triệu ở Hậu Lộc đã được công nhận là Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia. Ở phía Bắc cách đền Bà Triệu khoảng gần 1km là làng xóm trù mật, đông vui trong đó có ngôi đình làng Phú Điền cũng thờ Bà Triệu với danh nghĩa Thành hoàng làng. Sau rất nhiều lần trùng tu qua các thời kỳ, đến nay đền Bà Triệu được xây dựng theo hình thức kiến trúc truyền thống vùng đồng bằng Bắc Trung Bộ trên diện tích gần 4ha với cổng ngoại, hồ nước hình chữ nhật, bình phong, cổng nội, tả hữu mạc, tiền đường, trung đường và hậu cung. Bên cạnh những nét kiến trúc độc đáo, đến với đền Bà Triệu còn là nơi lưu giữ nhiều hiện vật quý hiếm và một kho tàng các sự tích, huyền thoại, câu đối, ca dao, thơ... Nhiều cổ vật được lưu giữ ở nơi đây như 10 cuốn thần phả viết bằng chữ Hán, 65 đạo sắc phong qua các

triều đại... Đây là một trong những điểm du lịch tâm linh hấp dẫn của Thanh Hóa gắn liền với tên tuổi của vị nữ tướng anh hùng Triệu Trinh Nương [19].

Động Từ Thức thuộc địa phận xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Trước đây động Từ Thức có tên là động Bích Đào nhưng vì gắn với câu chuyện tình Từ Thức gặp tiên nên sau này dân gian đổi gọi là động Từ Thức. Động Từ Thức là danh thắng được xếp hạng quốc gia. Dưới ánh điện mờ, thạch nhũ muôn hình vạn trạng lóng lánh sắc màu được nhân hóa có rất nhiều nhũ đá tạo thành những hình thù độc đáo và được gắn liền với truyền thuyết về Từ Thức và Giáng Hương như đóa mẫu đơn, mâm xôi, kho thóc... đưa du khách đến với không gian thần tiên cổ tích [35].

Đền thờ Mai An Tiêm là ngôi đền nhỏ đơn sơ nép mình bên sườn núi nhưng chứa đựng cả một huyền thoại đẹp được lưu truyền từ bao đời nay. Mai An Tiêm là người có công khai phá Nga Sơn từ những buổi bình minh của đất nước. Dưa hấu Mai An Tiêm là một đặc sản rất nổi tiếng ở Nga Sơn [30].

* *Tuyến du lịch Triệu Sơn - Thành Nhà Hồ - Suối cá Cẩm Thủy*: Thăm quan khu di tích Núi Nưa kết hợp thăm quan Thành nhà Hồ và suối cá Cẩm Thủy - kết hợp du lịch tâm linh với du lịch văn hóa và du lịch sinh thái.

Khu du lịch Thành nhà Hồ ngoài thành đá cổ còn có động Kim Sơn, phủ Trịnh - Nghè Vẹt, đền thờ nàng Bình Khương, nhà cổ Tây Giai... Thành nhà Hồ đã được tổ chức UNESCO công nhận là di sản văn hóa Thế giới năm 2011. Trong hồ sơ di sản thế giới, thành Nhà Hồ được mô tả là một công trình kỳ vĩ bởi kỹ thuật và nghệ thuật xây dựng đá lớn và sự kết hợp các truyền thống xây dựng độc đáo có một không hai ở Việt Nam, khu vực Đông Á và Đông Nam Á trong thời kỳ cuối thế kỷ 14, đầu thế kỷ 15. Nhờ kỹ thuật xây dựng độc đáo, sử dụng các vật liệu bền vững, đặc biệt là các khối đá lớn, thành Nhà Hồ được bảo tồn rất tốt trong cảnh quan thiên nhiên hầu như còn nguyên vẹn. Đây là một trong số ít các di tích kinh thành chưa chịu nhiều tác động của quá trình đô thị hóa, cảnh quan và quy mô kiến trúc còn được bảo tồn gần như nguyên vẹn cả trên mặt đất và trong

lòng đất ở khu vực Đông Á và Đông Nam Á và là điểm du lịch hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước mỗi khi tới du lịch tại Thanh Hóa [33].

Nằm khép mình bên chân núi Trường Sinh hùng vĩ, thuộc bản Ngọc, xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy, Thanh Hóa; “suối cá thần” từ lâu luôn ẩn chứa những câu chuyện huyền bí xung quanh nguồn gốc của suối cá... Sự bí ẩn cùng với những câu chuyện mang đậm chất liêu trai đã giữ được vẻ tự nhiên, nguyên sơ “độc nhất vô nhị” của suối cá. Cá ở đây rất hiền, bơi một cách chậm chạp dưới dòng suối tĩnh lặng và trong vắt. Du khách sẽ luôn cảm thấy thoải mái trước nhịp sống rất chậm ở nơi đây, họ có thể cho cá ăn bông ngô, bim bim, các loại rau... Đến bản Ngọc du khách không chỉ được tham quan “suối cá thần”, mà còn có cơ hội thưởng thức các món ăn đặc sản miền sơn cước như cơm lam, ngô nướng, rượu cần... ; ngắm nhìn những ngôi nhà đơn sơ của đồng bào tộc người Mường nằm khuất bên sườn núi, tìm hiểu tập tục độc đáo như dệt thổ cẩm, múa pòn - pông... chìm đắm trong không gian yên bình của vùng rừng núi. Với những nét đẹp độc đáo và nguyên sơ ấy, suối cá Cẩm Thủy được Nhà nước xếp hạng là một trong những danh thắng quốc gia [26].

3.2.4. Đa dạng hóa sản phẩm du lịch Triệu Sơn

Sự phát triển nhanh chóng của du lịch toàn cầu và những xu hướng du lịch mới xuất hiện thời gian gần đây đã và đang thúc đẩy sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa các quốc gia trên thế giới về du lịch. Bên cạnh các hoạt động tuyên truyền, quảng bá xúc tiến du lịch, các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, nhà hàng, khách sạn... một yếu tố làm nên lợi thế và sức mạnh cạnh tranh chính là tính hấp dẫn của sản phẩm du lịch. Có thể nói, chất lượng cũng như sự đa dạng của sản phẩm du lịch đóng vai trò lớn trong việc kích thích nhu cầu, thu hút du khách đến với địa phương, đất nước nhiều hơn.

Huyện Triệu Sơn thuộc tỉnh Thanh Hóa với Khu di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Núi Nưa là nơi có tiềm năng cả về tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh du lịch của

Triệu Sơn chỉ mới bắt đầu phát triển trong một vài năm gần đây, hiện còn rất hạn chế cả về số lượng, năng lực hoạt động kinh doanh và khả năng cạnh tranh thấp. Toàn huyện chưa có một khu du lịch được đầu tư trọng điểm, tạo ra khu du lịch đặc thù riêng có, đặc biệt, tính hấp dẫn của sản phẩm du lịch chưa được chú trọng xây dựng, quảng bá nên chưa đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và khai thác tối đa khả năng thanh toán của khách du lịch. Những hạn chế đó đang đặt ra nhiều thách thức đối với ngành du lịch của huyện, vì vậy đa dạng hóa sản phẩm du lịch ở Triệu Sơn được coi là vấn đề quan trọng hàng đầu.

Một cách để tăng nguồn thu chính đáng của người dân địa phương là đẩy mạnh việc phát triển sản phẩm hàng hóa, đồ lưu niệm tại khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh Núi Nưa để phục vụ khách du lịch. Cần nghiên cứu để khai thác những nghề thủ công truyền thống của địa phương cũng như các vùng lân cận để tạo ra các mặt hàng lưu niệm có giá trị, những dịch vụ và sản phẩm thu hút được khách và làm hài lòng được khách là các đặc sản địa phương như canh đắng, nem chua, bánh dày làm từ gạo nếp cái hoa vàng...

Đối với dịch vụ bán hàng lưu niệm cần tiến hành quy hoạch khu bán hàng lưu niệm ngoài khu vực vành đai bảo vệ; hướng dẫn các tổ chức cá nhân tham gia các hoạt động bán hàng lưu niệm, chú ý tới các sản phẩm lưu niệm đặc thù của địa phương. Xây dựng quy định riêng đối với dịch vụ này nhằm đảm bảo văn minh, trật tự, an toàn không ép giá. Điều này vừa góp phần thỏa mãn nhu cầu của du khách về lễ hội vừa tạo công ăn việc làm và nguồn thu cho địa phương.

Đa dạng hóa sản phẩm du lịch cũng có thể được thực hiện thông qua những dịch vụ bổ sung như dịch vụ cho thuê phương tiện tham quan. Chẳng hạn như đoạn đường từ đền Nưa lên đỉnh Am Tiên khá xa gần 3 km, trước đây chủ yếu khai thác bằng phương tiện xe máy và ô tô, nhưng để tạo không gian cho du khách có thể thư thả chiêm ngưỡng cảnh đẹp của Núi Nưa, có thể nghiên cứu phát triển các hoạt động hướng dẫn khách sử dụng đi xe ngựa, xe trâu hoặc cho

thuê xe đạp... để tăng tính hấp dẫn đối với du khách. Tuy nhiên cần xây dựng khu đất đỗ phương tiện để đảm bảo trật tự, cảnh quan chung.

Như vậy, với sự nhìn nhận đúng đắn về giá trị của các di tích và lễ hội của khu di tích lịch sử danh lam thắng cảnh Núi Nưa đối với du lịch, với những biện pháp khai thác phù hợp, hoạt động du lịch tại đây chắc chắn sẽ phát triển tốt hơn để trong một tương lai không xa, khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh Núi Nưa sẽ trở thành một trung tâm tâm linh của cả vùng cũng như một điểm du lịch văn hóa hấp dẫn thu hút du khách trong và ngoài nước.

Tiểu kết chương 3

Triệu Sơn là một huyện có bề dày lịch sử văn hóa, thể hiện qua việc dấu tích của thời kì đấu tranh giải phóng dân tộc đến nay vẫn còn in đậm. Nơi đây cũng lưu giữ quần thể di tích mang đậm nét dân gian, chứa đựng những giá trị lịch sử, văn hóa đặc sắc phản ánh những bước thăng trầm của một vùng đất địa linh nhân kiệt. Đây chính là lợi thế để phát triển loại hình du lịch văn hóa, du lịch tâm linh. Việc phát triển những loại hình du lịch này không chỉ đáp ứng nhu cầu tìm hiểu về lịch sử, văn hóa của du khách mà còn giúp bảo tồn các giá trị văn hóa, phong tục tập quán địa phương đồng thời góp phần phát triển cộng đồng thông qua lợi nhuận từ du lịch mang lại.

Mặt khác, Triệu Sơn là vùng đất thiêng, nơi hội tụ của nhiều giá trị văn hóa, tâm linh đặc sắc, tuy nhiên, do hạn chế về nhiều mặt như cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ du lịch còn yếu kém, công tác quản lí và thu hút đầu tư chưa được chú ý, nên những tài nguyên này vẫn chưa được khai thác phục vụ cho du lịch một cách thỏa đáng. Chính vì vậy, mà huyện cần quan tâm hơn nữa tới việc bảo tồn tôn tạo di tích, có những định hướng đúng đắn và biện pháp hữu hiệu nhằm bảo vệ nguồn tài nguyên. Bên cạnh đó, tập trung xây dựng hình ảnh điểm đến du lịch cho huyện, tăng cường tuyên truyền quảng bá qua các kênh thông tin đại chúng và các ấn phẩm văn hóa nhằm mang hình ảnh du lịch Triệu Sơn đến với nhiều du khách trong và ngoài nước. Điều này đòi hỏi các cấp chính quyền, cơ quan đoàn thể cùng quần chúng nhân dân phải phối hợp với nhau để khắc phục khó khăn, để thúc đẩy du lịch phát triển trở thành ngành kinh tế trọng điểm của huyện trong tương lai.

KẾT LUẬN

Ngày nay, cùng với sự phát triển về kinh tế, xã hội, du lịch trở thành một nhu cầu không thể thiếu trong đời sống và hoạt động du lịch đang phát triển mạnh mẽ trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của nhiều nước trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Tỉnh Thanh Hóa xác định đưa du lịch thành ngành kinh tế quan trọng, thực hiện quy hoạch hạ tầng, nâng cao năng lực cạnh tranh du lịch tạo dựng hình ảnh điểm đến du lịch hấp dẫn. Trong bối cảnh phát triển chung ấy, huyện Triệu Sơn với lợi thế về tài nguyên nhân văn cần phải có những định hướng về bảo tồn tôn tạo và phát triển du lịch.

Huyện Triệu Sơn là một vùng quê yên bình, nơi có nguồn tài nguyên phong phú cả về di tích lịch sử, các lễ hội truyền thống cũng như thắng cảnh thiên nhiên tươi đẹp như: Phủ Vạn, Phủ Tía, Chùa Hòa Long, Chùa Lễ Động, khu sinh thái Bãi cò Tiên Nông và đặc biệt là khu di tích lịch sử và danh thắng núi Nưa với các giá trị lịch sử, văn hóa, tâm linh đặc sắc... Đây là những tài nguyên có ý nghĩa đối với việc phát triển hoạt động du lịch của huyện Triệu Sơn nói riêng, tỉnh Thanh Hóa nói chung. Nhưng thực tế cho đến nay, các giá trị của khu di tích lịch sử danh lam thắng cảnh núi Nưa vẫn chưa được khai thác một cách triệt để, đúng mức; hoạt động du lịch sơ khai, thiếu quy hoạch. Bên cạnh đó, hình ảnh du lịch Triệu Sơn gắn với khu di tích danh lam thắng cảnh núi Nưa cũng chưa được phổ biến rộng rãi trong hoạt động du lịch của tỉnh cũng như các hoạt động du lịch trong nước. Bởi vậy, việc xây dựng và nghiên cứu về khu di tích để phục vụ cho hoạt động du lịch ở Triệu Sơn là vấn đề cấp thiết.

Nhìn chung, các tiềm năng này đã được đánh thức, song mới chỉ khai thác và phát huy bước đầu. Để tiềm năng trở thành nguồn lực quan trọng phát triển kinh tế, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu và khám phá về lịch sử, văn hóa, danh thắng, thúc đẩy công cuộc hội nhập cần đẩy mạnh xã hội hóa đối với hoạt động văn hóa du lịch, xây dựng các khu du lịch sinh thái, khôi phục các lễ hội truyền thống,

hoạt động văn nghệ dân gian, sản xuất các mặt hàng quà lưu niệm mang dấu ấn vùng miền... phục vụ du khách và tăng nguồn thu nhập cho người dân.

Để du lịch gặt hái được nhiều thành công và làm được điều này cần có sự quan tâm của các cấp chính quyền và ngành Văn hóa du lịch trong việc bảo tồn tôn tạo, phát triển các giá trị văn hóa của huyện và nhất là ý thức tham gia trong việc bảo vệ cũng như sử dụng các tài nguyên du lịch của người dân địa phương. Từ đó, có những định hướng lâu dài và kế hoạch khai thác hợp lí tiềm năng của khu di tích về quy mô nội dung phù hợp với điều kiện, giai đoạn cụ thể nhằm đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững đồng thời bảo tồn những giá trị văn hóa, giữ gìn kho tàng văn hóa dân tộc cho thế hệ mai sau.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Sách và tài liệu tham khảo:

1. Ban biên soạn và nghiên cứu lịch sử Thanh Hóa, *Danh nhân Triệu Sơn, tập 1*, NXB Thanh Hóa,
2. Ban nghiên cứu lịch sử Thanh Hóa, *Lịch sử Thanh Hóa, tập 2*, NXB Khoa học và xã hội Hà Nội, 1994
3. Cục thuế thống kê tỉnh Thanh Hóa, *Niên giám thống kê 2009*, NXB Thống Kê, 2010.
4. Nhóm nhiều tác giả, *Di tích và danh thắng Thanh Hóa*, NXB Thanh Hóa, 2006
5. Phòng văn hóa huyện Triệu Sơn, *Lí lịch di tích khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh núi Nưa*.
6. Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí, tập 2*, NXB Thuận Hóa, 2006.
7. Ủy ban nhân dân huyện Triệu Sơn, *Điều chỉnh quy hoạch Kinh tế - Xã hội huyện Triệu Sơn thời kì đến năm 2020*.
8. CH Robequain (1932), *Le Thanh Hoa (Bản dịch)*, Thư viện Thanh Hóa.
9. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, NXB Sử học, Hà Nội, 1962.
10. Nguyễn Dữ, *Truyện kì mạn lục*, NXB Văn nghệ, Hà Nội, 1988.
11. Trương Hữu Quỳnh, *Đại cương lịch sử Việt Nam, Tập 1*, NXB Giáo dục, 2005.
12. Phạm Tấn - Phạm Văn Tuấn, *Địa chí huyện Triệu Sơn*, NXB Khoa học và Xã hội Hà Nội, 2010.
13. Phạm Tấn - Phạm Văn Tuấn, *Thắng cảnh Ngàn Nưa với đền Nưa và Am Tiên cổ tích*, NXB Thanh Hóa, 2011.

II. Website:

14. Lê Hải, *Am tiên chuyện và giai thoại*, bài đăng trên blog mạng: www.quocninh.vnweblogs.com
15. Lê Hải, *Ngàn Nưa và Chuyện ông Tu Nưa đọ tài với ông Tu Vòm*, bài đăng trên blog mạng: www.quocninh.vnweblogs.com
16. Đình Hoàng, *Cầu sinh Rồng vàng trên đỉnh Am Tiên*, bài đăng trên báo mạng: www.news.zing
17. Hoàng Năng Hùng, *Khu di tích Am Tiên*, bài đăng trên báo mạng: www.baodulich.net.vn
18. Ngọc Hưng - Nguyễn Hiền, *Suối cá thần ở Thanh Hoá: Bí ẩn chờ giải mã*, bài đăng trên báo mạng: www.giaoduc.net
19. Ma Quỳnh Hương, *Chiến lược xây dựng hình ảnh - điểm đến của du lịch Việt Nam*, bài đăng trên tạp chí nghiên cứu văn hóa, báo mạng: www.huc.vn
20. Lê Văn Tạo, *Am Tiên - di tích thần tiên ở Thanh Hóa*, Tạp chí VHNT số 335, tháng 5-2012, bài đăng trên báo mạng: www.vhnt.org.vn
21. Lam Thanh, *Đền Bà Triệu: Điểm đến của du lịch tâm linh*, bài đăng trên báo mạng: www.khampha.thethaovanhua.vn
22. Lường Thi - Ngọc Hưng, *Kì bí huyền đạo trên đỉnh Ngàn Nưa*, bài đăng trên báo mạng: www.giadinh.net.vn
23. Nguyễn Việt, *Thanh kiếm ngấn Đông Sơn mang hình tượng Hai Bà Trưng*, bài đăng trên báo mạng: www.drnguyenviet.com
24. Mai Vui, *Lễ hội mùa xuân 2013: Những gam màu sáng*, bài đăng trên báo mạng: www.vanhoadoisong.vn
25. XuThanh, *“Đảo cò” Tiến Nông “Báu vật” thiên nhiên cần bảo vệ*, bài đăng trên báo mạng: www.baothanhhoa.vn
26. *Bách khoa toàn thư mở*: www.vi.wikipedia.org

27. *Đền thờ Mai An Tiêm*, bài đăng trên báo mạng: www.thanhhoa.gov.vn
28. *Kỳ vọng về một khu du lịch văn hóa lịch sử - Hàm Rồng*, bài đăng trên báo mạng: www.baothanhhoa.com
29. *Khu di tích Lam Kinh*, bài đăng trên báo mạng:
www.svhttdl.thanhhoa.gov.vn
30. *Thành nhà hồ (di sản văn hóa thế giới)*, bài đăng trên báo mạng:
www.vietnamtourism.com
31. *Tự ý trùng tu “phá hỏng” di tích quốc gia*, bài đăng trên báo mạng:
www.dantri.com.vn
32. *Về động Tì Thúc gập Tiên*, bài đăng trên báo mạng: www.hocsinhbadinh.net

PHỤ LỤC

1. Bảng thống kê các hạng mục, di tích, danh thắng trong Khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh núi Nưa (Huyện Triệu Sơn - Thanh Hóa).

1.1. Hệ thống di tích gắn với Bà Triệu

STT	Tên di tích, danh thắng	Loại hình
1	Đền Nưa	Di tích lịch sử
2	Đền Bà Triệu	Di tích lịch sử
3	Đền Mẫu	Di tích lịch sử
4	Chùa Bích Vân	Di tích lịch sử
5	Giếng Tiên	Danh thắng
6	Động Đào	Danh thắng
7	Huyệt khí thiêng	Danh thắng
8	Động chúa, lâu cô, lâu cậu	Di tích lịch sử
9	Núi Nưa	Danh thắng
10	Động Am Tiên	Danh thắng

1.2. Các di tích trong khu di tích Phủ Na ở phía Tây núi Nưa

STT	Các di tích
1	Đền Tĩnh
2	Đền Đức Ông
3	Đền Quan Hoàng
4	Đền Mẫu
5	Đền Cô Chín
6	Nơi thờ Chúa thượng ngàn

Nâng cao hiệu quả khai thác du lịch tại khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh
Núi Nưa - huyện Triệu Sơn - Thanh Hoá

7	Nơi thờ Thánh Tản Viên
---	------------------------

2. Bản Quy hoạch tổng thể khu vực đỉnh Am Tiên



3. Hình ảnh một số công trình di tích tại Núi Nưa



Chùa Bích Vân (Am Tiên tự)



Đền Mẫu

Hình ảnh một số công trình di tích tại Núi Nưa



Đền Nưa



Huyệt khí thiêng



Khách hành hương lên Am Tiên



Xin nước ở giếng Tiên